

VẾT NHẠN LƯNG TRỜI
Huỳnh Trung Chánh

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 8-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời Giới Thiệu Của Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh

TRẦN TRUÔNG

LOÀI HOA BÌNH DI

THÀNH TOÀN

NGỘ

ĐẦU CHĂNG LÀ NHÀ

CHÂN DUNG CỦA MẸ

---o0o---

Lời Giới Thiệu Của Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh

Huỳnh Quân viết truyện để nuôi dưỡng chân tính và tình cảm của mình như người xưa nuôi hoa lan gầy hoa cúc để nuôi dưỡng tính tình của họ. Tôi nghĩ trước khi đặt bút xuống viết một chuyện, Huỳnh Quân thường để tâm mình chìm xuống trong suối nguồn lịch sử để được nuôi dưỡng bằng trí tuệ và tình tự của đất nước của giống nòi. Trong khi viết truyện, ông cảm thấy khỏe mạnh, hăng hái, yêu đời và cảm thấy thương yêu tràn ngập trong lòng. Và sau khi viết xong một truyện, ông cảm thấy khoan khoái và nhẹ nhàng. Người đọc thế nào cũng cảm nhận được tính chất lành mạnh, tin tưởng và yêu thương đó của ông. Đọc truyện của Huỳnh Quân viết cũng là để nuôi dưỡng tính tình.

Tôi có hân hạnh đã từng là thầy học của Huỳnh Quân cách đây một phần tư thế kỷ. Hồi đó, Viện Cao Đẳng Phật Học Saigon mới được thành lập. Ngày ấy, người thanh niên họ Huỳnh đã rất mến mộ đạo Phật và nền văn hóa dân tộc. Tôi rất mến mộ ông, vì biết ông là người có chí khí. Thời thế loạn lạc, thầy trò không mấy khi có dịp đàm đạo. Sau đó, đi vào đời, làm chánh án, làm dân biểu, đem tài sức ra để làm việc cho dân cho đời, ông vẫn giữ niềm tin nơi đạo đức và khả năng của cha ông, của giống nòi.

Gần đây được gặp ông, được đọc truyện ông viết, tôi lại thấy rằng nhận xét ngày xưa của tôi không đến nỗi sai lạc. Mùa Xuân năm nay, Huỳnh Quân có gởi cho tôi một tập truyện mang tựa đề là *Vết Nhạ Lưng Trời*, dặn rằng sau khi đọc, nếu có hứng khởi thì viết cho vài hàng giới thiệu. Tuy nhiên, suốt mùa xuân lẫn mùa hè, tôi bận đi hướng dẫn các khóa tu học cho đồng bào và cho người ngoại quốc, tôi đã không có thì giờ đọc. Tiết Trung Thu năm nay, nhờ có thì giờ rỗi rảnh, tôi mới đem tập bản thảo ra, pha trà và ngồi đọc. Đầu thu, cây cối xanh tươi rực rỡ quá. Vết Nhạ Lưng Trời viết rất dễ thương; không khí trong truyện nhiều khi cổ kính, thuần hậu mà không bao giờ kiêu kỳ. Lòng từ bi của tác giả có thể sờ mó được.

Đọc xong tập truyện, tôi rất cảm động, liền vào lấy giấy, viết lên mấy giòng chữ này, gọi là để cảm tạ Huỳnh Quân. Kính chúc các bạn đọc giả sống được những giờ phút đẹp đẽ trong khi đọc sách.

Viết tại xóm Thượng, làng Hồng
Đầu thu năm 1989

Nhất Hạnh

---o0o---

TRẦN TRUÔNG

Đã từng xuất ngoại viếng thăm danh lam thắng cảnh xứ người, Thành vẫn không nén được niềm ngạc nhiên kỳ thú, khi phong cảnh hùng vĩ tuyệt vời của quần đảo Nam Du hiện bày trước mắt. Hạ Uy Di nổi tiếng thế giới, nhưng nếu so sánh với Nam Du (1), có lẽ chỉ là một bóng mờ nhạt. Thế mà, tiếc thay! Mấy người Việt biết đến phong cảnh thần tiên của quê hương mình. Ngay đối với người dân Rạch Giá, dù Nam Du là một ấp địa phương thuộc quận châu thành, cách tỉnh lỵ khoảng chừng 100 cây số, nhưng họ cũng tưởng đó là chốn hoang đường lạ hoắc. Họ chỉ nghe biết loáng thoáng về một chôn mù khơi mang địa danh kỳ cục là Củ Tron, nơi xuất phát một giáo phái chủ trương khổ thân, đầy lạ lùng, kỳ bí. Vào thời Pháp thuộc, khoảng năm 1937, giáo chủ đạo "Trần Truông", từ hòn Củ Tron (2), bồng hứng chí hướng dẫn ba, bốn mươi nam nữ đệ tử, tất cả đều trần như nhộng, dong buồm thẳng đến thị xã Rạch Giá, thân nhiên biểu dương lực lượng quanh chợ, rồi đến tư dinh Tỉnh Trưởng đưa kiến nghị "đòi nước". Thuở đó, biểu tình đòi nước là việc cực kỳ nguy hiểm đưa đến án tử hình hay tù rục xương nơi Côn đảo. Người dân vốn nhác gan, không dám nghe, không dám thấy, không dám bàn bạc liên hệ. Thế nhưng, vụ "cởi truông" lạ lùng hấp

dẫn quá, nên không ai bảo ai, họ cũng đổ xô ra xem và nhiều người bạo phổi còn vỗ tay hoan hô cổ vũ. Diễn biến bất ngờ làm viên Tỉnh Trưởng Phú Lang Sa và đám lính mã tà điên đầu như ốc. Họ phải huy động toán lính khố đỏ, nổ súng thị oai, để vất vả tách rời đám biểu tình với kẻ hiếu kỳ, rồi tổng thầy trò đạo khóa thân vào khám. Viên Tỉnh Trưởng cáo già dẫu nhem vụ xáo trộn chính trị địa phương, bằng cách âm thầm áp giải nhóm biểu tình trở lại hoang đảo ngăn cấm mọi sự di chuyển. Mặc khác, họ loan tinh xuyên tạc là nhóm trần truồng Củ Tron biểu tình "đòi nước ngọt", chứ không phải đòi đất nước, như lúc đầu nhâm lẫn.

Tuy người thuật chuyện đã dùng luận điệu mỉa mai, giễu cợt để kể lại chuyện người xưa, nhưng lòng Thành vẫn cảm thấy dâng tràn một niềm cảm kích đối với những kẻ quê mùa dốt nát ở chốn hoang đảo, mà dám thẳng thắn bày tỏ lòng yêu nước chân thành của họ. Đó là lý do thâm kín thúc đẩy Thành, hướng dẫn phái đoàn Tỉnh, viếng thăm Củ Tron, với hy vọng tìm thấy manh mối người xưa.

Tạm biệt khu chợ cá Bạch Đằng náo nhiệt và vùng biển đen đui phù sa, thuyền tiến lên ra khơi. Khi Hòn Rùa, hòn Me, hòn Đất bắt đầu mất dạng, bốn phương trời toàn là biển cả mênh mông, chiếc thuyền con trở nên nhỏ nhoi lạc lõng. Sau 10 giờ tù túng và ngất ngư bởi những đợt sóng dập dờn liên tục, lòng háo hức biển khơi giảm dần. Thành bỗng dưng thêm đất liền, nhớ mùi nồng nồng của đất mới cày, mùi ngòn ngọt ngây ngây của cánh đồng lúa trổ. Vì thế, khi quần đảo Nam Du vừa lộ dạng trong sương mù mờ ảo ban mai, tình đất đã khiến chàng rộn ràng sung sướng. Thuyền len lỏi giữa các hoang đảo dị dạng, mỗi hòn một sắc thái, một vẻ đẹp riêng. Hòn Kỳ Lân, hòn Đồi Mồi cục mịch như con vật tiền sử khổng lồ. Hòn Trụi phẳng lỳ. Hòn Nhạn trơ vơ sỏi đá. Hòn Móng Tay thon dài xinh xắn, được điểm tô trên bãi cát nhỏ xíu bằng hai cội thiên tuế già phát phơ. Giống như người hùng cô đơn hiên ngang trước quân thù trùng điệp phủ vây, cây sơn đá cong veo trơ trọi trên sườn đồi hòn Trống, rễ cuộn cuộn bám víu vách đá khô cằn không chút đất, mà vẫn ngạo nghễ nhìn đời. Dưới nước, san hô hình gạc nai, hình bông cải, hình nấm Đông cô, hình hoa hồng khổng lồ. Mọc chen chúc nhau như một xóm làng đông đúc. Ôu đó, từng đàn cá mồm mồm, rục rờ màu sắc, vi kỳ ảo lạ thần thơ bơi lội, rồi bỗng vội vàng biến mất. Thuyền tiến vào trung tâm quần đảo. Bốn hòn đảo lớn: hòn Củ Tron, hòn Dầu, hòn Mấu, hòn Nôm đã khéo léo nằm quay quần theo chu vi hình tròn, tạo vùng biển mênh mông ở giữa thành một biển hồ yên tĩnh. Dù mùa biển động, mặt hồ cũng chỉ gợn sóng lăn tăn nên hàng mươi bãi biển quanh hồ, với hàng dứa thơ mộng, luôn êm ả, saün sàng chờ đón ghe thuyền vào trốn bão.

Thiên nhiên ở đây thật hoàn hảo. Trời cao ngất, biển mênh mông, núi non xanh tươi hùng vĩ, bãi cát trắng tinh mịn màng. không nơi nào bị xã hội văn minh làm vẩn đục. Còn những căn nhà lá nhỏ, bụi chuối, hàng dừa. của người dân mộc mạc, không hề đối nghịch mà chỉ hoà hợp dịu dàng với thiên nhiên, tạo thiên nhiên thêm đậm đà thơ mộng. Những ngày trên đảo, Thành thường thơ thẩn dưới hàng dừa hoặc lang thang trên đỉnh đồi cao, để nhìn rừng cây rung rúc cười cợt gió, hay nghe tiếng sóng thì thầm với ghenh đá xa xa. Không phải bận rộn với xã hội lễ nghi hình thức, với danh vọng bạc tiền, con người thật tự do thư thả. Trong phúc giây, Thành cảm giác mình nhẹ nhàng, bay bổng, "trần truồng" rong chơi với thiên nhiên muôn điệu. Ô nhi ! - Thành thậm nghĩ thiên nhiên đâu cần phải che dấu, đội lốt, nhân danh., trời đất, cỏ cây. muôn đời vẫn trần truồng mà trong sạch. Thành bỗng dung cảm thấy gần gũi hoà hợp với Ông đạo khỏa thân của ngày xa xưa ấy.

Thế nhưng, Ông đạo đã chết vào năm 1944. Trên đảo, ngoài các cô cậu bé tí vẫn hồn nhiên trần truồng hành đạo, không tìm đâu được dấu vết gì về đạo khỏa thân. Viên Trưởng ấp cho biết, trên đảo không có tu sĩ nào, ngoại trừ Ông đạo "BÉ NĂM" tại Cù Tron. Nghe danh hiệu Bé Năm hơi lạ, saün tánh hiếu kỳ, Thành nhất quyết đòi viếng thăm Ông đạo, cho biết sự tình.

Bãi Vắng, gian san của Ông đạo Bé Năm, chỉ cách bãi Ngự chừng 15 phút đường ghenh, nhưng viên Trưởng ấp tận tụy với thượng cấp đã chọn đường biển, dù việc lái thuyền vào bãi rất khó khăn bởi đám đá ngầm lổm chổm, như muốn xua đuổi kẻ phàm trần. Lổm đất bằng gầy guộc bao phủ bởi đồi núi xanh rì, đã được gia chủ tiện tận xử dụng từng tấc đất. Vài mươi cây dừa cao nghệu được trồng dài ra tận bãi cát, kế đó, là căn nhà sàn thô sơ: mái tranh, vách đất, sàn nhum ọp ẹp. Trước sân, có vài cây ăn trái: mít, đu đủ. cùng với liếp rau, dãn mướp. Phía sau, là vài mươi bụi chuối lá xiêm mập ú được trồng tiếp giáp đến mép đồi. Ông lão tuổi trên 70, mặc áo bà ba vải nâu bình dị, dáng dấp cằn cù của một nông dân già, đang lúi húi chăm sóc nia chuối khô tươm mật, giựt mình và mừng rỡ đón chào khách lạ. Sau khi được giới thiệu, Ông lão khoanh tay lễ phép chào:

- Hân hạnh được tiếp đón Ông Phó. Kính mời Ông Phó vào nhà nghỉ. Tôi xin phép nấu nước trà đãi khách.

Lão già đưa Thành vào nhà, và mặc dù Thành ngăn cản, cũng nhất quyết lui cui nhóm lửa. Nhà trống trơn làm Thành luống cuống, không biết nên đứng hay ngồi xẹp xuống sàn. Trước mặt, là kệ thờ Phật, trên đó có hai quyển sách giấy đã vàng hoe cũ kỹ: quyển Kinh Nhật tụng của Hội Phật Học Nam

Việt và quyển Pháp Bảo Đàn Kinh của Đoàn Trung Còn. Tò mò, Thành lật vài trang sách, vô tình thấy hàng chữ viết "thân tặng anh Đốc Phủ Lê Quang Phước. Chánh Tri". Khám phá bất ngờ làm Thành giật mình, vì Ông đốc phủ sứ Lê Quang Phước, chính là vị tỉnh trưởng dân sự đầu tiên tại tỉnh Rạch Giá, khi người Pháp bàn giao chính quyền địa phương cho Việt Nam. Ngài đã từ dịch, lui về quận Kiên Tân, lập chùa hoàng dương Phật Pháp rồi bất thành linh bỏ đi mất tích. Không biết Ông đạo Bé Năm này có liên hệ gì với vị Tỉnh trưởng ngày xưa?

Thành vội đến ngồi gần bên Ông lão, lựa lời để gọi chuyện:

- Xin lỗi cụ, - Thành thật lễ phép - có phải cụ tục danh là Lê Quang Phước, nguyên tỉnh trưởng Rạch Giá không ạ!
- A! - Ông lão bối rối - Dạ! Đó là chuyện của 20 năm về trước. Xin Ông Phó cứ gọi tôi là "Bé Năm" như mọi người là quý rồi.

Trước một vị đàn anh, đã có thời vang bóng, mà khiêm cung ân dật, xem danh lợi như phù du, Thành vừa ngạc nhiên vừa cảm phục.

- Dạ thưa Ông Năm. Xin Ông Năm xem cháu như một đàn em. Và nếu không có gì trở ngại. Xin Ông Năm cho cháu được biết nguyên do nào đã khiến Ông Năm rời Kiên Tân, đổi tên họ, để về đây?
- Chuyện dài, - Ông Năm hiền hoà - nhưng tôi vẫn sẵn sàng kể cho người hữu duyên. Trước hết, xin mời Ông Phó dùng chút trà. Trà rừng mà có người tâng bốc là trà tiên, mọc hoang ở đây, lá già, lá non, khô hay tươi đều xử dụng được. Trà thơm, nhưng thật ra không thể nào so sánh được với trà đất liền, đã được sấy, ướp công phu.

Sau hai tuần trà, Ông Năm bắt đầu câu chuyện: Như Ông Phó đã biết, sau khi từ dịch, tôi về quận Kiên Tân, xây cất ngôi chùa khang trang để khởi đầu ước mơ hoàng dương Phật Pháp. Mọi việc đều tiến triển tốt đẹp, ngoại trừ, ngôi vị trụ trì luôn luôn bị khủng hoảng. Tôi thỉnh vị thầy nào về trụ trì, thì quý thầy chỉ ở từ 6 tháng đến 1 năm rồi tự ý bỏ đi. Thuở đó, tôi nghĩ quý thầy lỗi trăm đường, vì xét cho kỹ, tôi hết lòng vì đạo, đâu có làm điều gì sai lầm đâu. Tuy nhiên, khi yết kiến bổn sư, Hoà Thượng Huệ Quang, trước khi thầy tham dự Hội Nghị Phật Giáo Thế Giới, tôi thỉnh ý thầy thì được thầy chỉ dạy: "Các vị cổ đức cho rằng chùa xây dựng bằng sự đóng góp rộng rãi của bá tánh thường trường tồn, trong khi chùa của một đại thí chủ hay một nhóm người dễ suy sụp., lý do là việc trường tồn của ngôi chùa tùy thuộc rất nhiều vào duyên phúc người lập. Chùa của con gặp rắc rối về vị trụ trì, kể ra thì

cũng bình thường thôi. Nhưng thầy khuyên con nên trì tụng Pháp Bảo Đàn kinh, để mọi việc sẽ được hanh thông."

Về Kiên Tân, tôi trì tụng Kinh Pháp Bảo Đàn liên tục. Đến ngày thứ hai mươi một, tụng đến đoạn thầy tặng tên Pháp Đạt (4), cây đã tụng kinh Pháp Hoa ba ngàn bộ khi lễ Lục Tổ, đầu không sát đất, nên bị Tổ quở: "Lạy mà đầu không sát đất, sao bằng chẳng lạy. Trong lòng ngươi chắc có một vật, NGƯỜI CHẤT CHỨA VIỆC CHI VẬY?". Câu hỏi của Lục Tổ làm tôi rung động. Tôi tự hỏi mình ĐÃ CHẤT CHỨA SỰ NGHIỆP GÌ mà khi xá chào hay thưa chuyện với thầy trụ trì tâm tôi kiêu ngạo bất phục. Pháp từ của Lục Tổ thật giản dị. Tụng kinh, trì giới, xây chùa, hoằng pháp. là những phương tiện để tu tâm. Nếu ôm ấp phương tiện đó như một công đức, một sự nghiệp thì công cao ngã mạn pháp sanh, ngã chấp nặng nề, tham sân si tăng trưởng. Than ôi! Tôi đã tự cho mình công đức cao dày nên chằm chập phán xét người, mà không hỏi quang phản chiếu tự xét mình, chỉ thấy lỗi người chớ đâu thấy lỗi mình (5).

Tôi vội đến tăng phòng thầy trụ trì, vị sư trẻ mà bấy lâu nay, trong thâm tâm tôi vẫn đánh giá thầy thiếu vốn liếng nội điển, ồn ào, hời hợt, lại thường khoe khoang tài thuyết pháp, tài làm thơ khi tọa thiền ! ! !, nhưng lần này, tôi thấy thầy thật thánh thiện, viên mãn tròn đầy như kim thân vị Bồ tát. Tôi quỳ xuống, lễ thầy kính cẩn thành tâm như lễ Phật, rồi giao hẳn ngôi chùa cho thầy, ra ẩn cư chốn này.

Từ khi biết "buông bỏ sự nghiệp", biết thấy lỗi mình mà không thấy lỗi người, tôi tự thấy đạo đức mình còn thấp kém. Tôi chỉ mới có thể hành được cái hạnh tâm thường mà đưa trẻ lên năm nói được, chớ đâu đạt được một phần, lời lẽ cao siêu mâu nhiệm của người lớn. Do đó, tôi đổi tên là Bé Năm, hầu nhắc nhở rằng đạo đức mình non kém, cần phải ngày ngày tu sửa."

Thành lắng nghe mà lòng bồi hồi cảm động, không ngờ mình được điểm phúc hậu chuyện với bậc trưởng thượng đạo cao đức trọng. Chàng vừa tôn kính vừa thân thiết với Ông lão, nên đến lúc phải giả biệt, đã bịn rịn không muốn rời bước. Có lẽ Ông Năm cũng cảm mến Thành, Ông ân cần đưa chàng ra tận bãi, và khuyên nhủ:

- Thành ạ! Phó Tỉnh Trưởng là huyện, mà tù nhân hay thợ điện cũng đều là huyện cả!

Ngày đó, Thành tưởng Ông Năm nhằm mục đích khuyên chàng nên đối xử bình đẳng với mọi người, dù đó là nhân viên thuộc hạ, thợ thầy hay tù nhân.

Ngờ đâu câu dẫn dò chính là lời tiên đoán tương lai vận mạng của chàng. Nhờ hiểu lý huyền, chàng đã khinh thường khổ nhục thương đau tại trại tù học tập cải tạo; chàng cũng đã đứng vững trước đời sống vật chất thô sơ, để càn cù an phận với nghề thợ điện tử tại xứ người.

Tham dự buổi picnic do công ty tổ chức tại bờ biển Galveston, Thành lại có dịp thấy biển khơi. Galveston thật tầm thường, ồn ào, như bần. Mà cho dù phong cảnh ở đây có đẹp tuyệt trần, thì Thành cũng coi như là loại cảnh giả, không hồn, không có chút gì làm cho lòng chàng lưu luyến. Ôu xứ này, làm sao tìm ra được một bác nông dân, một bác thợ chài hiền lành? Làm sao sản sanh ra được một Ông Năm thâm trầm giản dị?

Không hoà hợp với đám đông reo hò cười cợt, Thành chọn một tảng đá thật xa để ngồi trầm lặng. Đang mơ màng nhớ lại từng chi tiết chuyến viếng thăm Củ Tron ngày trước, thì thành linh Thành nghe tiếng đàn bà léo nhéo bên tai. Đó là Mỹ Lệ, người đàn bà bay bướm, đang kéo lôi Bob, tên chỉ huy hảo ngọt, đến một chỗ kín đáo để trưng giỡn bốc hốt. Cảnh trái tai gai mắt đó làm Thành buồn nôn, vừa gớm ghiếc vừa xấu hổ chung cho người Việt. Lòng khinh bỉ dâng tràn, đến nổi, Thành phải quay mặt đi tránh khỏi phải nhỏ bãi nước miếng vào mặt Mỹ Lệ. Hốt nhiên, chàng có cảm giác như Ông Năm nhìn chàng rồi mỉm cười nhắc lại lời tục tở: "NGƯỜI CHẤT CHỨA SỰ NGHIỆP GI." Chàng cảm thấy sừng sờ thẳng thốt, một cái gì trống không, tươi mát, tràn ngập làm nước mắt chàng ràn rụa, - một kinh nghiệm lạ lùng khó tả - Chàng lẩm bẫm: "Ồ nhỉ ! Mình làm Phó Tỉnh, có chút chức phận, chút tiền chớ có hành vi đạo đức nào cao đẹp đâu? Mình có dựng được chùa, có bố thí thân mạng hay hết tài sản chưa? Mà sao mình tự cao tự đại khinh khi người khác? Chàng Ngọc mình chê là hạng "trung tá y sĩ", chàng Mai thì nịnh nọt bợ đỡ, chàng Bách thì bần tiện bần thiêu., còn các cô Mỹ Lệ, Thanh Nhã, Thiên Kim thì mình khinh là thứ dâm đảng, dĩ điểm rẽ tiền. Ngay như các vị tu sĩ, ngoài bốn sư, Hoà Thượng Thiện Hoà, có mấy vị được cao tăng dạy dỗ mà đến giờ này, vẫn chỉ thấy lỗi người chớ chưa biết thấy lỗi mình. Thật là xấu hổ, đáng bị thầy "quở". Mà không ! Thầy từ bi thầy có bao giờ quở trách ai đâu. Thầy chỉ hiền hoà thờ dài, than nhỏ nhẹ "tội nghiệp" mà thôi. Bỗng nhiên, Thành cảm thấy gần gũi với thầy hơn cả ngày xưa. Thầy là Viện Chủ chùa Aán Quang, vị tu sĩ nổi tiếng hiền hòa, saün sàng đùm bọc chu cấp cho tất cả tu sĩ không "nhà", dù là bật đạo đức tăng hay kẻ trần tục tăng. Đệ tử tại gia của thầy, trong đó có cả Thành, thường soi bói nhìn các tu sĩ ở trọ để mách với thầy về tư cách của họ: vị lộ

lãng chửi thề, vị bay bướm hào hoa lại cũng có vị rượu thịt bừa bãi. Những tưởng thầy sẽ đuổi họ ra khỏi chùa, ngờ đâu thầy chỉ thờ dài "tội nghiệp". Thế thôi. Thầy vẫn đối xử với các vị đó như bát nước đầu, tương kính như đối với bậc đồng vai vế. Bây giờ Thành mới hiểu được thầy. Thầy không bao giờ thấy lỗi người, mà thầy bao dung thương xót cho kẻ yếu hèn, bị đục vọng cuốn lôi vào vòng oan nghiệt.

Lòng rộn ràng thay đổi, Thành đứng lên quan sát mọi người. Ai chàng cũng thấy rất dễ thương, và hành vi nào của họ chàng cũng có thể hiểu và thông cảm được cả.

Chàng bỏ dở buổi picnic, lái xe về Houston đến ngôi chùa Việt Nam gần nhất, lên chánh điện lễ Phật. Chàng quỳ xuống, chiêm ngưỡng dung nhan từ bi của đức Phật và đón nhận nụ cười thật nhẹ của Ngài, nụ cười từ bi thông cảm, thương cho chúng sanh hèn yếu lầm lạc. Thành lễ Phật xong, thì thầy trụ trì cũng vừa bước vào chánh điện. Thầy hiện hữu như là hình ảnh sáng ngời của bốn sư hay của Ông Năm đạo hạnh. Thành phủ phục xuống lễ thầy trang trọng như lễ một vị Bồ tát.

Sự nghiệp chàng, lòng chấp ngã kiên cố của chàng, lòng tự tôn tự đại của chàng. hốt nhiên tan vỡ thành mảnh vụn. Chàng đứng lên nhẹ nhàng thanh thản, như mây bay, gió thoảng, như cành cây, như cục đất. trần trỗng trong trắng thông dong.

Tháng 10.87

Ghi chú:

1/ Quần đảo Nam Du, tức Pulau Dama (theo hải đồ quốc tế), tức Củ Tron (địa danh bán chánh thức lâu đời của dân biển), gồm 21 hòn đảo, nhưng chỉ 4 đảo lớn: Nam Du (Củ Tron), Mấu, Dầu, Nôm là có dân cư trú. Về phương diện hành chánh, Nam Du là một ấp thuộc xã Lại Sơn, quận Kiên Thành, tỉnh Kiên Giang.

2/ Tục danh của giáo chủ đạo khoa thân là Sáu Đài (?). Người đã hành đạo, thu nhận đệ tử và sau đó cũng từ trần tại hòn Mấu vào khoảng năm 1944. Sự kiện Ông đạo khoa thân hướng dẫn đệ tử về Rạch Giá đòi quyền Pháp trả nước là sự kiện có thật. Tuy nhiên, không có tài liệu nào chắc chắn về chủ trương, đường lối, giáo lý của phái này.

3/ Hoà Thượng Huệ Quang: một trong những vị cao tăng đã đóng góp công đức lớn cho phong trào chấn hưng Phật giáo Miền Nam. Ngài đã liễu đạo năm 1954 tại Aán Độ, trong khi tham dự Hội Nghị Phật Giáo Thế Giới, với tư cách là Phó Hội Chủ Tổng Hội Tăng Già toàn quốc.

4/ "Vị tăng Pháp Đạt ở Hồng Châu thường tụng kinh Pháp Hoa để nễ Lục Tổ mà đầu không sát đất. Tổ quở: Lẽ mà đầu không sát đất, chi bằng đừng lễ. Trong tâm Ông ắt có một vật, ông chắt chứa việc gì ? Pháp Đạt thưa: đã tụng được ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Tổ bảo: Ông nếu tụng đến muôn bộ, đạt được ý kinh mà chẳng lấy làm hơn thì cùng ta sánh vai. Nay Ông mang sự nghiệp này trọn chẳng biết lỗi, nghe ta nói kệ đây:

Lễ vốn chặt cờ mạn
Sao đầu không sát đất
Có ngã tội liên sanh
Quên công phước khôn sánh

Pháp Bảo Đàn

(Trích từ quyển Yêu Chỉ Thiên Tông, Hoà Thượng Thanh Từ)

5/ Phân này cũng lấy ý từ Pháp Bảo Đàn:

Thần Hội hỏi Lục Tổ Huệ Năng: "Hoà Thượng ngồi thiền, thầy hay chẳng thấy".

Sư lấy gậy đánh Thần Hội 3 gậy mà hỏi rằng: "Ta đánh ngươi đau hay chẳng đau".

Đáp: "Cũng đau mà cũng chẳng đau"

Sư nói: "Ta cũng thấy mà cũng chẳng thấy"

Thần Hội hỏi: "Cũng thấy mà cũng chẳng thấy, nghĩa là sao?"

Sư nói: "Ta thấy là thường thấy các tội lỗi của tâm mình, mà chẳng thấy điều phải quấy, tốt xấu, của người. Bởi vậy cũng thấy mà cũng chẳng thấy. Người nói cũng đau mà cũng chẳng đau, nghĩa là sao? Nếu người chẳng biết đau, thì đồng với loài cây đá, còn biết đau thì đồng với kẻ phạm phu, liên sanh giận hờn. Cứ như chỗ người hỏi trước: Thấy hay chẳng thấy, ấy là chấp ;hai bên. Chỗ người nói: Cũng đau mà cũng chẳng đau, ấy là còn sanh diệt. Trích Pháp Bảo Đàn (Hoà Thượng Minh Trực)

"Đất trầm thủy, trung bong lầy lội, âm thịnh dương suy". Câu tuyên bố cộc lốc của thầy địa lý già phán quyết cho vùng Tâm vu (1) ngay từ thời khẩn hoang lập nước có giá trị như một sấm ký, ám ảnh dân làng, nhất là khi tình

trạng chênh lệch nam nữ trầm trọng bắt đầu xuất hiện. Trẻ em trai có phần hiếm hoi. Gia đình nào may mắn được một thằng cu giữa bầy con gái thì thật là đại phước.

Câu hát ru em thịnh hành một thời:

*"Gái Tầm Vu đồng xu ba đũa
Trai Thủ Thừa cời ngựa sang mua!"*

phản ánh phần nào tình trạng dư thừa con gái ở Tầm Vu, tuy rằng "giá cả" không rẻ mạt như vậy. (Thật ra, thì vào thời khai hoang dựng nước, con gái miền Nam ở bất cứ nơi nào, cũng được quý trọng, bởi lẽ số di dân ở miền ngoài vào lập nghiệp hơn 2/3 là nam giới).

Nhà họ Dương cũng không thoát khỏi ảnh hưởng của định luật vô hình đó. Dương phu nhân, sau khi sản xuất "liền tù tì" mười cô tiểu thơ, gân cốt rã rời, mà vì thương chồng, vẫn ước mơ gom tàn lực tạo một tác phẩm hoàn hảo chót, một cậu út nói dối tông đường. Thôi thì miếu nào, ông đồng bà cốt nào?, hễ nghe tiếng linh thiêng thì bà đều đến để lễ bái cầu cạnh. Dương ông cũng lo lắng không kém. Nghe ai chỉ dẫn thuốc đại bổ nào để tạo hạt giống nam Ông đều thử. Ông lại mời thầy địa lý về sửa hướng nhà, hướng bếp, thay giường đôi chiếu, rồi cũng sửa đổi luôn thói quen vợ chồng nữa. Trăm phương ngàn kế chỉ để mưu cầu một đũa con trai.

Có lẽ trời không nở phụ lòng người, phu nhân nằm mộng thấy phượng hoàng vào nhà, thì bắt đầu thọ thai. Niềm hi vọng manh nha và ngày càng tăng trưởng. "Bắt mạch" ước mơ của họ Dương, các thầy bói toán mặc sức tung hoành. Kẻ xem tướng, chỉ tay, người trở tài dịch lý, tử vi đầu số, âm dương ngũ hành? để tán tỉnh gia chủ. Các bà thầy, bà mụ cũng không vừa. Họ tranh nhau vạch bụng, vạch ngực phu nhân để tiên đoán: "núm đỏ quàng to sanh gái; núm sần sái thon dài sanh trai", "bụng nhọn ra trai, bụng chày bày ra gái", hoặc giả "Dạ trên sanh gái, dạ dưới sanh trai", vân vân và vân vân. Trăm ngàn mồm mép của cậu bé trai phương phi sẽ ra đời vào đầu Xuân Quý Mùi (nhằm Minh Mạng ngũ niên) sắp tới. Nức lòng hả dạ, Dương Ông tổ chức mừng Xuân thật linh đình. Ông bao dàn một gánh hát bội, trao giải thưởng múa lân, ứng tiền tổ chức các trò vui nhộn: đấu cờ, đẩy cây, đua xuồng, leo cột mỡ, bắt vịt? để dân làng san sẻ niềm vui với gia đình Ông.

Chuẩn bị cho giờ nở nhụy khai hoa, làng trên xóm dưới trông ngóng tin để kịp thời chúc tụng, đoàn lân lập lò sấn đầu ngõ chực chờ múa may lãnh thưởng. Trong nhà heo, gà, vịt đã trối sẵn chờ "mãn thị", gia nhân lui tới rộn

ràng, treo pháo lớn pháo nhỏ, trong ngoài, chờ lệnh để châm ngòi cho nổ vang long.

Có tiếng trẻ sơ sinh khóc, cả nhà nín thở chờ đợi. Dương Ông chạy vội vào phòng. Cháu bé thật kháu khỉnh, nhưng Dương Ông đâu có thời giờ để ngắm nhìn mặt mày. Ông chỉ chăm bằm vào một chỗ, dụi mắt ngó tới ngó lui, tìm hoài vẫn không thấy trái ót con con, mà chỉ là con sò bé bỏng. Dương Ông hỏn hển trở ra, lắp bắp: "đẹp hết ! bỏ hết !", rồi loạng choạng quy xuống trường kỷ nằm thiêm thiếp.

Thất vọng khiến cho Dương Ông oán ghét Phật Trời, rồi đổ dồn hờn căm lên đầu đứa con sơ sinh vô tội. Bóng dáng mũm mĩm dễ thương của bé Xuân chỉ nhắc nhở Dương Ông lại cảnh bẻ bàng, khi Dương Ông ba hoa quá lộ về đứa con trai thông minh xuất chúng, không bao giờ hiện hữu của Ông. Mới sanh được ba ngày, thì bé Xuân đã được giao cho vú Năm ? Vú Năm vừa sanh con thì đứa nhỏ chết yếu, nên được thuê làm vú ? cho bú mớm nuôi dưỡng, với chỉ thị là chỉ quanh quẩn ở khu nhà dưới dành cho gia nhân, hầu tránh chạm mặt Ông.

Trong hoàn cảnh đó, bé Xuân chỉ có thể sống lặng lẽ, hoà mình với đám con gia nhân, và với sự thương yêu triu mến của vú. Cha thì ghẻ lạnh, các chị khinh khi không nhìn nhoi, mẹ thỉnh thoảng mới ban vài cử chỉ mến yêu nho nhỏ. Tuy nhiên, vì không từng cực khổ với con, tình mẹ con kém khẩn khít, đã vậy thấy bé Xuân lam lũ lẫn lộn với đám trẻ nghèo hèn, không lộ được cái phong lưu, kiêu kỳ? như các chị, nên bà cũng nãn lòng, rồi ngày càng lơ là. Dù bị gia đình hắt hủi, bé Xuân không hề oán trách, nàng vẫn thương cha mẹ dù luôn luôn phải tránh xa cha. Bởi vì, chỉ cần vin vào một lỗi rất nhỏ của em, thì Dương Ông đã có cơ để nổi giận đùng đùng, đánh đập em tàn nhẫn như đối xử với kẻ thù.

Thế là bé lẫn lóc bụi đời ở khu nhà gia nhân, ở sau hè, ngoài vườn, chớ đâu dám léo hánh đến gian nhà lớn nguy nga. Như những trẻ nghèo, bé lấy đất sét nắn đồ chơi hay lấy vành nĩa làm vòng, đánh chạy loanh quanh. Bé cũng theo bạn bè ra đồng bắt cua, bắt cá, bẻ bông súng, mò ấu? hay đôi khi lén qua khuôn viên chùa, hái chùm ruột, me dĩa (me non), me dốt (me chín)? về làm bữa tiệc mắt ruốc sau vườn.

Các chị cô sanh năm một, nên chẳng bao lâu, mấy cô đã trưởng thành một lượt. Các cô chị ăn không ngồi rồi, quanh quẩn trong nhà lớn mãi sanh ra

bực dọc, bịnh hoạn? nhưt là nhàn cư vi bất thiện, không việc chi để làm, thời các cô chỉ rên rỉ, mộng mơ chuyện vợ chồng. Biết bệnh trạng các con, Dương Ông một mặt lo săn rẻ, mặt khác rước thầy đồ về, mượn tiếng cho con học chữ thánh hiền, mà thâm tâm chỉ mong chúng bout rồi rãnh sanh tâm bệnh. Thầy đồ gặp phải đám tiểu thơ, quan đờc hầu hạ nuông chiều nên biếng nhác chẳng để tâm vào việc học hành, nên thật chán chường. Thấy trong đám trẻ lam lũ có bé Xuân, ngoan hiền, thầy gọi đến dạy chơi, bất ngờ thầy nhận được một học trò giỏi. Chỉ mới lên 8 tuổi, trong vòng một tháng, bé Xuân đã thuộc lầu lầu bộ Minh Tâm Bảo Giám. Thầy đồ thương quý quá, đi đâu cũng dẫn theo như một chú tiểu đồng. Thầy đồ sang chùa đàm đạo với thầy Hải Thiện, bé Xuân cũng đi theo để nấu nước pha trà chăm sóc quý thầy. Một hôm, sau khi nghe thầy trụ trì giảng về lịch sử Đức Phật, thỉnh linh bé Xuân đến bên thầy, kính cẩn thưa:

- Thưa thầy! Con xin phép thầy cho con được đi tu.
- A! Con gái mà cũng muốn thành Phật sao con? ? Thầy mỉm cười trêu ghẹo.
- Thưa thầy! Nếu ai cũng có Phật tính không phân biệt trai hay gái, thì con tu cũng có thể thành Phật. Đúng không thầy.

Thầy Hải Thiện giựt mình, không dám trả lời khinh xuất, chằm rãi dạy:

- Đúng vậy con! Trai hay gái, sang hay hèn, tu cũng đều thành Phật cả. Con thấy không? Chùa làng mình có thờ tượng Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, chư bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Địa Tạng?, ngoài ra, còn tượng 18 vị la hán, tượng tam thanh, tượng Quan Công, Ông Tiêu?, hình tướng khác biệt, đẹp có, xấu có? nhưng tất cả đều có Phật tính, là PHẬT ĐÃ THÀNH hay PHẬT SẼ THÀNH. Đó là nguyên lý, tất cả là một, mà một cũng là tất cả đó con.

Ngẫm nghĩ hồi lâu, thầy dạy tiếp:

- Con còn quá nhỏ để xuất gia. Vả lại, muốn xuất gia con phải được cha mẹ cho phép. Nhưng con có thể tu tại gia liền bây giờ, không cần phải vào chùa cạo đầu mới tu.

Đoạn thầy Hải Thiện làm lễ quy y cho Xuân, ban pháp danh nàng là Thanh Hôi, chữ Thanh thuộc thế hệ thứ 41 giòng Lâm Tế, chi phái Liễu Quán, và chữ Hôi, hàm ẩn sự việc bé Xuân sớm đã hội được nghĩa màu.

Sau khi quỳ trước Phật đài nguyện giữ giới không sát sanh, không trộm cắp, không nói dối, không tà dâm, không uống rượu?, bé Xuân cương quyết noi gương thầy trưởng chay để nuôi dưỡng hạt giống từ bi. Em ăn chay âm thầm, nên chỉ có thể dùng rau đậu nấu lẫn lộn với thịt, phương pháp mà em học được khi nghe hai thầy luận đàm về Lục tổ Huệ Năng. Em được hai thầy dạy dỗ tận tình, về Nho lẫn Phật, nên sở học của em ngày càng uyên bác. Thấy Xuân thiết tha với nguyện vọng xuất gia cầu đạo, thầy đồ và vú Năm, tuy không bằng lòng, nhưng cuối cùng vẫn chuyên thỉnh cầu của nàng đến Ông bà Viên ngoại. Ông bà chấp thuận dễ dàng, chớ không có gì rắc rối như thầy đồ dự tính. Có lẽ, đó là giải pháp tốt đẹp, vì ông bà sẽ không phải ân hận khi đối xử tệ bạc với cô gái út của mình.

Thế là Xuân bắt đầu tập sự làm việc năm 14 tuổi, rồi được thầy cho thọ giới sa di ni. Gia đình viên ngoại sống phong lưu cạnh chùa, quên dần cô gái út, trừ vú Năm vẫn âm thầm qua lại chăm nom săn sóc nàng. Thấy Xuân vất vả đảm đương mọi việc trong chùa, gánh nước, bửa củi, trồng rau, quét dọn trong ngoài, và cơm nước phục vụ thầy?, vú thật đau lòng. Vú ước ao được kề cận tu chung với cô chủ để săn sóc cô. Tuy nhiên, vì vú Năm ở trong hoàn cảnh "ở đợ nát đời" ? anh Năm khi đưa vợ đến ở vú đã nhận một số nợ. Tiền lời của số nợ được trả bằng công chị Năm ở đợ. Chừng nào trả được tiền vay thì chuộc vợ về, bằng không thì chị Năm phải ở đợ không công suốt đời ? nên chị không có chút tự do để định đoạt số phận mình.

Chùa Thiên Thai theo truyền thống thiền tông, tuy vẫn chuyên cần công phu khuya và tốt, cùng trau dồi nội điển thâm sâu. Sau thời công phu, là thời tọa thiền, ngoài ra, sa di Xuân phải học oai nghi và giữ chánh niệm theo những phương pháp do thiền sư Đốc Thế đề ra trong quyển Tì Ni Nhật Tụng Dụng Thiết Yếu. Đi đứng nằm ngồi hay làm bất cứ động tác gì, đệ tử phải luôn giữ chánh niệm bằng cách quán những câu kệ trong lãnh. Như khi nghe chuông thì quán:

"Văn chung thanh

Phiền nào khinh

Trí huệ trường

Bồ đề sinh?"

Khi vào nhà vệ sinh thì quán:

"Đại tiểu tiện thời

đương nguyện chúng sanh

khí tham sân si

quyên trừ tội pháp"

Thanh Hội thích hợp với phương pháp quán niệm này. Có lần, quét lá me sân chùa, gặp lúc me vừa có trái non, trẻ nít trong làng phá phách, quăng cành lá bừa bãi, làm cô sa di bực mình. Nhưng khi vừa cầm chổi quét đi một lược, thì câu quán niệm đã tự động hiện ra:

"Cần tảo già lam địa

Thời thời phước huệ sanh

Tuy vô tâm khách chí

Diệc hữu Thánh nhưn hành."

Thanh Hội giựt mình nhớ lại, giữ vững chánh niệm, mỉm cười thương yêu, không để giận hờn, bực bội xâm chiếm tâm mình. Từ đó, Thanh Hội hiểu ra là tu thiền chính là tu tâm. Đi, đứng, nằm, ngồi, trồng rau, gánh nước? mà xử dụng được để tu tâm là thiền, còn "toạ thiền cho mục đất" nhưng tâm không chuyển, thì cũng thật là vô ích.

Sau hai năm tận tình dạy dỗ đưa học trò cung, thầy Hải Thiện gọi đệ tử đến ni viện Phổ Đà, tức chùa Cây Mai, Gia Định thành; để nhờ sư bà Diệu Nghĩa hướng dẫn. Ni Viện Tịnh Độ Tông nên không có câu kệ giòng phái, các pháp danh của thầy lẫn trò đều bắt đầu bằng chữ Diệu, khó phân biệt tôn ti trật tự như thiền tông. Thật ra, tịnh độ tông quan niệm pháp danh cũng chỉ là giả tạm, nên các thứ giả khác: pháp tự, pháp hiệu, vai vế giòng phái? lưu tâm cũng được mà không lưu tâm cũng chẳng sao. Quan niệm đó cũng rất thâm thúy, đầy thiền vị. Ni viện ở nơi đô hội, tông tịnh độ lại hợp với căn cơ quần chúng thời mạt pháp, nên Phật tử thật đông đúc. Ni sư Diệu Nghĩa vừa đức độ, vừa có tài hướng dẫn và tổ chức nên đã gây dựng được phong trào tịnh độ thuần thành tại vùng Cây Mai. Phật sự bề bộn, lễ nghi giao tiếp phiền phức? mà sư bà vẫn giữ được sắc thái an nhiên thanh tịnh, công phu cao dày thật hiếm có. Thanh Hội có dịp để học nơi vị thầy khả kính, từ nội điển, đến đức độ, cách đối xử "tùy duyên bất biến" của sư bà. Dĩ nhiên, cô cũng phải dành phần lớn thì giờ chia sẻ trách nhiệm với 10 sa di ni cùng trang lứa để

hỗ trợ thầy. Thanh Hội bắt đầu phụ trách bếp núc, rồi hương đăng. Sau đó, do tư cách chừng chạc, khoan hoà, lại tinh thông chữ nghĩa, kinh điển, sư bà chọn cô làm thị giả.

Cơ thể con gái khoảng tuổi 15 đến 17 phát triển thật nhanh. Thanh Hội không bao lâu đã trưởng thành, một cô gái xinh đẹp khác thường. Vẻ đẹp của cô có cái gì thùy mị, trang nghiêm của hoa sen tinh khiết. Từ thân thể nàng như toả ra được niềm hòa ái khiến ai cũng yêu mến trong đạo vị. Trong chùa, trừ hai cô sa di Diệu Kim và Diệu Ngọc thường xâm xì phê bình:

- Thứ làm bộ làm tịch thấy ghét!
- Mặt mày nó rồi sẽ lấy chồng chớ tu giống gì ?
- Nó nịnh thầy, thầy cung cho làm thị giả, chớ có biết gì đâu??

còn thì ai cũng thương mến nàng.

Tuân theo chỉ dạy của sư bà, Thanh Hội trì niệm lục tự Di Đà cẩn mật. Sáu chữ "Nam Mô A Di Đà Phật" lúc nào cũng nói liền không dứt trong tâm nàng, thành ra, dù nghe các sư tử dị nghị, tâm nàng cũng đâu có khe hở nào để xúc động như thường tình. Đối với nàng, thì tịnh độ và thiền như nhau không khác.

Chùa lớn, không khí rộn rịp, không được yên tịnh như chùa làng, và dĩ nhiên, thỉnh thoảng cũng có đôi chuyện thị phi phiền não xảy ra, mà kẻ tu hành chỉ coi đó là nghịch duyên thử thách mình.

Thật ra, Phật tử cũng có hạng "câu danh cầu lợi", nhưng quá quắt như gia đình của viên lãnh binh Trương Đại Nhơn, thì quả thật đặc biệt? Bà lãnh binh đền chùa là để tạo dịp "tác oai, tác phúc", khoe của, khoe tiền, và đòi hỏi những ưu quyền đặc biệt hay áp lực chùa tổ chức theo thị hiếu của bà. Đầu Xuân Canh Tí, quan bà yêu cầu ni sư phải đến tư gia hành lễ cầu siêu cho thân nhân, viên cố Bạch phu nhân, vợ của viên Tổng Trấn tiền trạm hậu tấu Gia Định thành, có nhà ý tham dự lễ cúng dường, mà bà lớn "thân phận quốc gia" không đến chùa được. Thế là ni sư Diệu Nghĩa hướng dẫn phái đoàn ni cô đến hành lễ. Rủi ro cho Thanh Hội, ngày ấy, Bạch công tử, con trai cưng của Tổng Trấn và cũng là rể quý của quan lãnh binh, lại ở nhà. Hắn vừa thấy ni cô là đã đảo điên tâm thần. Vốn là kẻ không tin Phật Pháp, mà công tử ta lại đòi quì hàng đầu, mắt đăm đăm nhìn Thanh Hội, chẳng chút nề nang. Cô vợ biết tính chồng, bực quá chỉ biết hờn lây nói mát Thanh Hội:

- Mặt mày coi lịch sự (2) quá hén! Có tính tu thiệt không đó!

Từ đó, Bạch công tử ngày nào cũng lân la đến chùa để trêu ghẹo Thanh Hội. Hấn không úy kỵ gì chốn ni phòng, cứ xông đại lục tìm ni cô, rồi sàm sỡ: "Em hai! Em hai đẹp mà đi tu chỉ cho cực khổ ! Em hai theo qua mà an hưởng giàu sang!". Thanh Hội chỉ biết nhẩn nhục yên lặng hay lẩn trốn vào phòng thầy để được yên thân. Có lần, thấy công tử nói năng sỗ sàng quá, ni cô nhỏ nhẹ thưa: "Tiểu ni nguyện suốt đời tu hành. Xin công tử đừng phá phách tiểu ni. Tội nghiệp". Chỉ có thế mà Diệu Kim, Diệu Ngọc đã to nhỏ với nhau là Thanh Hội phạm dâm giới vì đã nói chuyện với trai, rồi cả hai đoán quyết là sớm hay muộn gì, nàng cũng sẽ hoàn tục.

Trước nay, Thanh Hội chưa bao giờ lâm vào hoàn cảnh phiền não lạ lùng như thế này. Trong buổi công phu sáng, tụng Lăng Nghiêm thần chú, ni cô chân thành mong cầu Đức Phật từ bi gia hộ cho cô thoát khỏi nạn ma vương này. Ngờ đâu, tụng kinh xong, từ chánh điện xuống hậu liêu, bỗng dưng thấy viên lãnh binh Trương Đại Nhon, đằng đằng sát khí, mặt khinh người vác hất lên trời. Lãnh binh bà mặt mũi chằm dằm, chống nạnh đứng bên cạnh cô con gái, mặt hoa ử dột. Không khí thật căng thẳng nặng nề, mà không ai biết được chuyện gì nghiêm trọng đã xảy ra. Mọi người chỉ lặng lẽ chấp tay xá chào tôn kính khách rồi chờ đợi.

Bất thành linh, quan bà gọi sư bà, theo lối gọi con cháu:

- Nè ! Bà thầy, - rồi chỉ tay vào mặt Thanh Hội ? Tui đã nói với bà thầy là cái con này mà tu hành cái quái gì ? Chính cái con mặt trăng này dụ dỗ thằng rể của quan mấy ngày nay đi đâu mất biệt? Con kia ! mày dẫu công tử chốn nào ? ? Dừng lại lấy hơi, bà có vẻ thêm tức tối, đập bàn đùng đùng ? Hừ ! Cái đồ dâm đảng mà giả bộ tu hành. Chùa này chứa chấp thứ dâm đảng phá hoại gia cang người ta, thì bà thầy phải chịu trách nhiệm hết?

Quan Ông cũng trề môi gằn từng tiếng:

- Chùa này lập được thì phá cũng được. Quan đã có công lập, quan muốn đuổi ai thì đuổi?

Hai vợ chồng thi nhau la hét, chửi bới đủ điều không dành cho ai chen vào một lời giải thích. Rồi chừng như "đã nư" rồi, thì cũng âm âm dẫn đám tùy tùng đi mất. Thật ra, quan bà hiểu rõ tính nết của cậu rể dâm đảng, bỏ nhà bỏ cửa vui chơi thỏa thích chốn thanh lâu là việc quá tầm thường. Nhưng khi được mật báo công tử đến chùa ghẹo người, sẵn ganh tị với nhan sắc Thanh

Hội và ám ức ni sư Diệu Nghĩa "ngoan cố" khó điều khiển, nên quan bà đến chùa chửi bới chơi cho bỏ ghét.

Sư bà lộ vẻ buồn trong một thoáng, rồi giữ lại vẻ bình thản thường nhật, lặng lẽ vào phòng đóng kín cửa. Các đệ tử ai cũng áo não thần thờ. Thanh Hội để nước mắt chảy ràn rụa. Cô đã học để giữ tâm mình trong chánh niệm, không để ngoại cảnh chi phối, nhưng lần này, cô chơi vơi, thụ động, để sầu đau chất ngất trong lòng. Đau khổ quá, cô bỏ buổi thọ thực và buổi công phu chiều, mênh mang trong đầu ý nghĩ chết. Ôi! Tạo hoá trở trêu sanh làm chi cái gương mặt thanh tú này để cho người yêu kẻ ghét! Ôi ! cái gương mặt này chẳng có ích lợi gì chỉ là nguyên nhân của phiền muộn, chướng ngại việc tu hành. Cô ước mong sao chỉ mình được xấu xí, để có thể tu hành một cách bình thường như mọi người. Thanh Hội chợt nhớ tới chất độc của mủ xương rồng, có thể làm da thịt lở lói như phong cùi, nên cố quyết tâm ra sau vườn chùa, chặt xương rồng cào mặt, xúc mủ vào để phá hủy gương mặt mình. Tay Thanh Hội vừa sắp đưa lên mặt, thì bị nắm lại rồi có tiếng của sư bà, thật thương yêu:

- Họ□i con! Con không phải tự hành hạ xác thân con như vậy? Thầy có biện pháp an toàn cho con.

Sáng hôm sau, sư bà Diệu Nghĩa may cho nàng một khăn đội đầu ? loại mũ che đầu đặc biệt của ni ? với đặc điểm là khăn che kín cả mặt, chỉ chừa hai lỗ nhỏ nơi tầm mắt. Đoạn sư bà đích thân đưa Thanh Hội lên đến núi Châu Thới, Phổ Tịnh am, để xin Am chủ, ni sư Viên Đức cho nàng nương nấu. Tuân lời dạy của am chủ, Thanh Hội đội khăn che mặt thường trực, để tránh rắc rối lời thoại bởi khách tham quan chùa.

Tổ chức theo thanh qui của Bách Trượng thiên sư " Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực", các ni cô chia nhau làm lụng rất cực khổ để tự lập, chớ không dựa vào sự yểm trợ của Phật tử. Đất núi rất hẹp, cằn cỗi, thiếu phân, thiếu nước? nên việc trồng rau, bắp, đu đủ? để có hoa lợi thật gian nan. Gặt hái xong, lại phải gánh xuống núi, giao cho các bạn hàng mua sỉ. Công phu thì thật nhiều, mà tiền thu vào thì chỉ đủ mua gạo, muối, tương? qua ngày. Tuy nhiên, ai cũng hiểu làm lụng là một phương pháp để tu, nên khổ thế nào cũng không sanh lòng chán nản. Những ngày đầu ở núi, đi chân không bước trên vùng sỏi đá bén nhọn, vai gánh nước nặng trĩu, Thanh Hội bị rách nát cả chân, phải kéo lê từng bước. Tuy nhiên, ở cỏi "ta bà kham nhẫn" này, cực khổ gì rồi cũng quen dần đi. Chỉ sau hai tháng "huấn nhục", ni cô Thanh Hội đã cảm thấy Phổ Tịnh am, thật là nơi lý tưởng để thanh tu. Quý ni sư thông

cảm hoàn cảnh nàng, hết lòng thương yêu chăm sóc, và dạy dỗ. Do đó, chỉ hai năm làm lụng hành thiện, Thanh Hội đã đạt những bước tiến rất dài về nội tâm.

Mùa thu năm Dân, Thanh Hội được am chủ báo tin quý thầy, sau khi hội ý, đã chấp nhận cho ni cô được thọ giới tỳ kheo ni tại Đại giới đàn THIÊN THAI, do bốn sư ni cô là Thượng Toạ Hải Thiện tổ chức tại Tầm Vu vào ngày rằm tháng giêng năm Quý Mão. Lễ thọ giới tỳ kheo đối với người xuất gia thật quan trọng, Thanh Hội hân hoan đón nhận tin mừng và nguyện tinh tấn tu hành để không phụ lòng hoài bảo quý vị ân sư.

Từ ngày mùng 10, sư bà Diệu Nghĩa đã cẩn thận cho người đón Thanh Hội về Phổ Đà ni viện, rồi sau đó, sư bà đích thân hướng dẫn 18 nữ đệ tử, gồm 5 phụ giới sư, 6 giới nữ tỳ kheo ni, 3 giới tử sa di ni và 4 giới tử Bồ tát tại gia, đi tham dự Đại giới đàn.

Các phái đoàn lần lượt vân tập về Tầm Vu từ ngày 13. Đến nơi, mỗi người đều nhận lãnh một trách vụ để tiếp ban tổ chức hoàn thành đại lễ. Quý ni lại rất bận rộn với công tác "âm thực" cho hàng ngàn người, nên Thanh Hội không có chút rãnh rỗi nào để hầu chuyện bốn sư hay thăm thân nhân cạnh chùa. Ngày hôm sau, chư tăng ni bắt đầu hội họp, lược duyệt chương trình, cung an chức sự, rồi đến thủ tục chất vấn luật nghi các giới tử. Buổi họp thu hẹp, nhưng cũng đã gồm trên 150 tăng ni tham dự, vì ngoài 52 giới tử, mà 12 vị là cư sĩ, lại còn "tam sư, thất chứng", các vị tuyên luật sư, thỉnh dẫn sư, tả hữu giám đàn, và phụ giới sư nữa. Ni cô Thanh Hội thật không ngờ mình được diễm phúc tham kiến các bậc trưởng thượng đông đủ như vậy. Chỉ cần ngắm nhìn quý tôn túc hoà thượng mỉm cười, khoát tay, gật đầu thôi?, thì Thanh Hội đã cảm thấy hưởng được niềm an lạc ngập tràn.

Sáng sớm ngày rằm tháng giêng, Phật tử đã đông đủ tề tựu. Nghi lễ chánh thức bắt đầu, tuần tự từng tiết mục tiếp nối nhau trong trang nghiêm và đạo vị. Giới tử tỳ kheo ni bắt đầu theo thứ lớp được khai đạo. Ni cô Thanh Hội đội khăn che mặt làm nhiều người thắc mắc, tưởng cô bị tàn tật hay phong cùi chằng? Vì vậy, để tránh kẻ bàng quan dị nghị về ngũ quan của giới tử, khi hoà thượng giáo thọ đưa Thanh Hội trở ra làm lễ tân đàn, thì khăn che mặt không còn nữa. Đại chúng bỗng ngạc nhiên đến bất động, vì trước mắt họ lại xuất hiện một ni cô trẻ đẹp như thần tiên, vừa thoát tục, vừa thánh thiện, như là hiện thân của Quán Thế Âm Bồ tát diệu hiền. Thế là đại chúng

ai cũng cảm mến nàng. Cảm mến lại gia tăng thành kính phục, khi họ chứng kiến phong thái an nhiên của ni cô trong khi hành lễ "Nhiên hương cúng Phật". Nguyên các tân tỳ kheo, trước khi thọ Bồ tát giới, đã nguyện dùng chỗ cao quý nhất trên thân thể là đỉnh đầu, để đốt 3 nén hương cúng Phật. Lễ nghi này nhấn mạnh rằng Phật Pháp trân quý nhiệm màu, nên những người con Phật ý thức rằng mình thật là may mắn, có đại nhân duyên nên mới được gặp và thọ trì; do đó, đã noi gương chư Phật, chư Tổ để xả thân cầu pháp? thì lễ nghi đốt hương đỉnh đầu cũng chỉ là một lễ kính thật khiêm tốn, nhưng cũng đủ cho hàng tại gia chiêm ngưỡng nét trang nghiêm, hùng tráng của hạnh cúng dường.

Đại giới đàn tiếp nối với việc trao truyền Bồ tát giới, Sa di giới, sau đó đến phần thuyết pháp và bế mạc trong thành tựu và phần khởi của mọi người.

Sáng hôm sau, các phái đoàn Phật giáo lần lượt ra về. Thanh Hội xin phép được ở lại chùa Thiên Thai vài ngày, trong khi sư bà Diệu Nghĩa hướng dẫn 17 nư đệ tử đi đường bộ hướng về Gò Công, để viếng thăm Từ An ni viện.

Phái đoàn mới khởi hành vào giờ Mão, mà giờ Thìn đã thấy người xa phu, mặt mũi bơ phờ, hộc tốc chạy về, vừa trao thơ cho Thượng Toạ Hải Thiện, vừa hỏn hển giải thích:

- Đại nạn ! Đại nạn ! Bị cướp bắt hết trơn rồi thầy ơi.

Bức thơ chỉ có mấy hàng vắn tắt:

"Lục Thiên anh hùng gởi đại sư Hải Thiện.

"Mười bốn bà vải và bốn mụ đàn bà đã bị chúng anh hùng bắt giữ.

"Ra lệnh cho đại sư phái ni cô Thanh Hội đến làm áp trại phu nhân cho chúng anh hùng, thì các tù nhân sẽ được tha toàn mạng.

"Nếu không. Giờ ngọ ngày mai là giờ trảm quyết 18 nhân mạng. Đại sư hãy cho người đến thu nạp xác chết về cầu siêu.

"Diệu Kim thảo theo lệnh của Thiên ý Đại Vương"

Phía dưới lại có hình vẽ tuy vụng về, nhưng cũng diễn tả được hình ảnh một người trên cây rơi xuống giữa hai con hổ.

Nguyên cách đường đi Gò Công chừng hai dặm, có một đầm sinh lầy lội rộng lớn, mọc đầy dừa nước, loại lầy lá để lợp nhà. Vì quá rộng không khai thác, đầm nước lại sâu, cây dừa nước sinh trưởng khá mạnh, lá to che hết ánh sáng, nên người dân gọi là "đám lá tối trời". Người bình thường chỉ có thể đến mé đầm, đốn mớ lá ở ngoài chớ không ai đủ can đảm lội sâu vào giữa đầm, sinh mềm đến ngực, mà lại tối tăm không tìm ra phương hướng. Thế nhưng bọn cướp lục thiên: Đại ca Thiên Ý, cùng 5 đàn em: Thiên Thân, Thiên Nhân, Thiên Nhi, Thiên Tử, Thiên Thiết, gốc là bọn đốn lá chuyên nghiệp, rành địa thế, giỏi võ, lại luyện được lối chạy nhảy như bay trên tàu lá?, nên chúng dùng đầm lầy làm sào huyệt, xuất biến xuất hiện, quan quân bao vây hàng tháng trời cũng không tiêu diệt được. Từ đó, bọn cướp càng làm lộng. Chúng đón đường bắt khách thương nạp mồi lộ, và giết người không gớm tay nếu ai chống lại chúng. Quý ni cô nghèo không nghĩ đến chuyện bị cướp bóc, không ngờ, chúng nghe người ca tụng về nhan sắc tuyệt vời của ni cô Thanh Hội, nên mới tấn công. Mưu sự bất thành, chúng nổi cơn bắt hết cả bọn, rồi dọa giết nếu như ni cô Thanh Hội không thể mạng.

Thơ do sư tử Diệu Kim viết theo lệnh của bọn cướp, nhưng hình vẽ có lẽ là sáng kiến riêng, nhằm gọi lại câu chuyện tiền thân Đức Phật. Đức Phật bị hổ dữ rượt phải trốn trên cây. Hổ mẹ chờ mồi mãi không được, đói quá nên quên cả tình mẫu tử, định vồ cả hổ con ăn thịt. Đức Phật không nỡ thấy cảnh hổ con bị giết, buông tay xuống tự tử để hai con hổ có thức ăn.

Diệu Kim dùng tranh khích lệ kẻ khác hy sinh tánh mạng để cứu mình, kể ra, thì lòng dạ có chỗ ngoắt ngoéo, nhưng Thanh Hội vốn thực thà trung hậu, nghĩ sư tử có hảo ý chỉ giáo mình, nên chấp tay cảm tạ và nguyện xin tuân theo. Thật ra, Thanh Hội vừa thọ giới Bồ tát. Sư cô đã nguyện ban vui cứu khổ chúng sanh. Nếu chỉ cần cứu một mạng người mà sư cô chết, sư cô cũng không từ nan. Huống hồ, sư cô có thể đổi mạng sống cho đến 18 người, trong đó lại có ân sư, thì dĩ nhiên, sư cô không có chút gì ngần ngại. Do đó, dù có ý kiến ngăn cản, việc lẽ, bọn cướp tráo trở khó lường, sư cô vẫn nhất quyết nhờ người xa phu đưa đi ngay đến chôn hang hùm.

Xe ngựa dừng lại ở bên đường, và sư cô phải đi bộ thêm cả dặm đường trên đồng khô lồi lõm, để đến căn nhà là dùng làm điểm hẹn của bọn cướp.

Bọn cướp vừa thấy sư cô là đã mừng rỡ reo hò. Thiên Thân, Thiên Nhân vồ tranh dành người đẹp. Sư cô bình tĩnh, rút dao nhọn dí vào ngực, nghiêm nghị nói:

- Tiểu ni đến đây là tuân theo điều kiện trao đổi người. Nếu quý vị chưa thả hết các tù nhân mà đụng chạm đến thân thể tiểu ni, thì tiểu ni quyết tâm tự sát.
- Xin tuân lệnh người đẹp ? Thiên Ý cười hềnh hếch ? Bọn anh hùng này đâu có sai lời.

Thế là cả bọn chia nhau mở trói thả đám tù nhân. Tù nhân mừng khôn xiết, mạnh ai nấy chạy thoát thân, không người nào nhớ tới vị thầy khả kính vẫn còn đang thân thờ tại đó. Biết ý sư bà không nở bỏ đi, sư cô Thanh Hội năn nỉ:

- Xin thầy thương con đi ngay đi. Phật tử Cây Mai rất cần thầy hướng dẫn. Thầy ngần ngừ thì cả hai cùng chết chớ chẳng ích chi.

Sư bà công phu hàm dưỡng đã cao, ngày trước từng bị đám Trương Đại Nhơn chửi mắng mà vẫn an nhiên tự tại, nhưng lần này, bà như kẻ mất hồn, chầm chậm bước đi mà nước mắt đã chảy dài trên má.

Chí nguyện độ sanh, quên bản thân mình để cứu người đã tạo cho sư cô sức mạnh phi thường, bình tĩnh đối đầu với bọn cướp. Cứu người an toàn rồi, nghĩ đến phận mình trong tay bọn cướp, sư cô bất giác rụng rời. Bao nhiêu ý nghĩ đua nhau xuất hiện: "Ôi! Nếu bị chúng giết chết hay từng xẻo thì may quá, chớ còn chúng hành hạ bằng sự dâm dăng thì làm sao ta chịu nổi. Ôi ! ta có nên tự tử không? Tự tử có phạm giới sát không? Có phạm giới vọng ngữ vì dối gạt bọn chúng không? Ôi ! có lẽ kiếp nào đó, mình đã từng hiệp đáp người, nên kiếp này mới lâm vào hoàn cảnh này".

Chợt thấy một cánh nhọn trên trời, sư cô liền nghĩ tiếp: " Ôi kiếp phù sinh ngắn ngủi như vết nhọn bay, vô tung tích, có đáng gì đâu? Ta đã nguyện xả thân cứu độ chúng sinh, thì thân xác này đã kể là không. Bị giết hay bị đánh đập, trong sạch hay như bản, cũng là không. Có gì đáng phải băn khoăn hay sợ hãi !".

Tự nhiên, sư cô thu hồi lại thu hồi lại hùng tâm, bình tĩnh quăng dao xuống đất rồi nói:

- Tiểu ni xin giữ tròn lời hứa. Bây giờ thì quý vị có thể hành hạ tiểu ni thế nào cũng được. Tiểu ni không oán trách giận hờn.

Bọn Thiên Thân, Thiên Nhân chộn rộn tay chân, nhưng thấy đại ca chúng khoát tay, nên đành dừng lại.

- Ha ha ! ? Thiên Ý cười đắc chí ? Bọn ta lục thiên huynh đệ là anh em đồng sanh cộng tử, có phước cùng hưởng, có họa cùng chia. Nàng là vợ, thì cũng là vợ chung của 6 anh em ta, sẽ được sung sướng trọn đời. Thôi ! Hãy cởi bộ áo tu hành ra đi, để cùng ta vui thú. Còn cương lại thì đừng trách bọn ta vũ phu lỗ mãng.

Sư cô không để tâm đến lời suông sả vô nghĩa của bọn cướp, mà điềm nhiên đem lòng tư bi vô lượng quán sát họ. Họ chỉ là những kẻ tội nghiệp đáng thương, thiếu hạt giống đạo đức nên bị dục vọng sai khiến trở thành mù quáng, lầm lạc. Lòng từ bi thúc đẩy sư cô tìm phương cảm hóa họ.

Sư cô lặng yên nhập định, quán thân mình chỉ là một cái bao chứa đựng đầy vậy 36 món dơ dáy thô tha: máu, xương, tim, ruột, gan, phần, mồ hôi, nước tiểu? Rồi sư cô lại quán mình là một cái thân ma vừa chết, mặt mũi bầm xanh, thân ma lằn lằn sinh chương, nức nẻ chảy nước vàng lầy thúi, dòi thú đục ăn, tro lại nhúm xương tàn.

Mây đen từ đâu kéo đến che khuất mặt trời. Trong bóng tối lập loè, bỗng mơ hồ có tiếng sư cô vọng lại:

- Này các hành giả! Hãy quan sát cho kỹ bộ xương trắng hếu biết đi này, có đáng để quý vị yêu mến chăng?

Lạ lùng thay, sư cô đang đứng mỉm cười mà bọn cướp hung ác thì rung lay bầy, cúi đầu quỳ lạy không ngừng, miệng thì van xin:

- Lạy sư phụ! Xin sư phụ mở lượng hải hà tha tội chết chúng con!

Có lẽ do chí nguyện độ sanh bao la, nên định lực của sư cô mạnh mẽ, khi sư cô thành khẩn quán niệm như thế nào, thì bọn cướp thấy hiển hiện trước mắt chúng hình ảnh đó. Bọn chúng thấy sư cô trở thành một túi đựng đủ thứ dơ dáy bầy nhầy, kể đó sư cô chết đi, thân thể từ bầm xanh cho đến khi sinh thúi rồi trở thành nắm xương tàn, là đã kinh hồn hoảng vía, tay chân run rẩy muốn chạy trốn đi mà không lết nổi. Cho đến khi bộ xương biết đi, phát ra tiếng nói và từ từ đi tới, thì bọn chúng sợ quá ngã sụm xuống, quỳ lạy xin tha chết mà thôi.

(Hiện tượng trên đối với thiên gia là việc rất bình thường. Ngay những kẻ ngoại đạo, như các fakir Ấn Độ, định lực cạn cợt, tham lợi háo danh cũng còn có thể biểu diễn. Các nhà thôi miên, định lực càng hẹp hòi, có người cũng còn tạo được giả cảnh hiện tiền.)

Thấy bọn chúng thành tâm, sư cô bảo:

- Quý vị gây nên tội, thì quý vị tự sám hối, làm lành để chuộc tội mình. Tiểu ni không buộc tội ai và cũng không tha tội cho ai được.

Trời đất bỗng nhiên sáng lại. Sư cô ngồi kiết già, chấp tay nghiêm chỉnh, thuyết kinh Nhân Quả Báo Ứng cho bọn cướp.

Bọn cướp trước nay hành động gian ác chẳng uly kỳ chi. Nay nghe pháp mới biết tội ác ngập trời, dầu có bầm thây ra trăm mảnh cũng chưa đáng, sợ hãi vô cùng. Chúng chỉ biết vâng lời sư cô, nguyện bỏ ác làm lành, đem thân mình "làm trâu ngựa" để phục vụ đồng bào, chuộc lại lỗi lầm ngày trước.

Độ bọn cướp xong, sư cô trở về. Sáu tên cướp bị rịt thầy, đi theo đưa tiễn. Vừa đến đầu lộ, thì may quá, có tiếng xe ngựa lộc cộc chạy đến. Người khách thương vừa thấy bọn cướp chặn xe lại, đã hoảng hồn nói lắp vấp:

- Bầm đại vương ! Xin đại vương thu nhận? thu nhận? thu nhận? - hấn cà lăm cà lạp vì không biết nên đề nghị tiền mãi lộ bao nhiêu cho vừa, nhiều thì tiếc quá, còn ít thì sợ bọn cướp nổi giận -
- Không ! Không ! Bọn ta chỉ nhờ quý vị đưa sư phụ về Tâm Vu mà thôi, - Thiên Ý lễ phép ?

Rồi chúng chấp tay kính cẩn hướng về sư cô:

- Chúng con vâng lời sư phụ sẽ giải tán nội ngày nay. Tội chúng con nặng nề, không biết đến đời kiếp nào mới chuộc lại tội xưa.
- Đức Phật dạy : "Quăng đao đồ tể, tức khắc thành Phật", các Phật tử không nên quá bận tâm với lỗi lầm xưa mà nhục chí tu hành. Điều nên nhớ, đao đồ tể là tâm đao. Chớ tay không cầm đao nhưng tâm ôm ấp đao thì tu cũng vô ích.

Xe ngựa đã từ từ chạy đi, mà các tên cướp vẫn còn quỳ lạy thầy mãi. Ni cô dừng lại chùa Thiên Thai trình bày nội vụ cho bốn sư, rồi trở về thăm nhà.

Bọn xa phu và khách thương, mồm năm miệng mười, chứng kiến cảnh bọn cướp từng phục sư cô, vội vã loan tin cho bà con lối xóm. Có tên còn dám quả quyết rằng sư cô là đệ tử chân truyền của Lê Sơn thánh mẫu hạ san độ đời. Chính mắt y thấy, sư cô chỉ tụng một chương là bọn cướp đã ngã rạp qui hàng. Sau đó, chẳng bao lâu sư cô đã biến thành huyền thoại, dân làng tranh đua nhau ca tụng.

Sư cô về nhà thật đúng lúc. Ông bà thân sinh reo mừng đón cô con gái quý tài ba xuất chúng. Lần đầu tiên trên đời, Dương Ông mới nhìn kỹ con mình. Chao ơi ! Út Xuân đẹp quá ! Dễ thương quá ! tài ba quá ! Sao giống mình quá !!! Mừng vui thật lớn, nhưng Dương Ông lẩn tránh mà vẫn khó mở lời với đứa con mà trước kia Ông lạnh nhạt.

Dương bà thì ôm chầm lấy con, lú lo tít tít:

- Má nhớ! Má thương con quá! Sao con về thăm má trễ như vậy?

Rồi ngấm nhìn con gái giây lâu, ba la lớn:

- Chèn đét ơi! Sao nó lịch sự, nó giống tui hồi đó quá hén! Hén Ông!!!
- Thừa ba má. Con mừng ba má vẫn mạnh khoẻ. Lúc nào con cũng nhớ ba má và cảm tạ ba má đã cho con xuất gia học đạo. Sau con xin ba má cho Vú Năm được tự do. Vú đã ở nhà mình đến 20 năm là quá đủ rồi?
- Được rồi! Có con xin thì ba má đồng ý ngay. ? Hai Ông bà tranh nhau chấp thuận. ? Rồi xây qua vú, bà nói:
- Nè Năm! Cô Út xin cho bấy đó! Bấy được tự do muốn đi đâu thì đi.
- Thừa hai Ông Bà. Con chỉ xin theo cô út đi tu mà thôi.

Sư cô ở lại nhà đôi giờ, cố gắng thuyết pháp cho cha mẹ về thuyết nhân duyên, và hướng dẫn cả nhà tu tịnh độ. Sau đó, sư cô đưa Vú Năm sang chùa Thiên Thai, xin thầy thu nhận vú, rồi long trọng quỳ lạy xin tạ ơn thầy. Thầy Hải Thiện nghiêm trọng nhìn sư cô, rồi khẩn trương hỏi:

- Hậu sự như thế nào?
- Nhận quá trường không! (3)

Đoạn sư cô lên chánh điện, tọa thiền mà viên tịch.

Than ơi ! Chư Bồ tát khi đã hiển lộ thân thông thì đâu chấp nhận lưu lại trần gian để cho người đời suy tôn sùng bái.

Sư cô Thanh Hội đã như thế mà đến và đã đi như thế mà đi. Hai mươi năm ngắn ngủi như vết nhận lưng trời vô hình, vô tích.

Theo ân ngữ không lư hình tích của sư cô, thầy Hải Thiện tổ chức lễ hỏa thiêu thật đơn giản. Nhưng tiếc xá lợi ngũ sắc, thầy giữ lại phân chia cho Thiên Thai, Phổ Đà và Phổ Tịnh đồng giữ. Thương tiếc sư cô không nguôi,

người dân ghép tên họ với pháp danh sư cô, thành DƯƠNG XUÂN HỘI, để đặt địa danh cho vùng Tâm Vu cũ.

Điều lạ lùng, là từ khi làng mang địa danh Dương Xuân Hội, thì con gái ở đây nổi tiếng ngoan hiền, xinh đẹp, mà nạn trai thiếu gái thừa cũng không còn nữa. Chiều chiều, các cô gái đã hãnh diện hát ru em:

*"À? ơ ! Gái Dương Xuân trăm phần duyên dáng
Trai Thủ Thừa mấy hạng xứng đôi".*

--- o0o ---

Ghi chú:

TÂM VU: Địa danh xưa. Nay thuộc xã Dương Xuân quận Bình Phước, tỉnh LONG AN.

Lịch sự: đẹp

Trích từ bài kệ của HUƠNG HẢI thiền sư (1628 ? 1715)

*Nhạn quá trường không
Ảnh trầm hàn thủy
Nhạn vô di tích chi ý
Thủy vô lưu ảnh chi tâm
Nhạn liệng giữa hư không
Bóng chìm dưới nước
Nhạn không để dấu vết lại
Nước chẳng lưu bóng làm chi*

(trích VNPG Sử Lục, T.T.Mật Thê)

THUỐC ĐẰNG

Quyền thuật rất được ưa chuộng tại Bình Định. Từ thành thị đến thôn quê, ai ai cũng dày công khổ luyện võ thuật, kể cả những thiếu nữ mỹ miều:

"Ai về Bình Định mà coi
Đàn bà con gái múa roi, đi quyền"

Truyền thống võ Bình Định phát xuất xa xưa từ Thanh Lương tự, một tự viện chủ trương luyện võ cũng tạo được một thứ công phu, khả dĩ hướng dẫn hành giả thâm nhập giáo lý Phật đà. Nguyên sư tổ Thanh Lương, thưở thiếu thời là một anh tài xuất chúng, văn võ song toàn, đã vân du khắp các đại

tùng lâm trung Hoa tầm sư học đạo. Tổ sư chẳng những đã ngộ nhập đạo mầu, mà cũng đạt trình độ võ công thâm diệu. Tổ sư phối hợp tinh hoa võ học Thiếu Lâm tự, với môn võ Việt nam cổ truyền chuyên về cận chiến, để sáng tạo môn võ Bình Định độc đáo, lưu truyền hậu thế. Đến đời thứ tư, thiền sư Đạt Bản, cũng noi gương chư tổ, đem hết tinh hoa Phật học và võ học trao truyền cho 4 đệ tử "Tướng, Hảo, Quang, Minh". Nhân vật ưu tú nhất là đại đệ tử Vĩnh Tướng, võ công siêu tuyệt mà trình độ am hiểu, biện luận Phật Pháp cũng cao siêu. Vĩnh Hảo tuy đạo hạnh kiên trì, nhưng so với sư huynh thì Phật học lẫn võ học đều kém xa.

Theo đúng tinh thần luật nghi "Ngũ hạ dĩ tiền chuyên tinh giới luật, ngũ hạ dĩ hậu phương nãi thính giáo tham thiền" (1), dầu đã thọ cụ túc giới (2) Vĩnh Tướng và Vĩnh Hảo, vẫn tiếp tục bên thầy học tụng giới luật ròng rã 5 năm. Sau khi cảm thấy tư lương chuẩn bị đầy đủ, hai thầy mới thỉnh cầu sư phụ cho phép rời chùa để chuyên tu thiền định. Đại sư Đạt Bản chỉ chấp nhận cho Vĩnh Tướng được tự do vạch con đường tu tập, có lẽ vì vị đại đệ tử, căn cơ thông lợi, mới đủ khả năng đón ngộ yếu chỉ thiền tông. Vĩnh Hảo căn cơ tầm thường phù hợp với việc tu phước, được giữ lại rồi chỉ định làm kế vị trụ trì.

Thấy Vĩnh Hảo lộ vẻ thất vọng, đại sư an ủi:

Cổ đức thuận duyên tu tập chớ không câu nệ pháp môn vì mê thì pháp môn nào cũng mê, mà ngộ thì pháp môn nào chẳng ngộ.

Vĩnh Hảo vốn thờ sư phụ thật tôn kính, dẫu đâu có ý nghĩ trái nghịch. Thầy chỉ bối rối vì cảm thấy mình vụng về trước trách vụ trụ trì đầy khó khăn, nguy hiểm. Thầy thâm nghĩ, trụ trì thì phải giao tiếp, phải tổ chức, xây dựng và phát huy đạo pháp, giao tiếp đối xử nếu muốn thành công thì phải khéo léo, đôi khi còn phải diễn kịch, phô trương đạo đức... nên giảm lòng chân thật. Được người tôn kính, tán tụng, săn sóc, chiều đãi... thì làm sao tránh khỏi sanh lòng ngạo mạn. Tổ chức, xây dựng, phát huy... tránh sao cho tâm khỏi vọng động bởi thói thường thịnh suy, thành bại, đắc thất, vinh nhục..., để rồi mừng vui, hờn giận, yêu thương, ganh ghét phát sinh. O□ Ta chưa đủ đức độ "tu chỉ để mà tu", "làm chỉ để mà làm", tâm còn name nhiễm lụy trần thì sao có thể đảm đương nổi trách vụ thầy giao phó?

Mới tập sự trụ trì được nửa tháng, trong khi đang thảo luận với sư phụ về việc tổ chức đại lễ Vu Lan Quý Hơi thì bỗng nghe có tiếng ồn ào ngoài hậu liêu. Người Phật tử nóng tính, lớn tiếng với chú Vĩnh Quang, đòi vào tăng

phòng gặp sư cụ ngay. Vĩnh Hảo theo sư phụ ra ngoài đón khách. Trương y sĩ, người Phật tử bình thường hiền hoà, nay bỗng có điệu bộ giận dữ, rồi biến thành ghen ngào tức tưởi:

Bầm thầy! Xin thầy xét cho con. Gia đình con hết lòng lo lắng cho chùa, mà... mà quý thầy lại hại gia đình con, ra nông nổi như thế này!...

Có điều gì thì đạo hữu cứ thẳng thắn trình bày cho thầy biết. – Sư cụ ôn tồn –

Bội Ngọc! – Lão y sĩ nắm tóc cô con gái cứng rắn mạnh – Mày hãy nói rõ cho sư cụ biết, coi ai kia đã dụ dỗ mày, cho đến mang thai!

Lời tố cáo của lão Trương thật bất ngờ và kinh khủng làm Vĩnh Hảo choáng váng. Ai? Ai ở chùa này đã làm điều tác tộ đó? Vĩnh Hảo vốn không dám phán xét người, lại càng không dám nghi ngờ, dự đoán người nào, nên đành lặng yên chờ đợi diễn biến.

Chùng như thấy Bội Ngọc cứ cúi gằm khóc thút thít mà không lên tiếng, lão Trương nổi tam bành đánh cô gái hai tát tay xiềng niềng, rồi nạt nộ:

Nói mau! Nói mau! Không thì tao giết mày!

Bội Ngọc run lẩy bẩy, dơ ngón tay cong veo chỉ đại về phía trước. Vĩnh Hảo bỗng giựt mình chết sững không ngờ nàng lại chỉ mình. Thầy chơi với không biết nên phản ứng như thế nào. Rồi thầy bỗng thấy nhớ lại buổi bàn thảo với Vĩnh Tường về luận Bảo Vương Tam Muội (3) mấy ngày trước khi sư huynh từ giả đi ẩn tu. Vĩnh Hảo đã hết lời ca tụng thuyết "oan ức là cửa ngõ của đạo hạnh, nên chủ trương chỉ nhẫn nhục mà chịu, chớ không cần biện bạch". Lúc đó, sư huynh cười, bảo rằng sư đệ quá khích, chỉ có thể đại ngôn nhất thời chớ làm sao hành được. Lắm vào hoàn cảnh này, thầy mới nhận thấy cao kiến của sư huynh, quả thật thầy không thể nhẫn nhục khiến cho thanh danh cá nhân và Thanh Lương tự phải chung chịu tai tiếng nhục nhã. Chủ tâm rõ rệt nên Vĩnh Hảo nhìn thẳng Bội Ngọc để chuẩn bị chất vấn cho rõ trắng đen. Trước mắt thầy là một cô gái đầu bù tóc rối, mặt mũi sưng vù, run rẩy như sắp quỵ ngã... trong cơn đốn đau, tuyệt vọng, đang nương đôi mắt u ám khẩn cầu cứu giúp. Cánh tay vu cáo thầy, thật ra, có khác gì cánh tay quờ quạng chơi với chụp bừa một cái phao mờ ảo, trong cơn chết đuối nguy nan. Y hĩ đó khiến Vĩnh Hảo khựng lại. Thầy đã từng tự trách, chỉ quanh quẩn trong chùa nên không thể quán thế âm – nghe thấy tiếng kêu thương của thế gian – để mà cứu khổ. Nay đã nghe thấy tiếng kêu thương

mà làm ngơ sao đành, còn khuất lấp chịu đựng ô nhục cũng khó mà chấp nhận. Hai ý nghĩ mâu thuẫn khiến Vĩnh Hảo ngớ ngẩn như kẻ phạm tội bị bắt quả tang vô phương bào chữa. Lặng yên hàng mấy phút, Vĩnh Hảo chững chặc quỳ lạy sư phụ:

Thưa thầy! Xin thầy rộng lòng tha lỗi cho con.

Thế là, đại sư Đạt Bản chiếu môn qui, nghiêm khắc ra lệnh cho Vĩnh Quang nọc đánh tên môn đồ phạm dâm giới 100 trượng rồi tuyên bố cắt đứt tình thầy trò và tuyệt đối cấm Vĩnh Hảo vắng lai Thanh Lương tự.

Thấy Vĩnh Hảo bị trừng phạt đau noun quá, Bội Ngọc thỉnh nguyện xin chia xẻ hình phạt với chàng, nhưng bị sư cụ từ chối, vì theo sư cụ, Bội Ngọc không phải là môn đồ, nên không thể bị môn qui, giới luật ràng buộc.

Thân thể bầm dập tan nát nhưng tinh thần thật an ổn, điềm tĩnh, Vĩnh Hảo cố gắng ghi nhận hình ảnh thân yêu của ân sư, huynh đệ và tự viện lần chót, rồi lê lét ra đi, mong tìm một chốn thanh vắng tiếp tục hành đạo.

Trương y sỹ, tuy nhất thời lỗ mãng, nhưng rất khôn ngoan chu đáo. Vĩnh Hảo nhận lỗi rồi bị trục xuất thật là đúng với sở nguyện của y. Trương y sỹ tức tốc thuê ngay người võng chàng rẽ tương lai về nhà, lo thang thuốc, chờ chàng mọc tóc dài, để tổ chức lễ cưới rành rang hầu gỡ gạc mặt mày với bà con lối xóm.

Trương y sỹ cẩn thận cất đặt người canh giữ con bệnh, chăm sóc chu đáo và đối xử thật trọng vọng. Có thể lão không muốn làm chàng phật ý, rồi bỏ trốn đi chăng?

Nuôi bệnh được 3 ngày, trong khi đang cơm nước phục vụ Vĩnh Hảo, thừa lúc không có ai, Bội Ngọc thành khẩn:

Thưa thầy! Con là kẻ hư hèn đi đổ vạ cho thầy. Nhưng mà thầy vẫn từ bi che chở cho con. Ôn của thầy như trời biển, con có làm thân trâu ngựa cũng không báo đáp được!

Xin cô đừng nhắc đến chuyện ân nghĩa. Kẻ tu hành thấy việc chi cần làm thì theo đó mà làm. Tôi tu theo hạnh nguyện của tôi rồi vô tình giúp cô vậy thôi.

Thầy vì cứu con mà thanh danh thầy bị nơh nhuộm, thân thể thầy bị đánh đập bầm dập. Lòng hi sinh của thầy cao cả quá! Sao thầy lại không cho con được mang ơn thầy?

Thanh danh hay thể xác cũng đều là huyễn, vốn không thực có nên không đáng để lưu tâm. Tôi chỉ xin thông báo cô, là sau khi tôi lành mạnh thì tôi phải rời nơi này để tìm chốn thanh vắng tiếp tục tu hành theo sở nguyện của tôi.

Thưa thầy! Bội Ngọc lộ vẻ hoảng hốt – Thầy đã ra tay cứu vớt con thì xin cứu cho đến cùng. Ba con đã chuẩn bị lễ cưới. Bây giờ, thầy lại đi, mà bụng của con càng ngày càng lớn, ... thì con chỉ có các chết, chớ không còn phương pháp nào khác.

Cô Bội Ngọc! Xin cô thông cảm hiểu dùm, là tôi sẵn sàng giúp cô bất cứ chuyện gì, nhưng tôi không thể đánh đổi nếp sống xuất gia tu hành được.

Thưa thầy! thầy vẫn tu hành con đâu dám có ý nghĩ gì khác. Chỉ xin thầy nán ở lại, rồi chịu làm đám cưới cho có hình thức. Rồi sau đó, thầy có ra đi thì con cũng được yên thân rồi...

Vĩnh Hảo nghĩ đến thân phận của một cô gái chữa hoang trong xã hội này, phải gánh chịu biết bao điều đắng cay, nên thầy dặn lòng ráng cố gắng thêm một thời gian nữa, chờ đám cưới xong rồi, thầy sẽ viện cớ công ăn việc làm để ra đi. Giữ lời hứa, Bội Ngọc chu đáo nấu chay, và phục vụ Vĩnh Hảo kính cẩn theo đúng cương vị thầy trò, chớ không hề có cử chỉ gì là lợi, âu yếm. Dĩ nhiên, nếu có nhân vật thứ ba hiện diện, thì cả hai phải xung hô thân mật một chút. Nhưng thường thì Bội Ngọc tránh nói chuyện, để thầy Vĩnh Hảo đỡ phải ngượng ngập.

Là một chú rể tương lai, Vĩnh Hảo không thể gõ mõ, tụng kinh "ồn ào" trong phòng được, tuy nhiên thầy thầm tụng một mình hai thời công phu chớ không giải đãi. Thời giờ còn lại quá rảnh rỗi, Vĩnh Hảo bắt đầu nghiên cứu đọc những sách y học của Trương y sĩ lưu trữ trong phòng. Điều lạ là Vĩnh Hảo có một năng khiếu đặc biệt về y học. Chỉ hai tuần nghiền ngẫm sách vở, mà khi thảo luận với Trương y sĩ, thì kiến thức của thầy đã tương đương với những danh y có hàng mười năm kinh nghiệm. Trương y sĩ lại hết lòng hướng dẫn, và khuyến khích thầy thử thực hành trị bệnh. Vĩnh Hảo lại thành công vượt bực; định bệnh chính xác, phân lượng thuốc gia giảm hữu hiệu, như được hướng dẫn bởi những kinh nghiệm từ tiền kiếp. Thầy lại có lợi điểm là võ công tinh nhuệ, căn bản nhận huyệt đạo và điểm huyệt thật vững

chắc, nên rất thành thạo với thủ thuật châm cứu. Thầy lại biết vận dụng nội công, dùng chân khí để tiếp hơi sức, bế huyết, khu trừ độc khí cho bệnh nhân, một phương pháp mà y sĩ tầm thường hoàn toàn mù tịt.

Nhờ việc học thuốc hấp dẫn, thầy Vĩnh Hảo đỡ thấy tù túng, ngột ngạt khi bị "giam lỏng" trong nhà, thầy cũng giảm thiểu gặp mặt Bội Ngọc, để tránh khỏi phải áp úng khó xung hô, bàn bạc. Trương y sĩ, đôi khi cảm thấy giữa chàng rể và con gái có gì xa cách, chớ không quấn quít thân mật nhau như đối với những cặp tình nhân "tiền dâm hậu thú". Nhưng Trương y sĩ quá thích thú với tài nghệ của Vĩnh Hảo, phải dành nhiều thì giờ để phô trương, khoe khoang chàng rể, nên quên không thắc mắc nữa.

Đám cưới được tổ chức cấp tốc nhưng rất hoàn bị. Vĩnh Hảo, vốn là trẻ mồ côi được sư phụ đem về chùa nuôi từ nhỏ, nên không họ hàng thân thích, thì Trương y sĩ cũng mua chuộc đâu được người, tự xưng là chú, đứng chủ hôn đàn trai, với đầy đủ tư trang đáng giá, thật là môn đăng hộ đối. Nghi lễ tổ chức thật linh đình, với sự hiện diện đông đủ quan khách đến chúc mừng "hai trẻ" loan phượng hoà minh, sắc cầm hòa hiệp... hay đầu năm sanh trai, cuối năm sanh gái...

Vĩnh Hảo đóng vai chú rể thật vụng về. Mọi việc đều có người hướng dẫn, mà cứ lẩn thẩn quên trước quên sau, ấp a ấp úng, lo lắng bồn chồn, chớ chẳng biểu lộ nổi vui mừng duyên thắm. Ngược lại, Trương y sĩ thì sung sướng rộn ràng, đón người khách này, xum xoe với khách nọ, cao hứng ăn nói huyền thuyên. Gặp thực khách nào lịch sự khen xã giao chú rể vài câu, Trương y sĩ lại hãnh diện khoe khoang Vĩnh Hảo như một nhân tài hiếm có, vừa văn hay chữ tốt, vừa võ nghệ cao cường, lại tinh thông y dược. Rồi Ông lại long trọng tuyên bố, là đã mua sẵn cho "rể con" một cửa tiệm kang trang tại huyện Đồng Xuân, Phú Yên, để Vĩnh Hảo thi thố tài năng y dược cứu đời.

Nghe Trương Ông tiết lộ điều đó, Vĩnh Hảo lại lo lắng bội phần, vì cảm thấy ngày càng bị sa lầy, khó rút lui dễ dàng. Trương Ông tin tưởng mua sắm cửa tiệm, nếu bỏ đi ngay thì phụ phàng quá, cầm bằng dây dưa kéo dài thì nguy hiểm vô cùng. Thế nhưng Bội Ngọc lại năn nỉ, với những giọt nước mắt hỗ trợ, thì Vĩnh Hảo đành nhượng bộ, chấp nhận giải pháp trung dung, theo đó chàng sẽ tự do ra đi sau hi chăm sóc tiệm thuốc một năm. Thôi thì Vĩnh Hảo đành tự an ủi, ở Phú Yên dù sao cũng thoải mái hơn ở nơi này. Nhà riêng thì mỗi người sẽ ở một buồng, không phải lúng túng trong một phòng, để rồi

không ai chịu ngủ trên chiếc giường hợp cần: Vĩnh Hảo ngồi thiền dưới đất suốt đêm, còn Bội Ngọc cũng ngủ gà ngủ gật trên ghế đến sáng.

"Cổ đức tùy thuận hoàn cảnh tu tập chớ không câu nệ hình thức", lời dạy của sư phụ giản dị mà ý nghĩa sâu xa. Vĩnh Hảo nay đã làm thầy thuốc, tạm thời không thể hành xử đúng theo hình thức của một nhà sư, nhưng lại có đủ điều kiện để noi theo hạnh nguyện của Dược Vương Bồ tát, nguyện thí thân mạng mình để tùy bệnh cho thuốc, cứu giúp chúng sanh. Bệnh nhân thân thể suy yếu thì dùng các loại cây lá có dược tính trị bệnh. Bệnh nhân bị bệnh "nghèo đói" thì dùng tài dược (tiền), thực dược (cơm gạo) bổ thí điều trị. Bệnh nhân bị tâm bệnh thì dùng vô úy dược, an ủi kẻ lo lắng sợ sệt, hay pháp dược để trực tam độc tham, sân, si cho bệnh nhân (4).

Vĩnh Hảo tuy thông thạo y lý, nhưng rất mù mờ về "nghệ thuật móc túi" bệnh nhân. Bệnh nhân nghèo, chẳng những được chẩn bệnh, phát thuốc miễn phí, mà tùy theo hoàn cảnh được dúi tí tiền để bồi dưỡng. Bệnh nhân khá giả thì "tùy hỉ công đức". Thói thường, bản chất con người rất bần tiện, được tùy tiện thì dễ quên, mà dù có nhớ thì cũng cân nhắc từng ly, từng tí, nên tiền tùy hỉ thường thì không đủ trị giá tiền thuốc, nói chi đến tiền công khám bệnh. Do đó, dù "Vĩnh Hảo Đường" mới khai trương tại một điểm không mấy thị tứ, mà số thân chủ gia tăng nhanh chóng. Vĩnh Hảo đã phải làm việc liên tục từ sáng sớm, cho mãi đến chiều tối mới được nghỉ ngơi. Đã nguyện thí thân mạng cho bệnh nhân, khổ cực đâu đáng kể. Ngay đối với những kẻ thấy hiền lành dễ dãi nên gặt gẫm, lợi dụng, câu mâu gặt gông, bội bạc, trách cứ hay chửi bới chàng..., chàng chẳng quan tâm, mà chỉ một lòng thương yêu chăm sóc họ. Nếu phải quan tâm, có lẽ Vĩnh Hảo chỉ lo lắng về tình trạng tồn kho dược liệu giảm dần, mà chàng không đủ tiền để đặt mua đầy đủ các mặt hàng. Lần lần, tiệm không còn tồn trữ dược liệu đặc tiền nữa. Các bệnh nhân khá giả có thể dùng toa của Vĩnh Hảo, đến tiệm thuốc Bắc khác bổ thuốc. Còn người nghèo, thì Vĩnh Hảo đôi khi phải bó tay, vì chỉ còn đủ khả năng biểu không cho họ những loại thuốc rẻ tiền thông dụng mà thôi. Trở ngại đó khiến Vĩnh Hảo nghĩ đến việc khai thác các dược thảo địa phương – thuốc nam- để thay thế cho một số dược thảo nhập cảng từ Trung Hoa – thuốc Bắc.

○□ thầy thuốc nghèo gây thiệt hại lây đến Bội Ngọc. Nàng kính trọng thầy, nên phải tiện tặn, chịu sống kham khổ không người giúp việc, để thầy có thêm tiền chi dụng. Có lần, Bội Ngọc còn tình nguyện bán tư trang giúp thầy

có ngân quỹ đặt mua thêm dược liệu, nhưng Vĩnh Hảo quyết liệt từ chối, vì không nỡ để nàng hi sinh quá đáng.

Chưa đầy 5 tháng, Bội Ngọc đã ì ạch mệt nhọc với bào thai sắp khai hoa nở nhụy. Thoạt đầu, Bội Ngọc dự định về quê, để được mẹ chăm sóc, nhưng có lẽ e ngại bị bà con lối xóm đàm tiếu, về việc quá "mắn con", nên nàng đành quyết định sanh nở ở xứ lạ quê người. Do đó, mọi việc đành nhờ "thầy" lo liệu. Vĩnh Hảo quan niệm Bội Ngọc cũng chỉ là một bệnh nhân bình thường, nên thầy không tị hiềm gì cả, mà tận tụy săn sóc cho nàng như bất cứ người chồng gương mẫu nào.

Đưa bé gái ra đời được mang tên Bội Lan, giống mẹ như đúc, nên thật đẹp và thật duyên dáng. Sự hiện hữu của Bội Lan tạo không khí gia đình thêm ấm cúng, vui nhộn. Những lúc làm việc quá sức mà nghe được tiếng của bé "ư ! a!" thì mệt nhọc nào cũng tiêu tan. Bội Lan cũng là gạch nối giữa Vĩnh Hảo và Bội Ngọc. Khoảng cách giữa hai người giảm dần, Vĩnh Hảo tìm thấy ở Bội Ngọc một người bạn để chia sẻ hạnh nguyện "Dược Vương" của mình. Có lẽ, Bội Ngọc cũng cảm thấy Vĩnh Hảo thân thiết như một người anh, hơn là một vị thầy hay một ân nhân xa cách.

Thời hạn một năm trôi qua, Bội Ngọc tăng lờ, mà Vĩnh Hảo cũng không nhắc nhở đến thời điểm ra đi. Thật ra thì Vĩnh Hảo vẫn nhớ, nhưng yêu nghề, theo dõi điều trị bệnh nhân nào cũng mong hoàn mãn dứt bệnh, mới hết trách nhiệm. Chàng tự hẹn chờ trị bệnh xong cho người này, đoạn đời đến bệnh nhân khác, lần lựa mãi mà chưa dứt khoát được.

Cho đến một hôm, Vĩnh Hảo bỗng khám phá rằng dường như trong thâm tâm chàng, chàng quyến luyến chôn này: thương "tổ ấm", thương Bội Ngọc, Bội Lan nên không nỡ ra đi. Việc theo dõi bệnh tình dang dở của thân chủ chỉ là một cái cớ, gắng gượng che dấu lòng mềm yếu của mình. Vĩnh Hảo tin tưởng rằng tình thương mình trong sạch không bợn đục tình, nhưng tình đã phát sinh thì đã dính mắc rồi, làm sao thoát được?

Suy tư đó, ngày đêm dày vò Vĩnh Hảo, nhưng chàng đành bất lực không thể quyết định gì được. Ngày mùng 8 tháng 2, ngày Đức Phật Thích Ca xuất gia, bỗng nhắc nhở chàng nguyện vọng "tự độ độ tha" của chàng. Vĩnh Hảo dứt khoát ra đi. Sau khi chẩn bệnh cho người thân chủ chót trong ngày, Vĩnh Hảo cố gắng vận dụng hết can đảm để thông báo cho Bội Ngọc ý định mình, rồi soạn tìm chiếc áo tu hàn để rời nhà tức khắc, trước khi lòng chàng mềm nhũn.

Cố tình lảng tránh Bội Ngọc, Vĩnh Hảo lầm lũi ra cửa. Bội Ngọc cũng bỗng con lạng lẽ theo sau.

Thầy! Thầy đi mạnh giỏi. - Bội Ngọc vừa lên tiếng, thì đã oà lên khóc nước nở-

Vĩnh Hảo thở dài dừng lại, "bao gan" nhìn Bội Ngọc khẻ nói:

Bội Ngọc! Xin bảo trọng lấy thân.

Thầy ơi! Thầy có biết là Bội Ngọc thương thầy lắm không?

Thầy biết.

Thầy có thương Bội Ngọc chút xíu nào không?

Vĩnh Hảo mừng tưng nếu trả lời "có" thì nguy hiểm khôn lường, nhưng trọn đời thầy có dám nói dối đâu, huống chi câu trả lời, tự đáy lòng bật ra như mũi tên xẹt đi, thầy có kèm hãm cũng không còn kịp.

Thương! Thương lắm!

Chỉ chờ có thế, Bội Ngọc phóng vào lòng chàng ôm cứng ngực và khóc như mưa.

Vĩnh Hảo đâu đủ sức cầm cự lâu hơn nữa. Thành trì giới luật sụp đổ tan hoang, nhường chỗ cho đục vọng tràn lan như nước vỡ bờ.

Tất cả sự việc đã qua rồi, dầu có ăn năn hối tiếc cũng vô ích. Vĩnh Hảo chỉ cố gắng tìm hiểu nguyên nhân nào đã thúc đẩy chàng rơi vào vòng tình ái nghiệt oan. Nhớ lại liên hệ của chàng với Bội Ngọc, từ lúc chàng quyết chọn oan ức làm cửa ngõ của đạo hạnh, Vĩnh Hảo bỗng khám phá rằng chàng đã hành hạnh Bồ tát với tâm ngã chấp thường tình. Tuy Vĩnh Hảo khiêm cung không nhận ân nghĩa, mà trong đáy lòng vẫn khoan khoái hành vi của mình. Bội Ngọc kề cận nhắc nhở suy tôn khiến chàng thêm thỏa mãn. Như nhà nghệ sĩ yêu tác phẩm, Vĩnh Hảo cũng name nhiệm hành vi cao đẹp của mình. Từ đó, chàng yêu thiết tha Bội Ngọc, đối tượng của hành vi nhẫn nhục của chàng. Tâm đã phân biệt ngã nhân, sự việc... thì duyên khởi trùng trùng, oan trái bủa giăng.

Biết được điều đó thì quá muộn. Oan nghiệp đã kết thì phải chấp nhận những hậu quả phải đến, trốn tránh sao được nữa.

Thôi! Không làm tu sĩ thì làm cư sĩ, miễn là vẫn giữ được hạnh nguyện, vẫn cố gắng tu sửa tâm tánh là đủ rồi.

Dù sao, thì Vĩnh Hảo cũng lặn hụp trong hương vị tình yêu mật ngọt. O □ Tất cả đều màu nhiệm tuyệt vời. Nụ hôn ngát ngây, vòng tay êm dịu, ánh mắt đắm say, cử chỉ sẵn sàng nuông chiều thiết tha... đã đưa Vĩnh Hảo lên đỉnh cao của hạnh phúc lứa đôi. Chàng thì thầm: "Cám ơn Bội Ngọc! Em ban cho anh hạnh phúc cuộc đời!".

Yêu chồng, Bội Ngọc không thể lãng quên tương lai của chúng mình, tương lai con cháu chúng mình. Nàng phải san sẻ với chồng để gây dựng sự nghiệp mai sau, chớ không thể buông xuôi cho Vĩnh Hảo để dãi quản lý được phòng, với mức thu ngày càng sa sút.

Tuy trong thâm tâm Vĩnh Hảo không thuận nhưng chàng cũng phải nhượng bộ, đặt giá biểu cho việc khám bệnh hốt thuốc. Dù vậy, mức thu vẫn quá thấp so với Bội Ngọc suy tính, một phần vì Vĩnh Hảo vẫn mềm lòng thông cảm người nghèo, phần khác vì chàng thật thà, không chịu "doạ", đập đổ, hoặc "nuôi bệnh" kéo dài, để "mời" tiền thân chủ.

Thế rồi! Khởi đầu bằng những cơn buồn không duyên cớ, điểm thêm tiếng thở dài thườn thượt, nàng chuyển sang giai đoạn than thở bang quơ: "Đời tôi khổ quá!", "Số tôi chịu nghèo thôi!", "Sao số người ta sướng quá!!!". Giá Vĩnh Hảo chận đứng ngay, như những kẻ vũ phu thô lỗ thì hữu hiệu, đằng này, chàng quen nhẫn nhục, nhận lỗi mình kém cỏi không làm giàu được cho vợ vui lòng, nên chỉ biết năn nỉ, nuông chiều..., điều đó, chỉ làm cho Bội Ngọc thêm khinh hờn, cho rằng chồng mình nhu nhược, thiếu chất đàn ông. Lần lần, Bội Ngọc trách móc nặng nề chồng, khinh khi chàng là thứ nghèo đói cù bơ cù bất trong chùa, được gia đình nàng ban ơn dạy cho nghề thuốc, mua cho được phòng nhưng bắt tài chẳng nên trò trống gì!!!

Trước kia, Bội Ngọc thờ kính Vĩnh Hảo như thần tượng vì ngày ấy nàng là đệ tử, một kẻ chịu ơn, còn Vĩnh Hảo là một ân nhân cao quý, một vị thầy khả kính. Thầy càng đạo đức thánh thiện thì đệ tử càng kính phục. Bây giờ thì khác, Vĩnh Hảo là chồng, Bội Ngọc là vợ. Vợ nhìn chồng khác hơn đệ tử nhìn thầy. Nàng không ước mơ ông chồng mang đức thánh thiện kè kè vào phòng ngủ hay ở chôn thương trường. Nàng chỉ thực sự cần một gã đàn ông:

tục tần dâm dật ở chốn phòng the càng tốt, mà lưu manh gian xảo ở chốn kinh doanh càng hay.

Vĩnh Hảo là một ông thầy tu khả kính, nhưng chỉ là một người chồng "cù lần", vụng về khờ khạo. Do đó thân tượng dĩ nhiên phải sụp đổ.

Vĩnh Hảo tuy chịu chuông vợ, nhưng hạnh nguyện vẫn không quên. Khi cần giúp người vẫn giúp, mặc dù, mỗi lần Bội Ngọc biết, nàng giận dỗi rầy la, rồi bồng con bỏ về quê mẹ cả tháng trời. Những lúc nàng vắng nhà, Vĩnh Hảo thật thoải mái, khám bệnh giúp người không bị kềm kẹp. Nhưng đêm đến chàng lại vùi vọt buồn, vì gian nhà trống trải quá. Gần nàng thì khổ, mà xa nàng thì lại nhớ nhung.

Từ Qui Nhơn về, thỉnh thoảng Bội Ngọc mang theo vài tin tức của Thanh Lương tự. Ngay sau khi trục xuất Vĩnh Hảo, sư phụ đã triệu Vĩnh Tường về giao ngôi trụ trì, để vân du về phương Nam hành đạo. Hai sư đệ Vĩnh Quang, Vĩnh Minh thì ẩn tu tại Ngũ Hành Sơn. Sư huynh Vĩnh Tường quả thật tài trí hơn người. Sư huynh chánh thức thành lập võ phái Thanh Lương, để thu nhận môn sinh cư sĩ truyền võ công. Chẳng bao lâu, phong trào luyện tập quyền thuật được phát triển rầm rộ khắp vùng, gia đình nào cũng gởi con em đến Thanh Lương tự để thụ giáo. Chỉ mấy năm, môn sinh đệ tử đã lên đến mấy ngàn người. Dựa vào uy thế quyền thuật, sư huynh lại lôi kéo phụ huynh các đệ tử vào phong trào học Phật tu nhân, rồi kiến tạo Thanh Lương tự thành một đại tùng lâm hùng vĩ, nổi tiếng một thời.

Nghe chuyện Thanh Lương tự, rồi gẫm phận mình, Vĩnh Hảo thật hổ thẹn trăm bề. Thân hoàn tục chẳng ra gì, lại còn trăm cay nghìn đắng với cô vợ hỗn hào. Đôi lúc, Vĩnh Hảo nghĩ đến việc bỏ đi, nhưng có lẽ do oan gia từ kiếp nào, chàng không thể dứt khoát được. Chỉ cần nàng ngưng chửi, là Vĩnh Hảo vẫn thấy nàng khả ái, dễ thương muôn đời. Dù thế nào, thì Vĩnh Hảo cũng còn có bé Bội Lan bên cạnh. Bé không biết gì, nhưng bé mủm mím dễ thương quá, bao giờ cũng giúp cho chàng những phút giây hoà ái nhẹ nhàng. Thế nhưng định mạng khắt khe lại cướp mất niềm vui của chàng. Được mẹ bồng đi thăm ngoại về, Bội Lan nóng sốt dữ dội. Bé bị bệnh đau màng óc mấy ngày nhưng Bội Ngọc không biết. Khi đưa cho Vĩnh Hảo khám bệnh, thì mọi sự đã muộn màng rồi. Bội Lan chết thì Bội Ngọc lại đẩy nẩy đổ lỗi cho chồng ác độc, không thương con ghê, nên không tận tình chạy chữa.

Đầu Xuân Đinh Mão, Vĩnh Hảo đang thẩn thờ một mình, - Bội Ngọc về Qui Nhơn, còn thân chủ kiêng cử ngày Tết không đến – thì bỗng thấy viên tri huyện Đồng Xuân, hần học dẫn toán lính vào nhà. Vĩnh Hảo đã từng trị bệnh cho quan huyện. Hai người hàn huyên tương đắc như bằng hữu, không ngờ ngày nay quan lơ là như người xa lạ. Quan huyện hạ lệnh cho lính lục xét nhà Vĩnh Hảo thật kỹ. Lính mở tung các tủ, rồi đến các hộc thuốc, không chừa một chỗ nào. Khi khám đến hộc đựng hộp thuốc huỳnh bá, bỗng tìm được một gói lạ, nằm dưới mớ thuốc. Chiếc vòng cẩm thạch vô giá màu xanh da trời ẩn hiện tượng Quán Thế A□ được viên tri huyện xem như bảo vật phù hộ gia đình ông, sao lại ở ngăn tủ này? Nguyên khi Vĩnh Hảo trị bệnh cho quan, quan cao hứng đuổi lính ra ngoài, để mở ngăn tủ bí mật, lấy bảo vật ra khoe với Vĩnh Hảo. Chiếc vòng đó, viên tri huyện giữ kín, không cho người ngoài xem. Ngay như Bội Ngọc, tuy được chồng kể lại, ước ao được thấy một lần mà chưa toại nguyện. Ngày Tết, mở tủ thấy báu vật biến mất, quan huyện nghĩ ngay đến Vĩnh Hảo, người duy nhất biết nơi giấu của, nên tức tốc khám xét.

Vĩnh Hảo bị bắt quả tang về tội trộm báu vật, tang chứng rõ rệt không cần phải điều tra lâu dài. Viên quan, giận kẻ có học mà tham lam, nhút là dám nhè quan mà vuốt râu hùm, nên sẵn có vài vụ trộm tại Phú Yên mà thủ phạm chưa điều tra được, quan cũng khảo tra Vĩnh Hảo bắt chàng nhận tội. Buộc cho tội nào chàng cũng không từ chối, nên chàng bị hình phạt trọng nặng nề, rồi bị án lưu đầy xuống Phan Thiết để làm tù khổ sai.

Bội Ngọc giận chồng gây tai tiếng, bán nhà về Qui Nhơn, rồi nhờ người nhắn tin cho Vĩnh Hảo biết nằng nằng không nhìn nhói gì đến tên chồng lưu manh trộm cướp nữa.

Nếu không nhờ đã luyện công từ nhỏ, Vĩnh Hảo khó lòng chịu đựng nổi những trận noon bổng dành cho kẻ phạm trọng hình. Thân thể đầy thương tích, máu mủ ghê tởm, đói lạnh thiếu thốn, lại không thân nhân tiếp tế, chăm sóc, tưởng là bất hạnh, nhưng chính khổ đau tột cùng đó lại là toa thuốc thần, khiến mối tình nam nữ quân quit tưởng không bao giờ dứt được, trong khoảnh khắc bỗng nguội lạnh như đóng tro tàn. Chuyện xã hội bên ngoài, chuyện quá khứ xa gần, nhà thuốc, con bệnh... có bận tâm cũng bất lực. Do đó, Vĩnh Hảo chủ trương ở tù thì cứ thuận theo hoàn cảnh tù tội mà tu. Nơi nào thì cũng có thể giữ được chánh niệm và hành được hạnh nguyện Dược Vương. Tù nhân, dù oan hay ung, đều ở trong hoàn cảnh hoang mang, sợ

hãi, khổ sở tận cùng. Họ cần được săn sóc, an ủi như những đứa con thơ cần mẹ. Vĩnh Hảo kể cận chia ngọt xẻ bùi với họ, rồi tùy cơ, giảng dạy họ về thuyết nhân duyên, về tứ diệu đế... để vạch cho họ con đường tu tập.

Lần lần, Vĩnh Hảo khám phá ra là chàng quả thật có nhân duyên lành, nên mới bị tù đày. Ở, giữ chánh niệm thật dễ, vì ngoài "cái khổ", mà kẻ tu hành coi là bạn hữu nhắc nhở mình tu tập, hành giả không bị ngoại cảnh chi phối, không có danh lợi, xa hoa, phong lưu, phù phiếm quyến rũ mình.

Đến Phan Thiết, thân phân kẻ lưu đày phải lên rừng đốn củi làm than, cuộc sống bớt phần gò bó. Hai năm sau, nhân lễ Vu Lan Canh Ngọ, Vĩnh Hảo và các bạn tù được chúa Nguyễn Phúc Khoát ban lệnh ân xá.

Được tự do, Vĩnh Hảo bây giờ, thấy không cần phải tìm chốn non cao để chuyên tu thiền định. Chàng sống bình thường không chủ định, gặp chuyện nên làm thì tùy thuận mà làm. Làm xong lại xả bỏ ngay không chút chứa giữ gìn. Do đó, khi thì Vĩnh Hảo lên rừng đốn củi, khi làm thuê, làm mướn, chèo đò... để lấy tiền độ nhật và giúp bà con nghèo. Chàng lại lêu lổng giao du với đủ hạng cùng đinh, kết bạn với cả bọn trộm cắp, đĩ điếm mà không úy kị chi cả.

Nghệp thầy thuốc của Vĩnh Hảo còn nặng. Gặp người bệnh, Vĩnh Hảo đương nhiên phải chữa trị. Thế rồi, người này đôn người khác, số thân chủ tăng dần, đến nỗi Vĩnh Hảo không thể lang thang không cửa không nhà được nữa.

Được sư Thiện Hạnh yểm trợ, Vĩnh Hảo mở phòng mạch miễn phí tại chùa Tịnh Độ, gần khu phố chợ Phan Thiết. Để có phương tiện giúp đỡ dân nghèo, Vĩnh Hảo nghiên cứu thuốc Nam, hầu có thể tận dụng dược thảo địa phương, dễ kiếm và rẻ tiền. Là một y sĩ phối hợp được hai nền thuốc Bắc và thuốc Nam, lai tinh thông thuật châm cứu, nên chẳng bao lâu, Vĩnh Hảo nổi tiếng là thần y. Bệnh nhân từ các tỉnh lân cận, cũng đua nhau tìm đến nhờ chữa trị.

Vĩnh Hảo bắt đầu truyền dạy y học cho các thầy, các chú tu sĩ, để họ tiếp tay điều trị bệnh nhân. Nhờ có người đỡ đần tạm thay phòng mạch, Vĩnh Hảo có thể thư thả lang thang trong rừng, nghiên cứu dược thảo. Do đó, chàng khám phá nhiều loại cây có giá trị y học, cũng như tìm được những loại cây trước đây phải nhập cảng từ phương Bắc rất đặc giá.

Đầu Xuân Quý Dậu, thừa lúc vắng bệnh nhân, Vĩnh Hảo lại thông thả vào rừng. Đến bên suối Rắn, Vĩnh Hảo chợt có ý nghĩ thử đi ngược lên đầu nguồn, tìm vài bụi ráng dương xỉ, tóc tiên... để làm thuốc. Vùng suối này, cây cối rậm rạp, đá dốc trơn trượt, nước chảy siết, lại có tin đồn đó là nơi ẩn trú của cặp rắn thần; mỏng đỏ như mỏng gà, nên ít người leo hái. Vách đá lởm chởm là cho giòng nước tung toé, đuôi theo những đàn bướm chập chờn đùa giỡn. Trên cành cây rậm lá tiếng chim ríu rít vui mừng chào đón ánh sáng ban mai. Dọc theo bờ suối, những bụi cỏ dại cũng đua nhau khoe chùm hoa bé bỏng xinh xinh. Bất ngờ, Vĩnh Hảo lại thấy xuất hiện gian nhà cỏ bé nhỏ, cất dục bên tảng đá. Vị ẩn sĩ vô danh nào chọn được chốn thơ mộng này để trú ngụ, quả là người biết hưởng thú thanh nhàn. Từ xa, Vĩnh Hảo thoáng thấy dáng dấp một cụ già, - một vị sư già, - đang lom khom chăm sóc cành hoa dại. Lạ quá! Vĩnh Hảo dụi mắt mấy lần, mà vẫn tưởng mình đang chiêm bao, vì vị sư già đó lại là sư cụ Đạt Bản, ân sư của chàng.

Mừng mừng, tủi tủi, Vĩnh Hảo quì dưới chân thầy, nước mắt chảy dài bên má, thôn thức:

Thưa thầy! – chàng nhớ mình là đệ tử bị thầy đuổi khỏi sơn môn, nên không biết phải thưa hỏi cách nào đành lặng yên –

Vĩnh Hảo con!

Dạ! Thầy đã tha tội con! - Vĩnh Hảo lộ vẻ vui mừng-

Thầy có từ bỏ con đâu! Thầy đợi con ở đây từ lâu.

Thầy mỉm cười. Vĩnh Hảo cũng mỉm cười. Cả hai nhìn nhau thật lâu, như để thay thế cho những lời vô tận của 10 năm xa vắng.

Sư phụ nhìn cảnh vật trước mắt chăm chỉ chiêm ngưỡng như người khách lạ mới thấy lần đầu, rồi đột nhiên hỏi:

Con thấy cảnh vật như thế nào?

Vĩnh Hảo vừa trầm nghĩ phong cảnh tuy đẹp nhưng nếu giòng suối có thêm bụi trúc, trước thảo am có cụm mai vàng, thì mới hoàn toàn tuyệt mỹ, nên phát biểu:

Thưa thầy! Đẹp lắm! Nhưng nếu có được bụi trúc và cành mai thì mới hoàn toàn.

Đâu chỉ hoa vàng và trúc biếc

Rong rêu cỏ dại cũng là chân.

Vĩnh Hảo bỗng giật mình sững sốt. Pháp kệ của sư phụ ngắn mà rõ ràng. Cổ đức dạy "hoa vàng, trúc biếc" tượng trưng cho chân như, nhưng phải hiểu là vạn vật mọi loài, dù hèn mọn nhỏ nhoi: trùn, kiến, rong rêu, cỏ dại... cũng biểu lộ chân như thường hằng:

Tình dữ vô tình

Đồng viên chủng trí

Ta đã đọc tụng hàng ngày, đã hiểu vạn vật đều ảnh hiện từ nguồn sinh động của biển chân tâm diệu minh, của A Lại Da Thức, từ vô thủy vô chung vẫn như không khác, không sanh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm. Có sao ta lại phân biệt phải là hoa vàng? Phải là trúc biếc? Tam thiên đại thiên thế giới bỗng nhiên rung động rồi sụp đổ tan tành để biển hiện thành biển quang minh chói chang rực rỡ. Thời gian ngưng đọng không biết đến bao giờ, nhưng khi Vĩnh Hảo từ chón vô sai biệt trở về chón sai biệt, thì vẫn thấy mình đứng bên thầy trước am cỏ.

Đại sư mỉm cười. Vĩnh Hảo cũng mỉm cười.

Ta trao truyền người am cỏ này. Hãy nhận lấy.

Ta đi đây. – đại sư đột ngột từ giã.

Xin thầy cho con được theo hầu thầy. - Vĩnh Hảo van nài.

Không! Ta có duyên vốn miền Nam cần hành hoá. Con còn nghiệp ở đây, nên ở lại.

Tôn kính thầy là bậc thân tăng, tùy thuận hành đạo khó đoán, khó lường, Vĩnh Hảo đành vâng lệnh và ngậm ngùi nhìn bóng thầy khuất dần ở rặng cây xa. (Đại sư Đạt Bản, sau đó về miền Nam hoàng hóa, độ rất nhiều đệ tử. Đại sư đã kiến lập ngôi chùa THIÊN TRƯỜNG tại Song Phố, Gia Định năm A Hợi, 1755).

Vào thảo am, Vĩnh Hảo khám phá thủ bút của thầy lưu lại. Vách trái thầy viết "PHÁP NHÂN VÔ SANH", hàm ẩn con đường tu tập cá biệt của Vĩnh Hảo, nương hạnh nhân nhục ba la mật để ngộ lý vô sanh, nói chung, đó là

con đường TRỞ VỀ, từ SỰ ngộ LÝ, từ hạnh nguyện ĐẠI BI để thể nhập ĐẠI TRÍ, tức thể tánh BÁT NHÃ. Vách phải thầy ghi "VÔ SANH PHÁP NHÃN", là con đường tu tập nương lý vô sanh để đạt được hạnh nhẫn nhục ba la mật, cũng là con đường TRỞ RA, từ LÝ đạt SỰ, tức từ ĐẠI TRÍ, thể tánh BÁT NHÃ để phóng chiếu ra thế giới sai biệt hành hạnh ĐẠI BI, diệu dụng của tâm, để cứu độ chúng sanh. Đó là con đường song chiếu, thầy nhắc nhở chàng tiếp nối hành trì không ngưng nghỉ, để đi đến chỗ tuyệt cùng LÝ SỰ viên dung, ĐẠI TRÍ ĐẠI BI không khác.

Vĩnh Hảo bàn giao lần lần trách nhiệm tại phòng mạch chùa Tịnh Độ cho các tu sĩ đảm nhận, hầu thường xuyên cư ngụ tại thảo am. Thảo am "Vĩnh Hảo", danh từ do các người đi rừng quen gọi, là nơi Vĩnh Hảo dùng làm chỗ chứa dược thảo, do chàng vào rừng mang về, xắt, sấy công phu để cung cấp cho chùa Tịnh Độ. Nơi đó, cũng là trạm dừng chân của những thợ rừng, đến xin thuốc trừ bách độc, ngừa trị rắn rít...

Tàn đông năm Ất Hợi, trong khi Vĩnh Hảo đang chăm sóc cảnh sim rừng trên bàn thờ Phật, thành linh Đại sư Vĩnh Tướng xuất hiện. Vĩnh Hảo thăm phục sư huynh, võ công thăng tiến bội phần, khinh công đã tuyệt kỹ nên bước khoan thai trên sàn nhà ọp ẹp vẫn không gây tiếng động. Vĩnh Hảo mừng rỡ đón chào nhưng chưa kịp nói gì, thì Vĩnh Tướng đã lên tiếng:

Vĩnh Hảo! Ta báo tin ngời hay. Ta đã được Chúa thượng triệu về kinh sư thuyết pháp Kinh Lăng Già, rồi nhân dịp đó, sẽ tôn ta là quốc sư nước Việt.

Kính mừng Đại sư. - Vĩnh Hảo trên danh nghĩa là phạm giới tăng, đã hoàn tục, không dám xưng hô huynh đệ với Vĩnh Tướng - , công nghiệp của đại sư đã làm sáng tỏ sơn môn của thầy tổ.

Ngừng một chút, chưa thấy Vĩnh Tướng lên tiếng, Vĩnh Hảo thưa hỏi:

Thưa đại sư đến thăm đệ tử, có điều chi dạy bảo?

Dĩ nhiên là có việc! Vĩnh Hảo! Ta cần nhờ ngời việc này.

Thưa đại sư. Đệ tử sẵn sàng tuân lệnh thi hành, dù phải hy sinh tính mạng cũng không từ nan.

Khá lắm! Vĩnh Hảo! Ta chỉ cần ngời chết.

Người chỉ cần uống viên "Tử hoàn đan" này là xong, hậu sự đã có ta, thay người lo mọi việc.

Đệ tử xin sẽ tuân lệnh, nhưng đệ tử xin phép được hỏi đại sư một việc. Có phải Bội Ngọc đã chết rồi chăng?

Khá lắm! Khá lắm! Người biết rõ mọi hành vi của ta. Chuyến đi này, quả thật không uống công. Đúng vậy, Vĩnh Hảo người phải biết, ta sẽ là Quốc sư thì những người biết câu chuyện ngày trước không thể sống sót được.

Nguyên Vĩnh Tường tăng tị với Bội Ngọc lỡ mang thai bèn tìm có "ân tu" để trốn tránh trách nhiệm. Trước khi đi, còn xúi tình nhân đổ vạ cho Vĩnh Hảo, đồng thời cũng gợi chuyện đàm luận Luận Bảo Vương Tam Muội hầu khuyến khích Vĩnh Hảo nhận chịu oan ức. Vĩnh Hảo bị đuổi đi. Vĩnh Tường được gọi về trụ trì. Sư phụ vừa vân du, thì Vĩnh Tường liền tìm cách đuổi hai sư đệ Vĩnh Quang, Vĩnh Minh để có thể tổ chức tu viện theo ý hướng của mình. Nhờ khéo léo, biết phô trương đạo đức, tu "ồn ào hình thức" phù hợp với đám đông, lại biết dùng quyền thuật làm phương tiện cổ động, nên sớm thành công. Danh vị cao, tiền bạc lắm, đại sư rồi rảnh dâm ra chạnh nhớ người tình xưa. Gặp lúc Bội Ngọc cần đấng chồng về tiền bạc, nên có có để tâm đầu ý hiệp lén lút đi lại với nhau. Con chết, vừa nghi Vĩnh Hảo xấu bụng không tận tình chạy chữa, vừa cũng muốn được tự do ngoại tình, nên theo chỉ dẫn của Bội Ngọc, Vĩnh Tường đã sử dụng khinh công tuyệt đỉnh của mình để vào dinh trì huyện trộm báu vật vu cho Vĩnh Hảo. Danh tiếng của Vĩnh Tường vang dội đến kinh sư, Vĩnh Tường được triệu thỉnh để tấn phong Quốc sư nước Việt. Tuyệt đỉnh danh vọng khiến đại sư vô cùng sung sướng. Nhưng vốn tính cẩn thận, đại sư lo nghĩ đến thanh danh của vị đại quốc sư, nên đành giết Bội Ngọc để diệt khẩu. Vĩnh Hảo vốn tu hạnh nhẫn nhục, không lưu tâm đến lỗi người khác, nên không dám nghĩ đến nguyên nhân hậu quả của việc gì.

Nhưng khi Vĩnh Tường báo tin được làm quốc sư, thì tất cả các sự kiện trên bỗng hiện rõ ràng trước mắt.

Đệ tử chết thật không ân hận, - Vĩnh Hảo thở dài rồi tiếp – nhưng Bội Ngọc thì...

Hừ! Đại sư giận dữ – người chết không oán hận gì là phải, bởi trăm điều tội lỗi phát xuất từ nhà người. Ta đã chắc chắn sẽ được kết vị trụ trì, thì người lại dở trò đạo đức nịnh bợ thầy, nên thầy loại ta để cử người. Người làm cho ta đau khổ, phải tìm quên nơi Bội Ngọc. Người đã khoe khoang học hạnh

nhấn nhục, mà còn tham dâm giết vợ ta lại làm chết con ta, thì trách chi ta đã xuống tay độc ác.

Dù biết rõ hành động của Vĩnh Tường, lòng tôn kính của chàng đối với đại sư vẫn không suy giảm. Chàng trầm nghĩ, Vĩnh Tường đối với chàng cũng ví như một viên "THUỐC ĐẮNG", như một vị bồ tát hành động trái nghịch để tạo nghịch cảnh cho chàng tu hành. Viên thuốc đắng đó đã giúp chàng trị được các bệnh nan y: ngã chấp, ái dục... và cũng đã mở cửa ngõ cho chàng lập hạnh. Công đức của đại sư Vĩnh Tường đối với chàng thật vô biên. Vĩnh Hảo trang trọng quì lạy Vĩnh Tường để cảm tạ.

Thưa đại sư! Đệ tử cả đời làm thuốc, bào chế dược loại trị bách độc, rắn rít độc trùng đều công hiệu. Xin đại sư giữ chai thuốc này để cứu người và cũng để phòng thân...

Hừ ! loại thuốc vô dụng này có đáng gì để ta bận tâm.

Thấy không có gì để nói. Vĩnh Hảo uống viên thuốc độc, rồi chấp tay ngồi kiết già, niệm Phật.

Chờ một lúc cho Vĩnh Hảo thấm thuốc. Vĩnh Tường an lòng rời bước. Bỗng nhiên có tiếng đại sư la lớn: "Rắn! Trời ơi! Rắn! Vĩnh Hảo hiền đệ cứu ta với!". Tiếng la nhỏ dần rồi ngưng bật.

Hạnh nguyên cứu người vẫn theo đuổi Vĩnh Hảo đến giờ phút cuối cùng của cuộc đời. Dù tâm trí vẫn tỉnh táo, xác thân đã ngấm thuốc tê cứng. Vĩnh Hảo không đi được, chỉ có thể lết lắn đến cầu thang, rồi té lăn càn xuống đất. Cố gắng lết lắn đến bên Vĩnh Tường, nhìn vết máu bầm sùi bệt dưới chân đại sư, Vĩnh Hảo biết người bị rắn mai gầm cực độc mổ. Không còn thuốc rắn nữa, không có phương pháp nào điều trị khác hơn, Vĩnh Hảo tức khắc dùng miệng nút vết thương gớm ghiếc. Nghĩ đến tánh mạng của Vĩnh Tường đang nguy ngập. Vĩnh Hảo không phí phạm thời giờ quý giá nên phải nuốt chừng ngum máu tanh hôi, để có thể nút nọc rắn tàn phá tạng phủ, nên Vĩnh Hảo kiệt sức dần. Mỗi lần nút máu, chàng phải vận dụng toàn lực còn lại, làm chấn động cơ thể, cảm giác như trăm ngàn mũi dao nhọn thi nhau đâm xé ruộc gan. May mắn máu lần lần tươi rồi đỏ, rồi hết bầm hắc. Vĩnh Hảo vui mừng gục đầu bất động.

Hai người đệ tử của Vĩnh Tường, được lệnh chờ đợi gần đó, nghe tiếng kêu la cầu cứu của thầy, vội chạy đến. Thấy thầy nằm bất tỉnh bên cạnh một tên "ăn mày rách rưới", họ vội ôm xác thầy đem về tìm phương cứu chữa.

Vĩnh Hảo tay chân cứng đờ, nhưng thần trí vẫn tươi tỉnh. Chàng mỉm cười, nghĩ đến thân xác của mình, sẽ là một THANG THUỐC CUỐI CÙNG, một món thuốc trị đời, cúng dường cho muôn thú. Thế rồi đại sư từ trần, mà hạnh nguyện "Dược Vương" bao la của NGÀI muôn đời như vẫn từ bi tỏa rộng. Đúng theo bản nguyện của đại sĩ, xác thân Ngài được muôn thú xâu xé, các loại côn trùng đục khoét phần thịt gân nhỏ nhít dính xương, rồi đến các loại vi trùng cực nhỏ cũng dự phần rút rĩa tủy óc còn sót lại. Chiếc đầu lâu rơi tòm xuống nước, trong hóc hẻm sâu hoắm, cũng là nơi nương tựa một thời gian cho vài con cá nhỏ. Xương trắng sau cùng rồi cũng thành cát bụi, nhưng hạnh nguyện của người vẫn nguyên vẹn không phai.

Vĩnh Tướng được đệ tử cống về Qui Nhơn thang thuốc. Dù được Vĩnh Hảo nút vết thương, song một ít nọc độc vẫn len lõi vào tạng phủ, khiến đại sư bị bán thân bất toại, thần trí nửa tỉnh nửa mê, rên la từng cơn. Bệnh trạng lạ lùng, nên tất cả lương y đều thúc thủ. Sau cùng, các đệ tử nghe tiếng đồn về vị thần y ngụ tại Vĩnh Hảo am bên giòng suối Rắn, vội vã đưa thầy đến điều trị. Đến nơi, Vĩnh Hảo am đã hoang vắng tiêu điều. Đang lúc tuyệt vọng, đại sư lại rên rĩ kêu gào khát nước. Đệ tử cho người uống nước suối, không ngờ cơn đau giảm dần, thần trí tươi tỉnh, dù bệnh bán thân bất toại không thuyên giảm. Nước suối biến thành thần dược, được đại sư luôn giữ bên mình, để sẵn sàng chận đứng những cơn đau nhức điên cuồng đột ngột xuất hiện.

Người dân bắt chước đại sư Vĩnh Tướng, khi có bệnh cũng tìm đến Vĩnh Hảo am, uống ngụm nước suối để được lành bệnh.

Suối Rắn, từ đó được người dân quen gọi là Suối VĨNH HẢO (5), muôn đời chuyên chở hạnh nguyện "Dược Vương" của vị đại sĩ, xả thân mình để trị bệnh cho chúng sanh.

Tháng 5. 1988

Cước chú:

1/ Năm hạ về trước tinh chuyên giới luật, năm hạ về sau tùy nghi xin học tham thiền.

2/ Cụ túc giới: Tỳ kheo giới.

3/ Mười điều tâm niệm của Luận Bảo Vương Tam Muội:
Điều 10: Oan ức không cần biện bạch, vì biện bạch là nhân quả chưa xả.
Bởi vậy Đức Phật dạy:-Lấy oan ức làm cửa ngõ của đạo hạnh.
4/ Bồ thí ba la mật được phân ra tài thí, pháp thí và vô úy thí (bồ thí cái không sợ). Tác giả dùng chữ tài được, pháp được và vô úy được, thật ra cũng chỉ nhằm ý nghĩa bồ thí tài, pháp và vô úy.

5/ Suối VĨNH HẢO tọa lạc tại Phan Thiết, đã được Viện Pasteur phân chất công nhận nước suối thiên nhiên trong sạch có nhiều khoáng chất có giá trị y học. Một công ty hợp doanh đã khai thác nước suối để bán cho bệnh nhân sử dụng.

---o0o---

LOÀI HOA BÌNH DỊ

Quà Vu Lan cho ba

Thuở mới kiến tạo, lộ Lâm Quang Ky giống như một con đê chạy dài theo bờ biển ấp Vĩnh Lạc, Rạch Giá. Ngày ấy, trên bãi sinh lầy hoang vắng chỉ có rừng mắm chằng chịt. Nhưng biển cứ cần cù mang phù sa tô bồi mãi, nên chẳng bao lâu, những căn nhà xinh xắn đã xuất hiện trên mặt tiền đường, rồi từ từ lấn sâu thêm mãi. Khi tình hình an ninh ở miền quê trở nên tồi tệ, dân chúng đổ xô ra tỉnh làm nhà ở thật khan hiếm. Nhu cầu cấp bách không thể chờ đợi đất bồi "cà rịch cà tang" nên có người nghĩ đến giải pháp cất nhà sàn. Thế rồi, với chiếc cầu ván hẹp té xữ dụng như đường đi độc đạo vào đất liền, những chiếc nhà sàn thô sơ san sát quây quần bên nhau. Cầu được chấp nối mãi nên dài nhẵn, nhưng càng lúc càng teo dần. Khoảng bắt ngang những căn cuối cùng, cầu ôm nhóm với miếng ván long đĩnh, vùn vùn theo từng bước chân đi. Cầu riêng vào nhà bé Vân – căn nhà cuối cùng -, thực ra, chỉ là một khúc tre, gát lơ mơ trên hai cặp cừ đóng chéo. Những lần đầu, bước lên cầu tre lắc lư, Vân níu cứng tay mẹ, nhít từng bước, mà run như thằn lằn đứt đuôi. Bây giờ, thì Vân quen thuộc rồi, em đi thoăn thoắt như đi trên đất liền.

"Ví dầu! Cầu ván đóng đĩnh
Cầu tre lắt lẻo gập ghình khó đi"

Gập ghình khó đi như thế nào, bé Vân vẫn thương lồi về, thương con cầu gầy guộc, xóm giềng đìu hiu, và nhất là thương căn nhà tiêu tụy, tổ ấm đã chứa chan bao tình yêu thương mật ngọt của mẹ cha.

Chị Năm, mẹ của bé Vân, cũng bằng lòng không kém. Chị thường sung sướng bảo: "Đây mới chính là căn nhà của mình". Bao năm rồi, chị Năm ôm con theo chồng vất vả di chuyển ngược xuôi với đơn vị. Chị cũng có nhà trong trại gia binh, nhưng đó đâu phải là nhà "của mình". Huống chi, thời gian đó, chị lúc nào cũng phập phồng lo sợ cho tánh mạng của chồng, nên đâu có phút nào vui. Anh hạ sĩ Năm bị thương rồi bị giải ngũ. Tiền lính thì đã tính liền. Vợ chồng không còn xu ten dính túi, lui thủi về Rạch Giá tạm nương náu với gia đình bà cô. Thời may, nhờ bè bạn giới thiệu, anh Năm thuê được chiếc xích lô đạp để kiếm sống qua ngày. Nhà bà cô chật chội, anh Năm theo bạn bè đến chùa Phở Minh, tọa lạc tại góc đường Cô Giang và Lâm Quang Ky, ngủ nhờ. Do đó, anh vô tình khám phá ra được xóm nhà sàn trên bãi biển, mà "xí" phần để cấm dùi.

Anh Năm, tuy thỉnh thoảng cũng mơ về thời quân ngũ hào hùng, nhưng thường thì anh an phận với kiếp sống lam lũ của mình. Dù gân cốt rã rời, mồ hôi nhễ nhại mà mang được tiền về cho vợ quý, con cưng là mãn nguyện lắm rồi. Vả chăng, bé Vân cũng đáng để mà cưng. Em ngoan ngoãn và biết thương yêu cha mẹ, tuy hơi nhõng nhẽo một chút. Đã 9 tuổi đầu, Vân vẫn thường chui rúc vào lòng mẹ, ỏng a ỏng ọ, nói đót nói đất, đòi mẹ ru cho ngủ. Một tay mẹ xoa đầu, tay khác vỗ mông nhè nhẹ, rồi cất tiếng ru à ơ..., ví dầu..., để cho Vân lim dim "mãn vụ" mẹ mà đi lạc vào giấc ngủ thần tiên. Sáng nào thức dậy, vừa trở mình "ư" một tiếng, thì đã có mẹ bên cạnh, tíu tíu nâng niu. Mẹ đỡ dậy, chải đầu, đánh răng, lau mặt. Đôi khi Vân còn trợn thượng, nằm thẳng cứng để mẹ thay quần áo thì con nhõng nhẽo mới đã nư. Vân mà đau một tí thì phải biết, Vân mặc sức làm tình làm tội mẹ. Vân rên nhè nhẹ để mẹ cuống quít lo âu. Vân vùng vằng không uống thuốc, không ăn cháo... để mẹ ỉ ôi năn nỉ. Có lần mẹ mắng: "Con gái hư quá!", nhưng Vân biết mẹ mắng yêu thôi. Mẹ chẳng bao giờ nghĩ là con mình hư, mà còn khuyến khích ngầm cho Vân nhõng nhẽo nữa kia. Thật ra, Vân biết nhõng nhẽo cũng hư chút chút, nhưng nhõng nhẽo thích thú lắm, Vân làm sao mà chừa được?

Với cha, dù biết được yêu thương đậm đà, Vân cũng không dám nhõng nhẽo quá mức. Ba trầm lặng quá, không nựng nịu, ôm hôn Vân chùn chụt như mẹ. Thương lắm, ba vuốt tóc Vân nhè nhẹ, rồi dúi cho con một đồng, để Vân chạy ù ra quán "chêc" Lũ mua bánh lố tai heo, bánh men, hay miếng Xoài, trái cóc. Đòi quà, đòi đồ chơi mà òn ỉ với ba thì chắc ăn. Ba không bao giờ từ chối. Mẹ có cần nhắc ba, thì ba cười dễ dãi: "Tội nó mà mình! Thôi cũng cho con mình nó có với người ta".

Ba thường cho rằng ba là Phật tử lâu năm, - ba đến chùa gọi xe lấy xe hàng ngày cả năm rồi -, nên ba cũng khuyến khích vợ con đi chùa cho có phước. Ba sắm cho mẹ một áo dài, Vân cũng có quần áo mới, để ăn mặc lành lặn khi lễ Phật. Phần ba, ba chỉ độc có quần "xà lòn" với chiếc áo nhà binh bạc màu, nhưng ba nói ba không cần đồ mới: "Tui vào chùa bằng cửa sau để bừa củi làm công quả, khi gọi xe và lấy xe thì trời đã tâm tời, thì cần gì quần áo lành lặn. Còn đạp xích lô mà bận quần áo tốt, thì thiên hạ chửi cho đó".

Chính vì thế mà ba không có quần dài để dự lễ quy y. Nhờ thầy chu đáo cho mượn bộ đồ lam ba mới đỡ lúng túng. Lễ quy y đó ảnh hưởng rất nhiều đến nếp sống của ba. Ba thường nhắc nhở lời thầy dạy về giới cấm uống rượu. Rượu làm cho con người mất tự chủ. Say sưa đâu còn biết đến chánh niệm, rồi thì giới nào cũng phạm được. Những thứ độc chất khác như xì ke, ma túy, cần xa..., tuy thời Phật tại thế chưa xảy ra để đặt giới luật ngăn cấm, nhưng những thứ này, cũng làm con người mất tự chủ, lạc lỏng chánh niệm, thì cũng phải chừa bỏ như là rượu. Thuốc lá thật ra không nguy hiểm, miễn là đừng để quá ghiền mà lãng quên chánh niệm thời thôi. Ba nói ba không hiểu chánh niệm là cái gì? Nhưng ba là Phật tử thuần thành, ba nghe lời thầy bỏ rượu, bỏ thuốc hút. Và chẳng, ba nói: "Thầy dạy thời giờ uống rượu, hút thuốc... là thời giờ lãng quên hiện tại, mà tui thì tui đâu muốn lãng quên con gái cưng của tui".

Tiền để dành được, do việc cai rượu và thuốc, ba "cát ca cát củm" mấy tháng trời, rồi đưa hết cho Vân và bảo: "Con đi cúng dường cho có phước". Biết ba "ăn gian", muốn dành hết phước cho con, chớ không giữ gì cho ba, Vân bỏ tiền vào thùng phước sương, rồi lâm râm khẩn vái: "Phật ơi! Tiền này là của ba con. Xin Phật ban phước cho ba. Kiếp sau ba có nghề nào khá khá một chút, chớ còn đạp xích lô hoài, khổ cực lắm...".

Ngày chúa nhật, Vân thường lân la đến chùa, len lén nhìn sinh hoạt Gia Đình Phật Tử. Những em bé trạc tuổi Vân, quần áo xinh xắn, ca hát, nhảy múa, nô đùa thật là vui. Vân thèm thuồng quá!

Một chị huynh trưởng, có lẽ thấy Vân mê mang, dờ dẩn, nên ngoắt lại, rồi mời mọc:

Em cưng! Em thích sinh hoạt không? Vào đây chơi vui chị. Em nhé!

Vân vừa e thẹn, vừa mừng rỡ, rụt rè đến bên chị. Sau buổi sinh hoạt sơ khởi, Vân tung tăng về nhà, reo vang:

Ba ơi! Nghe con hát nè:

"Xin ba má con chừa!
Con không dám vui đùa
Vớ những kẻ hư thân
Mà ba má hồng có ưa..."

Hay lắm! Hay lắm! – Ba vỗ tay – Ai dạy con đó?

Thưa ba chị Diệu Lý, đoàn trưởng Oanh Vũ dạy tụi con đó. Ba cho con gia nhập Oanh Vũ nghe ba?

Ừ! Tốt lắm!

Chị Diệu Lý nói con phải có đồng phục Oanh Vũ thì mới sinh hoạt được. Y□á lên tiếng – bỏ đồ đầm đó mặc lắm! Thôi tham gia Phật tử Phật tôn làm gì?

Chị Diệu Lý nói đồng phục rẻ rẻ hà! – Vân năn nỉ –
Rẻ với người ta kìa. Còn mình nghèo thì sắm sao cho nổi?

Thôi mà mình! – Ba ôn tồn – Tội nghiệp cho con! Nghèo thì cũng rán cho con có đồng phục như con người ta!"

Thời gian Oanh Vũ quả là thời gian thân tiên. Vân được các anh chị huynh trưởng thương yêu, chăm sóc, vừa được dạy dỗ giáo lý, vừa được hướng dẫn vui chơi. Anh chị lại hy sinh chăm sóc cả việc học hành, thi cử của các em. Nhờ thế, vừa học xong tiểu học năm 12 tuổi, Vân đã đỗ ngay vào trung học Nguyễn Trung Trực dễ dàng. Nổi mừng của ba thật bất tận. Ba khen, ba thưởng Vân đủ thứ. Tuy còn lâu mới tụ trường, ba đã mua sắm đầy đủ cho con: quần áo nữ sinh đồng phục, giày dép, tập vở, bút mực...

Vân lại được huynh trưởng cho chuyên lên ngành thiếu. Dĩ nhiên, ngành thiếu hấp dẫn vô cùng, Oanh Vũ nào mà lại không ước mơ.

Ba ơi! Ba ơi! Con được chuyển lên ngành thiếu rồi! – Tiếng của Vân mừng rơn làm ba vui lây. Ba phụ họa:

Con ba giỏi quá!

Thật ra, đủ tuổi thì chuyển ngành chớ con ba có giỏi gì đâu, nhưng Vân không dính chánh. Em sẽ gặn ba ông ọ:

Mờ! Con cần có áo dài đồng phục của ngành thiếu. Ba à!

Chuyện ấy dễ mà!

Bỗng nhiên Vân nhìn ba. Mấy thuở mà Vân có dịp nhìn ba thật kỹ đâu. Vân thấy ba độ rày đen và gầy gò quá. Thỉnh thoảng ba lại ho nữa. Vân thương quá, không muốn "vòi vĩnh" ba điều gì hết.

Mà thôi ba à! Chậm chậm lúc nào cũng được. Con mặc đồng phục Oanh Vũ đỡ vậy!

Tầm bậy! Con lớn rồi. Phải có áo dài chớ con!

Tuần sau, khi Vân hí hửng đến nhà chị thợ may trong xóm lấy áo lam về, thì thấy mẹ vừa tiễn anh Minh Tâm, Liên Đoàn Trưởng Gia Đình Phật Tử ra khỏi nhà. Mắt mẹ buồn hiu làm Vân cụt hứng không khoe được áo dài mới. Vân lại thắc mắc không biết đã có lầm lỗi điều gì, đề anh Minh Tâm đến gặp mẹ trách móc không? Vân lẩn xấn hỏi mẹ nhưng mẹ chỉ lắc đầu. Vân không hiểu biến cố nào đã khiến mẹ như kẻ mất hồn, mắt đăm đăm nhìn về biển khơi xa xôi mà nước mắt rung rung.

Tối đến, ba về nhà – Ba về trễ, thường thì Vân đã ngủ say, nhưng hôm đó bản khoăn về ưu tư của mẹ nên còn trần trọc -, có lẽ ba khám phá ngay sự khác lạ của mẹ:

Má nó có gì buồn vậy?

Im lặng.

Tui có làm điều gì bậy đâu? Sao má nó lại khóc? – Ba lo lắng bồn chồn-
Mấy tuần nay Ông mang về mấy lần 500 đồng. Tiền ở đâu mà có như vậy?

Tưởng chuyện gì! Tui nhận mỗi tháng rồi người ta trả trước vậy thôi! Tui có trộm cắp của ai mà má nó quính quáng vậy?

Tui hông tin

Tui thề đó!

Đừng có thề ầu! Tiền đó là tiền bán máu. Hồi chiều Bác sĩ Minh Tâm – anh Minh Tâm thật ra là cán sự y tế – ghé ch tui biết sự thật hết trơn rồi.

Ừ! Máu dư thì cho bớt chớ có nhằm nhò gì!

Nhằm lằm chớ. Bác sĩ nói lâu lâu cho máu một lần thì được, chớ bán máu hà rầm như Ông thì chết sớm. Mà! Tui không biết tại sao Ông làm như vậy chớ?

Thì tui cũng muốn má con bà, cũng có cái này, cái kia như vợ con người ta.

Tui hồng chịu! Tui hồng cho ông bán máu. Thiếu tiền thì rán tiện tặn, chớ tui nói thiệt. Nếu ông bán máu một lần nữa, thì tui cho con Vân nghỉ học, để hai má con tui đi ở đợ cho người ta...

Nói tâm bậy.

Ba chồm dậy la lớn. Rồi im lặng hồi lâu, mà vẫn nghe tiếng mẹ khóc thút thít, ba nhỏ giọng gượng gạo:

Ừ! Thì tui không bán máu nữa. Tiền tui đập xích lô cũng dư sức nuôi hai mẹ con bà mà...

Vân nằm yên, xoay mặt vào vách, nước mắt ràn rụa, mà vẫn gắng dần để khỏi bật thành tiếng nức nở, vì Vân nghĩ, nếu ba biết Vân nghe rõ mọi chuyện, ba sẽ khổ hơn nhiều.

Nhưng hàng năm, chùa Phở Minh tổ chức lễ Vu Lan thật long trọng. Với chủ đề "Một bông hồng cho mẹ", bài thuyết pháp của thầy thật hay, thật cảm động, làm cho nhiều người rơi nước mắt. Vân sung sướng đón cánh hoa hồng màu đỏ sẽ gắn lên ngực em. Em hãnh diện còn mẹ và được sống trong tình thương của mẹ. Bất ngờ, chị Diệu Lý vụng về đâm cây ghim vào ngón tay Vân. Vân đau nhói, khẽ kêu "ui da". Một giọt máu điểm trên chiếc áo dài lam làm Vân rùng mình, rờn óc. Vân chợt nhớ đến ba. Em tự hỏi ba đã đổ bao nhiêu giọt máu, bao nhiêu mồ hôi cho chiếc áo lam này, cho cuộc đời của em. Nước mắt Vân long tròng, làm cho chị Diệu Lý luống cuống, xuyết xoa xin lỗi.

Chị! Em không đau đâu! Em khóc vì nhớ ba thôi!

Vân áp úng rồi lẩn tránh ra cổng. Tình cờ, Vân thấy ba đứng bên cạnh chiếc xích lô gần đó. Ba chực chờ rước khách, vừa ngóng nghe thời pháp.

Ba ơi! Con đã có bông hồng cho má. Con muốn có một bông gì tượng trưng cho ba nữa!

Bông tượng trưng cho ba thì... ơ, ơ, bông bậy bạ gì chả được. Để ba tìm cho con.

Ba đến bồn bông trước cổng chùa, vừa định hái đóa bông "Tí Ngọ" thì dừng lại, - có lẽ ba thấy bông tí ngo tức bông mười giờ, chưa tối đã khép ngủ, sáng bết mới chịu nở ra, thật là nhàn nhã không hợp với ba - ba ngắt một cánh bông dứa màu đỏ, bông bình dị, dải dầu mưa nắng như cuộc đời của ba. Vân sung sướng đón bông dứa, trang trọng cài lên áo. Nhìn ba rồi nhìn cánh bông dứa mong manh, tự nhiên Vân cảm thấy sợ hãi bang quơ. Ba vô tình không biết, lên tiếng:

Thầy thuyết pháp về tình mẹ hay quá! Nghe lời thầy, con hãy về nhìn má con, rồi nói là con thương má thật nhiều....

Dạ! Con sẽ nói với má như vậy.

Rồi, Vân lặng yên nhìn ba thật kỹ, cảm thấy thương yêu dâng tràn. Em nhỏ nhẹ:

Ba ơi! Con muốn nói với ba điều này!

Gì đó con!

Ba có biết rằng con hãnh diện là con của ba, và con rất thương ba không?

Rồi Vân ôm chầm ba và khóc như mưa. Ba cũng ôm Vân và ba cũng khóc.

Những giọt nước mắt thương yêu của ba đã nhỏ ẩm trên bờ vai của em.

Lần lần, Vân hiểu Vu Lan là mùa báo hiếu cho cha và mẹ. Sau này, dù vị trí của người cha có bị ban tổ chức đại lễ lãng quên hay làm lu mờ, thì Vân vẫn nhớ đến cha. Em âm thầm cài cho em một bông dứa đỏ, bên cạnh bông hồng. Em hãnh diện về tình yêu thương của cha lẫn mẹ đã dành cho em.

Biến cố thương đau năm 1975 làm đảo lộn nếp sống bình thường. Thầy Phó Minh bị kiểm soát gắt gao, rồi bỗng nhiên mất tích. Anh Liên Đoàn Trưởng Minh Tâm đi học tập, rồi Gia Đình Phật tử tự đình chỉ sinh hoạt. Nhiều gia đình bè bạn đã tan nát thương đau. Giới xích lô nhất thời sinh sống được, nhưng cũng kiệt quệ dần. Qua năm sau, thì ba thất nghiệp, vì chủ xe xin lấy

xích lô lại để tự nuôi thân. Trong hoàn cảnh tuyệt vọng đó, thì anh Minh Tâm đi học tập về. Anh ra vốn cho ba đứng tên mua một chiếc tàu một bloc máy để đánh cá ven biển. Hoa lợi sẽ chia đều cho hai gia đình chung sống. Đó là loại tàu nhỏ không vượt biên được nên ít bị công an doom ngó, nhờ vậy, rất tiện để xử dụng như một thứ taxi, nhận người ở đất liền để chuyển giao ra tàu lớn giả dạng đánh cá ngoài khơi. Một tổ chức vượt biên móc nối thuê ba với điều kiện tiền bạc hậu hỷ, nhưng ba chọn giải pháp hợp tác miễn phí để đưa vợ con và gia đình anh Minh tâm cùng vượt biên.

Mọi việc đều diễn biến tốt đẹp. Chỉ với bốn ngày hành trình, chiếc tàu 72 người Việt tị nạn đã cập bean Trengganu, Mã Lai. Sau hai ngày chờ đợi, cả nhóm được di chuyển đến trại tị nạn chánh thức Pulau Besar. Hòn đảo Pulau Besar cách đất liền bằng một con rạch nhỏ, được Phủ Tị Nạn Liên Hiệp Quốc thường xuyên thăm viếng, nên việc quản trị rất thoải mái. Người du tiên, có thể sang ngay một chỗ cư trú, qua sông đi chợ hàng ngày, hay thuê taxi đến tỉnh lỵ chơi phung phí thỏa lòng. Kẻ nghèo thì phải chấp nhận vất vả. Khẩu phần ăn tuy được trợ cấp tạm đủ, nhưng chỗ ở, nhu cầu cần thiết khác thì phải tự lo liệu lấy. Do đó, để tránh cảnh tạm trú trong hội trường trống trải, anh Minh Tâm và ba, đã tức tốc vào rừng đốn cây, đốn lá để dựng hai cái lều nhỏ, rồi đến giương chông, bàn ghế thô sơ. Sau đó, ba lại đi làm công dựng nhà cho những kẻ khác, để có tiền sắm sửa vài bộ quần áo thay đổi cùng vài chi tiêu vặt cần thiết khác. Ba làm việc quá cần cù mẹ ngăn cản khuyên lơn ba nghỉ ngơi, thì ba than thở: "Không đạp xích lô, thì tui phải kiếm việc gì làm. Chớ ở không hoài, thì tui buồn không chịu nổi!"

Có lẽ ba buồn thật, ba thường lang thang một mình, thần thờ như kẻ mất hồn, rồi thỉnh thoảng lại chép miệng thở dài: "Không biết đến xứ người, làm sao tui nuôi nổi vợ con đây?". Chẳng biết có phải vì khí hậu, vì điều kiện vệ sinh hay vì buồn lo hành hạ, mà sức khỏe của ba ngày càng sa sút. Ở 273;áo mới 6 tháng, mà ba hom hem già đi hàng mười tuổi. Ba lại ho nữa. Ba ho từng cơn rũ rượi làm đau xoáy cả ruột gan Vân. Năm nỉ ba đi khám bệnh thì ba phản đối. Ba quả quyết ba vẫn khỏe mạnh. Cho đến một hôm, sau cơn ho dữ dội, ba ộc từng ngụm máu tươi, rồi ngất xỉu. Ba được đưa đến bệnh viện Trengganu điều trị. Bệnh viện cho biết ba bị lao phổi đến thời kỳ thứ ba, nhưng họ chỉ có thể cho nằm bệnh viện 2 tuần, rồi cung cấp thuốc để về đảo tự tịnh dưỡng. Bệnh nặng, mà điều kiện sinh sống ở trại lại khắc nghiệt, cực khổ thì sức khỏe thật khó lòng khôi phục.

Trại tị nạn ngày càng đông dân số, vì người đi định cư thì ít, mà số vượt biên lại quá nhiều. Khi nhân số của trại tăng lên đến năm ngàn người, thì trại

không nhận người mới vì sẽ đóng cửa. Để giải quyết tình trạng đó, chánh quyền Mã Lai khuyến khích các phái đoàn quốc gia đệ tam đến trại phòng vấn và nhận cho định cư hàng loạt. Những gia đình khác vượt biên chung tàu, đều đã được tuyên thệ, nhưng không biết nguyên nhân gì, mà gia đình Vân, một gia đình thương binh thuộc thành phần ưu tiên, thì không phái đoàn nào hỏi han đến. Mới đây, phái đoàn Hoa Kỳ, tuyên bố chấp nhận tất cả những dân tị nạn vượt biên đến trước ngày 31-12-78, nhưng gia đình Vân lại cũng bị bỏ rơi. Vân khiếu nại và chứng minh mình đã đến trước thời điểm đó hằng 6 tháng, thì họ trả lời có lẽ hồ sơ bị thất lạc, nên sẽ cứu xét sau.

Từ lâu, dân trại xầm xì rằng bệnh tình của ba là nguyên nhân để các nước tránh né. Ai mà lại mang con bệnh về để lay cho dân họ. Luận điệu đó ngày càng có người phụ họa, để bàn tán xôn xao. Vân lo ngại điều đó sẽ lọt tai ba, khiến ba thêm khổ sở. Nhưng tránh né thế nào cũng có lúc ba nghe. Ba buồn rầu héo hắt. Ba than vắn thở dài "Tui mà chết, chắc vợ con tui mới hết khổ". Vân bụm miệng ba khóc lóc năn nỉ: "Ba phải sống với con! Ba ơi!".

Rồi đến lượt gia đình anh Minh Tâm đi định cư. Đưa tiễn anh rời trại, Vân cảm thấy bồi rối nôn nao. Em vừa buồn xa một người anh cả bao che, chăm sóc, vừa phân vân cho tương lai vô vọng của mình. Anh Minh Tâm kéo Vân đứng riêng một góc để dặn dò:

Vân à! Em có biết rằng ba em đã thường bán máu để lo cho gia đình không?

Dạ biết! Nhờ anh thông báo nên má em mới ngăn chặn ông được.

Em lầm rồi! Ba em vẫn tiếp tục không kể đến thân mạng của ông. Nhưng ông năn nỉ anh dẫu điếm dùm, vì nếu không lo được cho vợ con thì ông cũng sẽ tự tử cho rồi!"

Anh Minh Tâm đi rồi mà Vân vẫn còn ngồi khóc một mình. Thương ba vô vàn, mà không có phương cách nào giúp cho ba vơi khổ, giúp cho ba hết bệnh. Gần đây, ba thường dặn dò Vân thương mẹ và lo lắng cho mẹ. Thì ra, ba đã nghĩ đến giải pháp biệt ly. Vân thảm nhủ: "Ba ơi! Con sẽ ở cạnh ba hoài. Không đi định cư một mình đâu?"

Vân có ý định bày tỏ cho ba hiểu rõ lòng mình, nhưng suy nghĩ hoài Vân vẫn thấy khó mở lời. Vân ngần ngại không dám nhắc đến những chữ: bệnh hoạn, định cư, phái đoàn..., mà phản ứng gọi cho ba niềm khổ sầu bất tận. Vì vậy, mà Vân trần trọc, giắt ngủ đến thật chậm và thật nặng nề.

Khi Vân thức giấc thì trời đã sáng. Cảnh trầm lặng của trại, bỗng bị phá tan bởi những tiếng ồn ào, tiếng người chạy rầm rộ. Có tiếng ai la lớn: "Trời ơi! Có người treo cổ trong rừng! Ghê quá!". Bỗng nhiên Vân linh cảm nạn nhân là ba: em phóng chạy theo những kẻ hiếu kỳ, chạy như điên không kể gì đến gai góc gạch nát mặt mày, tay chân em. Rõ ràng là ba. Ba treo tòn ten trên nhánh cây, chết thật là thê thảm. Trên ngực ba, ba ghim lá đơn thỉnh nguyện cho vợ con một chỗ dung thân. Tờ giấy phẳng phất như một bản án tử hình dành cho kẻ phạm trọng tội: "Tôi thương vợ con".

Không bao lâu thì Vân và mẹ được định cư ở Hoa Kỳ. Phải mất vài năm để ổn định cuộc sống, bây giờ, thì Vân đã trưởng thành, có nghề nghiệp vững chắc, tự tin và yêu đời. Giống như những con chim lẻ bạn, rồi cũng tìm về quây quần bên nhau. Vân bắt đầu thăm dò những tổ chức Gia Đình Phật Tử để về sinh hoạt. Nghiệp trường cũng đeo đuổi anh Minh Tâm. Anh đã hao tốn bao tâm huyết để khởi xướng và xây dựng được một Gia Đình Phật Tử hùng mạnh tại một ngôi chùa Việt Nam ở Los Angeles. Nghe tin, Vân vội vã đưa mẹ đến tìm anh. Tình cờ, Vân đã đến chùa đúng vào đại lễ VU LAN. Lễ Vu Lan tổ chức thật long trọng và thật cảm động, với những biểu ngữ, những bài pháp, những hình ảnh, tô đậm tình mẹ. Vân sung sướng đón nhận bông hồng màu đỏ, sung sướng còn mẹ và được sống trong tình thương bao la của mẹ. Bất chợt Vân nhớ đến người cha bất hạnh, nàng ngậm ngùi ước ao có một đoá bông dứa màu trắng cho người. Vân lặng lẽ đến các bồn hoa trong khuôn viên chùa lục tìm. Nàng chỉ thấy nơi này toàn là những loài hoa quyền quý, cao sang, chớ đâu có các loài hoa bình dị, quê mùa, mộc mạc, nôm na... như bông dứa, như móng tay, sao nhái, mồng gà của xứ mình.

Trong làn nước mắt nhạt nhòa, Vân bỗng thấy bóng cha lơ mờ trong bộ y phục phụ xích lô cũ kỹ. Nàng thổn thứ lặp lại lời đối thoại 7 năm về trước: "Ba ơi! Con muốn có một bông gì tượng trưng cho ba đó". Ba nàng cúi xuống, ngắt một cánh bông dứa màu trắng trao cho nàng. Đoá bông mảnh khảnh mong manh quá, nàng chưa kịp cài lên áo, thì đã vỡ tan theo ảo ảnh cha nàng.

Tháng 7, 1988

---o0o---

THÀNH TOÀN

Sinh trưởng trong một gia đình trung nông tâm thường, đời đời lam lũ với rầy bái ruộng nương, Phan Thế Vinh vốn không có tham vọng tiến thân bằng nghiệp văn chương khoa cử. Do hoàn cảnh côi cút, kế mẩu quá khắc khe, nên để tránh chuyện gia đình lục đục khó xử, người cha mượn cố học hành, để tống con đến nhà người cậu họ tên Tú Kiệt, để mà tị nạn. Tui thân phận, Thế Vinh tận tâm học hành. Nhờ chuyên cần, nhất là nhờ thông minh thiên phú, Vinh tiến bộ vượt bậc, nổi danh là bậc văn tài xuất chúng. Tú Kiệt thương mến tài năng, đích thân đưa chàng đến gặp cụ Nghè Đồ Bàng, để nhờ cụ Nghè thâm nhận dạy dỗ, hầu tài năng của chàng phát có cơ hội phát triển sâu rộng hơn. Cụ Đồ Bàng nguyên là vị Hàng Lâm Đại-học-sĩ tại đất Thần Kinh, công danh đang thời rực rỡ bỗng được tin hiền mẩu qua đời phải từ quan để cư tang. Chẳng bao lâu, người vợ yêu lại bạo bệnh từ trần. Biến cố dồn dập khiến cụ Nghè yếm thế, chẳng màng đến công danh sự nghiệp, quyết tâm sống đạm bạc chôn quê mùa, lấy việc trao truyền chữ nghĩa thánh hiền cho thế hệ mai hậu để làm niềm vui. Thế Vinh sớm được cụ Nghè coi là bảo đồ, vì chàng ưu tú cả tài năng lẫn đức hạnh, nên có hoài vọng đào tạo người học trò thành một nhân tài hiếm có cho đất nước. Đáp lại, Vinh luôn luôn chứng tỏ là một người học trò xứng đáng, tôn kính và hiếu dưỡng thầy như từ phụ. Cụ Nghè chỉ có một cô con gái tên Quyên Quyên. Ngày Thế Vinh mới đến nhập học, Quyên Quyên còn bé bỏng cỡ tuổi 12, đối với bọn học trò lớn, vẫn thường ngây thơ vòi vĩnh để được chiều chuộng đưa đi dạo quanh vườn, rồi đòi hoa, đòi bướm. Vào học, Quyên Quyên cũng ngồi cạnh Vinh, nên hai người đã có cảm tình sâu đậm, dù mức độ giao tiếp cứ giảm dần khi Quyên Quyên đến tuổi dậy thì. Chỉ mấy năm sau, Quyên Quyên biến thành một thiếu nữ yêu kiều, nét na thùy mị, công dung ngôn hạnh vẹn toàn. Thế Vinh thâm yêu Quyên Quyên tự bao giờ, nên mỗi khi nghe phong thanh có gia đình trâm anh thế phiệt nào nhờ mai mối xin cưới nàng, thì Vinh đau khổ bỏ ăn, bỏ ngủ, ngớ ngẩn như kẻ điên khùng. Rồi cho đến khi được tin cụ Nghè khước từ họ, thì chàng lại phơi phới hân hoan nghĩ rằng cụ Nghè đã thâm dành Quyên Quyên cho chàng: cụ thương và hiểu rõ tài năng và tính tình trò. Thế là Vinh chỉ cần cố gắng học, chờ ngày đoạt bằng vàng rồi sẽ vầy duyên cùng người đẹp.

Chễm chệ trên kiệu tân khoa vinh quy bái tổ, Phan Thế Vinh rộn ràng về vời mộng đẹp. Có tiếng hò lơ ám áp của ai trên cánh đồng ruộng lúa:

Hồ.... ơ! Chim Quyên ăn trái nhãn lồng

Hồ.... ơ! Thia lia quen chậu, vợ chồng quen hơi.

Làm Thế Vinh càng mơ về Quyên Quyên. Chàng thì thầm một mình: "Quyên ơi! Mình chưa là vợ chồng, mà sao anh nhớ nhung tha thiết mùi con gái đang xuân, mùi trinh nữ ngọt ngào của em quá đi!"

Vừa đến ranh giới làng Chú Tượng, huyện Mộ Đức, Thế Vinh ra lệnh cho phu kiệu dừng lại. Chàng trút bỏ bộ phẩm phục, thay bộ quần áo thô thư sinh tầm thường cũ kỹ, một mình đi bộ đến nhà thầy. Thế Vinh muốn về nhà thầy với tư cách là một người học trò hiếu kính, chớ không xênh xang áo mũ tân khoa, giảm đức độ khiêm cung của kẻ sĩ.

Dù nóng lòng gặp thầy và Quyên Quyên, Thế Vinh cũng đành phải ghé lại căn nhà ngoài, gian nhà dành cho các người học trò xa nhà ở trọ, để thăm hỏi các bạn học hỏng thi. Gian nhà trống trải làm Vinh ngạc nhiên tột độ. Thông thường, ngay cả Tết Nguyên Đán, học trò vẫn luân phiên cử người trực tại trường để chăm sóc thầy. Vinh cuống quýt bước về gian nhà chính. Ngôi nhà cũng vắng tanh. Vinh hồi hộp chạy vòng ra sau nhà bếp. Chàng mừng rú lên khi đi tìm thấy dì Tư đang lúi cúi chăm sóc mấy nọc trà. Tìm hiểu nguyên nhân về sự vắng mặt của thầy, Vinh rụng rời vỡ mộng. Cụ Nghè Đỗ Bảng và Quyên Quyên đồng xuất gia tại chùa Thiên Ân. Cụ Nghè đã phát nguyện xuất gia từ lâu, nhưng lần lựa chờ ngày cô con gái thành gia thất. Không ngờ Quyên Quyên thường theo cha lễ Phật nên cũng tiêm nhiễm hương vị giải thoát, và cương quyết chọn con đường tu hành. Mọi việc đều được chuẩn bị sẵn sàng cả năm rồi, nhưng cụ Nghè nghĩ thương đám học trò, nên tạm hoãn chờ ngày học trò lên đường đi thi mới lên chùa thế phát.

Thế Vinh lừng khừng trở ra, lòng rối ren áo não. Trước sân, hoa phượng vĩ vẫn rực rỡ như ngày nào, mà giờ đây, nàng đã không còn nữa? Bất chợt, Thế Vinh cảm thấy lân mẫn với nhà thơ Thôi Hộ đời Đường. Chàng ngâm nga bài thơ ứng khẩu theo thi tứ người xưa:

Ngày xưa cũng ở chốn này,

Em cùng hoa phượng, hây hây má hồng.

Bây giờ em ở cửa "không",

Nhìn hoa cợt gió, chạnh lòng nhớ thương. (1)

Nhớ lại tình sử Thôi Hộ, bỗng Vinh thoáng thấy có tia hy vọng nhen nhúm trong lòng. Ngày xưa, khi Thôi Hộ chỉ thấy còn có hoa đào cợt gió đông mà không thấy người đẹp, bèn đề thơ bên cửa. Người con gái trở về, nhìn thơ mà tương tư chàng thi sĩ, nên ngày càng sầu héo. Đến khi Thôi Hộ hay tin tìm đến, thì nàng đang cơn hấp hối vô vọng. Thế nhưng những giọt nước mắt của Thôi Hộ đã làm cho người đẹp hồi sinh. Vinh nghĩ, chàng sẽ tìm cho gặp Quyên Quyên. Rồi biết đâu những giọt nước mắt của chàng sẽ khiến cho Quyên Quyên cởi bộ áo nâu sòng hoàn tục. Đó là lối thoát lý tưởng mà Vinh cố bám víu vào để hy vọng.

Thiên Ân tự (2) là một ngôi chùa cổ kính do sơ tổ Pháp Hoa tạo dựng trên đỉnh núi Thiên Ân, xã Niêm Hà, Quảng Ngãi. Trái núi hình dáng vuông vắn xinh xinh như một dấu ấn, ấn trời-, phong cảnh thật cô liêu và trang nhã. Thế nhưng Vinh đâu còn tâm trí nào để ngoạn cảnh, chàng hấp tấp leo trèo cho mau đến đỉnh núi. Mệt nhọc quá! Vừa gạt mồ hôi nhễ nhại, Vinh vừa rửa thắm mấy ông sư bà vải bày chi trò tu hành mê tín để quyến rũ Quyên Quyên, làm khổ thân chàng.

Lên chùa, Vinh mới biết ni chúng cư trú ở một am riêng biệt gần đó, do sư bà Khánh Hỷ hướng dẫn tu học. Ni viện có truyền thống không tiếp khách thập phương. Du khách chỉ có thể liên lạc với ngôi chùa chính. Thầy tri khách, thiền sư Bảo Ân tiếp kiến Vinh, hỏi nguyên do chuyến viếng thăm. Vinh ú ớ không biết phải trả lời sao cho phải. Giữa chàng và Quyên Quyên chẳng có chút giây liên hệ, còn mối tình cũng chỉ đơn phương dấu kín trong lòng, chàng khó viện lý do xin gặp mặt. Tuy nhiên, có lẽ nhờ thầy tri khách ôn hòa thông cảm, nên Vinh lần lần bộc lộ được nỗi lòng. Trút được uẩn khúc, Vinh khóc như mưa, để van xin thầy tri khách chuyển lời đến Quyên Quyên sao cho nàng thấu hiểu thâm tình của chàng. Không ngờ Quyên Quyên lòng dạ sắt đá không cho chàng gặp mặt, chỉ nhờ thầy tri khách nhắn lại: " Sa di ni Bảo Tường, - pháp danh của Quyên Quyên -, quyết tâm tu hành nên không tiện gặp người đời bàn bạc chuyện thế gian phiền não nữa..."

Thế Vinh chẳng chịu thua, cứ năn nỉ xin được gặp Quyên Quyên một lần rồi vĩnh viễn không trở lại. Trước thái độ si tình khổ sở của Vinh, thầy tri khách siêu lòng, đồng ý thuyết phục dùm Quyên Quyên lần nữa. Lần này ni cô dứt khoát cho biết, ngày lễ xuất gia, ni cô đã phát nguyện trước Tam Bảo, là trong đời sẽ chỉ nghe và luận bàn Phật Pháp, nên rất tiếc không thể hầu chuyện với kẻ thế gian, trừ khi gặp người am hiểu Phật Pháp để bàn luận về Phật Pháp mà thôi.

Thế Vinh buồn bã lủi thủi lui gót, nhưng chưa ra khỏi cửa chàng đã quay trở lại. Vinh nghĩ học Phật đối với chàng không khó. Chàng phải hội đủ điều kiện tiên quyết này để đối diện được với Quyên Quyên, rồi sau đó, nhân việc bàn luận đạo, sẽ vạch trần những điều mê tín và sai lầm hầu thuyết phục nàng hoàn tục.

Vinh yêu cầu thầy tri khách hướng dẫn chàng học Phật. Sư Bảo Ân là vị tăng sĩ học vấn uyên bác nên đàm luận với kẻ thông tuệ như Vinh rất tương đắc. Thầy tri khách trình bày cho Vinh những điểm đại cương, rồi trao cho Vinh Kinh Luận từ thấp đến cao để tự nghiên ngẫm. Nhờ học Phật có phương pháp, Vinh am hiểu Phật giáo thật căn bản, từ đó, quan niệm của Vinh thay đổi hẳn. Thái độ khinh thường chê bai Phật giáo nhường chỗ cho sự kính phục và nghiêm túc học hỏi. Nghiên cứu đến kinh Lăng Nghiêm, Vinh lại ngạc nhiên đến tột độ. Kinh bao trùm những nghĩa lý huyền bí cao diệu, văn pháp lưu loát, lý luận vững mạnh, khí thế hùng tráng...không thể tưởng tượng nổi. Đến phần Phật giảng về Chân tâm và vọng tâm, bất thành linh, Vinh thấy có ánh sáng tràn ngập cả châu thân. Một niềm vui cao tột, lạ lùng khó tả làm thay đổi toàn vẹn con người của chàng. Chàng khám phá được rằng cái sở học trần tục bấy lâu nay chàng tự hào, chỉ là mớ kiến thức hạn hẹp lẫn lộn chạy theo vọng tâm nông cạn. Rồi chàng đồng mãnh PHẬT BỒ ĐỀ TÂM, quyết học theo hạnh làm PHẬT, để trở về cõi chân tâm diệu minh thường hằng.

Mối sầu tình giảng giảng bỗng dung nhẹ hẳn ra. Vinh cảm tạ thầy Bảo Ân, và dù trong đáy lòng sâu kín Vinh vẫn mong mỗi nhìn Quyên Quyên lần chót nhưng chàng tự nghĩ mình đã hiểu đạo thì còn chạy theo giả cảnh chi nữa, nên dứt khoát rời bước.

Thế Vinh trở lên Phú Xuân(3) để phụng mệnh Chúa. Dù biết mình là kẻ mới đỗ đạt, vừa nhậm chức nếu từ quan ngay thì có thể bị gán tội khinh xuất mệnh Chúa, nhưng chí xuất gia đồng mãnh giúp Thế Vinh can đảm xin Chúa khoan hồng. Chúa Nguyễn Phúc Khoát (4) là vị Chúa nhân từ, lại hâm mộ Phật giáo từ thuở nhỏ. Ngài từng ước mong xuất gia nhưng vì nghiệp Chúa ngăn trở không thi hành được, nên chẳng những thông cảm mà còn khuyến khích Thế Vinh theo đuổi lý tưởng xuất gia đầu Phật. Thương chàng tiến sĩ trẻ tuổi mà có đạo tâm, Chúa nhận Thế Vinh làm dưỡng tử, đích thân gởi chàng đến Ôn Minh Giác, chùa Linh Mục (5) để nhờ thu nhận.

Về trụ trì chùa Kim Quang chưa đầy ba năm, đại sư Trí Thông, pháp hiệu của Phan Thế Vinh, đã nổi tiếng là bậc tam tạng pháp sư uyên bác nhất tại sứ

đàng trong. Đại sư đã sẵn có thanh thế lớn: Đệ tử ruột của Quốc sư và là dưỡng tử của Chúa Nguyễn đương thời. Đại sư nguyên là vị tiến sĩ tài ba, hùng biện, khéo léo, và giỏi tổ chức, nên đã biến ngôi chùa khiêm tốn trước kia, thành một tự viện nguy nga hùng vĩ nhất tại đất thần kinh. Thật ra khi đại sư được chúa yêu quý, thì quan quyền các giới cũng nối đuôi nhau " mộ đạo". Các bậc giàu sang đánh hơi được cũng ùng ùng quy y để có chỗ nương tựa. Rồi sau đó, giới bình dân cũng cuồn cuộn nhiệt thu hút đến. Dân chúng quy về đông đảo thì Chúa và quan quyền càng nể trọng sư, mà chánh quyền càng nể trọng, thì dân chúng lại càng đổ xô về nhiều hơn nữa. Cứ thế mà oai danh của đại sư Trí Thông lên ngàn ngút. Ngôi tự viện, do đó, được khuyếch trương vĩ đại là lẽ đương nhiên.

Vừa qua khỏi cổng tam quan, khách đã thấy hiện rõ hàng chữ " Sắc tứ Kim Quang Tự" trên bảng đồng chạm nổi thật đẹp. Trước sân chùa, vườn cây kiểng vô giá, gồm những cây cổ thụ con con cắt tia công phu, nép mình trong những chậu kiêu cô xưa. Thế giới được thu nhỏ lại, với hòn non bộ xinh xinh, phản ảnh đầy đủ cảnh núi non, rừng rú, biển khơi...đầy thơ mộng. Trong chùa, kèo cột toàn dùng những loài danh mộc, chạm trổ công phu, từng viên đá, từng viên gạch, từng vật dụng chung bày đều được đích thân đại sư chọn lựa sưu tầm. Có thứ phải đặt mua từ Trung Quốc, có thứ do bàn tay thợ khéo nhất nước hoàn thành. Đây là chuông vàng, khánh bạc, kia là lọ lục bình cổ đời Đường, chậu cắm nhang đời Tống...Đặc biệt nhất là tượng Phật điêu khắc linh động, biểu lộ nét trang nghiêm mà siêu thoát. Tượng Phật tuy rộng ruột nhưng lớn bằng người thật, đúc bằng sáu ngàn lượng vàng y, tạo dựng được hoàn toàn do tài ba của đại sư. Dĩ nhiên đại sư cũng tự hào và quý tượng Phật vàng vô cùng, nhất là, chính vì công nghiệp tạo tượng này, mà đại sư suýt phải bỏ mạng. Nguyên khi đại sư quyên góp gần đủ số vàng cần thiết, thì được một đại thí chủ thỉnh về Quảng Nam dâng đàn thuyết pháp. Chuyến hoằng pháp đó thành công rực rỡ. Đại sư lạc quyên thêm trên một ngàn lượng vàng nữa. Trên đường về, đại sư và người đệ tử nhỏ, chú Quảng Long, bị bọn cướp đón đường tại đèo Hải Vân làm dữ để đoạt vàng. Bọn cướp không ngờ đại sư đã cẩn thận thuê bảo tiêu chở vàng về Phú Xuân bằng đường thủy. Lỡ bộ, bọn cướp đành giữ người đệ tử làm con tin, thả đại sư về với điều kiện mang một ngàn lượng vàng chuộc mạng đệ tử. Về đến Phú Xuân, đại sư ngần ngừ không biết giải quyết sao cho phải. Vàng do Phật tử cúng dường đúc tượng Phật, đại sư không thể tự chuyên xử dụng, nhất là, ngày khởi công đúc tượng đã gần kề, không thể đình hoãn được. Rồi thì tin tức về bọn cướp cũng đến tai Chúa Nguyễn. Chúa ra lệnh cho quan quân tức thời tiêu diệt chúng. Bọn cướp tan rã dễ dàng, nhưng trước khi sa cơ, chúng nổi cơn hạ sát chú Quảng Long để trả

thù. Thương đê tử, thì đại sư chỉ có còn một phương cách là mang xác về chôn cất và cầu siêu mà thôi.

Vùng đất ven biển chạy dài theo dải Trường Sơn, đất đai đã cằn cỗi, mà nạn lụt lội thường xảy ra. Mùa đông năm Canh Thìn, cơn bão dữ dội lại tàn phá vùng ven biển. Trung tâm bão hướng về Quảng Nam, song Thuận Hóa vẫn bị ảnh hưởng, dù tương đối nhẹ hơn. Tuy nhiên, tại Phú Xuân, mưa vẫn dầm dề không ngớt và gió thì gào thét ghê rợn, nước tràn ngập cuốn phăng hoa màu, nhà cửa đồng bào. Nạn nhân: kẻ chết, người sống trong cảnh màn trời chiếu đất, cũng không phải là ít. Nạn đói rồi chắc chắn sẽ xảy ra.

Kim Quang Tự, tuy rất an toàn vì xây dựng trên nền móng vững chắc, nhưng đại sư Trí Thông vẫn trần trọc không yên. Đại sư đích thân đôn đốc tăng chúng chia phiên nhau canh giữ, đề phòng mọi bất trắc. Sau mấy ngày nổi cơn thịnh nộ, gió dịu dần rồi hết hẳn. Nhìn ngôi chùa nguyên vẹn khang trang vươn mình đón ánh nắng ban mai, đại sư Trí Thông cảm thấy sung sướng làm sao. Giờ thì đại sư có thể yên tâm soạn thảo chương trình Phật sự quy mô sắp tới. Người thị giả bỗng gõ cửa báo tin có ni cô Bảo Tường, xin diện kiến. Đang bận rộn, không muốn mất thì giờ vô ích, đại sư dự định từ chối, nhưng nghe pháp danh quen quen, nên đại sư ra lệnh mời vào.

Vừa thoáng thấy ni cô, đại sư bỗng giật mình sửng sốt. Ni cô chính là Quyên Quyên ngày trước. Xa nhau đã hơn tám năm, ni cô độ chừng 25 tuổi, tuổi này nở toàn vẹn, nên tuy vận áo nâu sòng mà vẻ đẹp lại rực rỡ hơn xưa. Mọi tình sâu đậm vùi chôn trong đồng tro tàn dĩ vãng, bỗng dung bùng dậy mãnh liệt. Đại sư ấp úng:

- Quyên Quyên ! Quyên Quyên !

- Tiểu ni pháp danh Bảo Tường. Xin kính chào đại sư tiến sĩ !

Trí Thông lấy lại được bình tĩnh, sư mỉm cười hân hoan:

- Thôi mà cô Bảo Tường ! Danh vị tiến sĩ hư ảo kia mà cô vẫn còn nhớ hay sao ?

- Dĩ nhiên là phải nhớ ! Thầy tri khách đã căn dặn phải tôn xưng đại danh là " tiến sĩ đại sư" thì mới được tiếp kiến.

Lời nói thẳng thắn của sư cô làm sư Trí Thông đỏ mặt. Thật ra, khi phát nguyện xuất gia, đại sư đã khinh thị danh hiệu hư vị tiến sĩ hư ảo như cỏ

rác. Thế nhưng, người đời lại coi hành vi buông bỏ công danh là trọng, nên thường nhắc nhở tán tụng. Đại sư ngăn cản thế nào cũng không chấm dứt được. Đến khi có người đệ tử thương thầy quá, tán tụng thầy là vị tiền sĩ đại sư, thì mọi người toa rập nhau gọi theo. Lúc đầu, đại sư cũng hơi khó chịu, nhưng nghe mãi quen dần thì đâm ra ưa thích. Bây giờ, nếu có người nào thưa hỏi mà thiếu danh vị tiền sĩ, thì đại sư không mấy hài lòng. Bọn đệ tử biết bụng dạ thầy, dạn dò khách rập khuôn theo mà nịnh bợ. Sự kiện đó, đến nay đại sư mới hiểu rõ, nên có phần xấu hổ. Đại sư đành phải làm lơ, hướng câu chuyện sang đề tài tương lai đạo pháp và xây dựng tự viện, mà quên lửng không hỏi lý do viếng thăm của ni cô. Ni cô chính là nguyên nhân đã khiến đại sư phát đại nguyện xuất gia, ngày nay, ni cô hiện diện đúng lúc để chứng kiến thành công vượt bậc của sư, nên sư cao hứng thao thao bất tuyệt. Sư hướng dẫn ni cô đi xem chùa, giải thích cặn kẽ từng khía cạnh đặc thù của lễ lối kiến trúc, nét sắc sảo điêu khắc, trị giá của các chậu, bình...cô kính. Sau cùng, đại sư hãnh diện trình bày công trình to lớn để hoàn thành việc đúc pho tượng Phật bằng vàng y, trị giá trên sáu ngàn lượng.

Bây giờ, ni cô mới điềm đạm lên tiếng :

-Thưa đại sư ! Tiểu ni đến đây vì có tâm nguyện mong cầu đại sư giúp đỡ...

- Ni cô yên tâm. Chuyện khó khăn thế nào, thì ta cũng làm sao cho sư cô vui lòng.

-Không dám ! Thưa đại sư ! Bão lụt phá hoại mùa màng. Dân chúng đói rách rất là khổ sở. Tiểu ni kính xin đại sư mở lượng từ bi đóng góp phần nào cho quỹ cứu trợ...

- Ta sẽ kêu gọi Phật tử bản tự góp công sức vào việc phước thiện đó !

- Thưa đại sư ! Việc lạc quyền trong lúc này tiến hành rất chậm. Dám nào ! Xin đại sư đổi tượng Phật thành sáu ngàn lượng vàng để đem đi cứu đói, thì công đức thật vô lượng !

- Ôi ! Sao ni cô lại bạo gan xúi giục ta làm việc phạm thượng tội lỗi, là bán tượng Phật như vậy ?

-Tượng Phật chỉ có tính cách tượng trưng, thì tượng đá, cây hay vàng đều giá trị như nhau. Và chẳng, tâm nguyện của chư Phật là đại từ bi cứu khổ chúng sanh, nếu đại sư đổi tượng thành thực phẩm cứu trợ dân, tức là hành

theo tâm nguyện của chư Phật. Tiểu ni không có điều gì gọi là phạm thượng cả.

Đề nghị lạ lùng của ni cô làm sư Trí Thông ngớ ngẩn. Cả đời đại sư, đại sư đã tận lực lo cho chùa, lo đúc tượng Phật vàng đỏ. Đại sư thương từng viên gạch, từng viên đá, từng cái kèo, cái cột..., không bao giờ có ý nghĩ là sẽ xa rời, sẽ mất mát..., hướng chỉ là có ý nghĩ bán pho tượng bảo vật, càng suy nghĩ, sư càng thấy thương yêu không rời bỏ được. Tượng Phật đó đại sư coi như hơi thở, như mạng sống của mình... nên đại sư phải tận lực bảo vệ. Cho nên, dù là nàng, là Quyên Quyên, mà tình yêu vẫn vương vẫn khôn nguôi, đại sư vẫn không đánh đổi pho tượng được. Đại sư cất tiếng la, thảng thốt như tiếng hét thất thanh của người chết đuối:

- Không! Không thể nào được !

- Tiểu ni hiểu là đại sư đã dính mắc sâu đậm ngôi chùa này, với tượng Phật này, không thể nào xả bỏ được. Giờ này! Dầu đúc Phật Di Đà có đích thân đón rước đại sư về cõi Tây Phương Cực Lạc, chắc đại sư cũng từ chối. Đại sư nhất quyết ở lại để ôm giữ ngôi chùa và pho tượng mà thôi.

Giọng nói của ni cô Bảo Tường nhỏ nhẹ, mà đại sư nghe như tiếng găm thét bên tai. Đại sư lặng người thấy ni cô từ giã ra đi, mà không biết dùng lời lẽ gì để cầm khách lại. Sư lầm bầm một mình: " Có thật là mình đã tham nhiễm, quyến luyến như vậy sao? Mình đã bám víu an hưởng cái CÓ hơi hột như kẻ thế tục chẳng?". Có tiếng thần lẫn não nuốt chắc lưỡi làm đại sư rùng mình. Nỗi sợ hãi mông mênh xâm chiếm. Đại sư lại nghĩ: " Mình tham đắm chẳng rời, nếu chết lúc này, thì chắc không thể nào siêu thoát được, bất quá, cũng như con thần lẫn kia, bò lang thang quanh chùa, nhìn từng viên gạch, từng viên đá... để mà chắc lưỡi tiếc thương...".

Cảm thấy muôn vàn hồ thẹn, đại sư vào tầng phòng đóng kín cửa để tự quán sát sự diễn biến của tâm mình trong thời gian gần đây.

Ngày sư được Chúa thượng vời về Kim Quang tự, tâm của sư trong trắng, luôn luôn tâm niệm trau dồi đức hạnh để hoằng dương Phật Pháp. Sư được Chúa thương yêu, rồi bao kẻ đua nhau chạy theo nịnh bợ tăng bốc thổi phồng sư lên mây. Lúc đầu, sư dè dặt không để những lời thuận tai đó vào tâm, nhưng lần lần sư bị sa lầy. Sư tin tưởng sư chính là bậc tu hành đạo cao đức trọng, một " đệ nhất danh tăng" kim cổ nước Việt. Từ đó, sự cuồng ngạo mông niệm một kế hoạch tái thiết Kim Quang tự thành ngôi đệ nhất tự viện tại xứ đàng trong (6). Thế rồi, sư lẫn quẩn trong đầu ý nghĩ kiếm tiền,

gom góp cho thật nhiều tiền. Sư nhìn ai, nhìn vấn đề gì, cũng chỉ thấy khía cạnh tiền. Sư đánh giá Phật tử, kính trọng, ghét bỏ cũng trên căn bản đó. Đôi khi, nếu phải xử dụng mảnh khóe hay lợi dụng chút y quyền của Chúa, để có tiền lo cho chùa, thì sư cũng không từ nan. Sư vẫn thuyết pháp, vẫn dạy đạo...để ai tu thời tu, còn phần sư, dường như...sư không tu. Sư chỉ coi đó là một bình phong để thu góp tiền cho chùa. Thế thôi.

Trời bắt đầu tối hẳn. Sư lên ra ngoài lủi thủi đi theo con đường làng, ngoái lại nhìn ngôi chùa khang trang, sư càng hổ thẹn về đạo đức rỗng tuếch của mình. Trời trong và đẹp. Vàng trắng non vừa đủ sáng để soi rọi cảnh tang thương mà trận bão tàn ác đã dày xéo xóm làng. Rải rác, vài đám lúa tơ mới cấy bị nước cuốn trôi, năm ba cây to tróc gốc, và cành lá thì rơi rụng khắp nơi. Mùoi căn nhà dân bị cuồng phong cuốn mất. Không biết số phận nạn nhân đối rách như thế nào? Lòng sư bỗng tràn ngập tình thương. Mấy hôm trước, sư đã nghe báo cáo về thiệt hại này, mà sao lúc đó lòng sư đứng đưng bất động.

Sư tiếp tục rảo bước, cảnh chùa Di Đà ở đầu làng Vạn Xuân bị đổ nát làm sư chạnh lòng. Chùa Di Đà do sư Thiện Quang trụ trì. Thiện Quang là vị tu sĩ có tư cách, nhưng có khuyết điểm là quá thẳng thắn thành ra vụng về. Thầy không vồn vã, không chịu ý, không khen nịnh đệ tử...thành ra Phật tử thưa dần. Kịp đến khi sư Trí Thông về Kim Quang tự, sư đã trăm phương nghìn kế để thu Phật tử về một mối, thành thử chùa Di Đà càng xác xơ. Chùa nghèo đến nỗi không tiền sửa sang, cột kèo đã mục nát, thì làm sao chống chọi nổi với cơn giông bão. Bấy giờ, sư Trí Thông mới thăm trách mình: □i! Ta vốn dạy đệ tử người giàu phải biết thương yêu giúp đỡ kẻ nghèo, mà có bao giờ ta nghĩ đến chùa giàu nên giúp đỡ chùa nghèo đâu? Ôi! Ta vốn kính trọng thầy Thiện Quang, mà khi lập chùa gần nhau, thì lòng ta ngấm ngấm có mầm mống cạnh tranh, chỉ mong cho chùa "đối thủ" chóng hoang tàn sụp đổ...

Trí Thông miên man suy nghĩ đi lần đến bờ sông Lô Dung(7). Làn gió mát làm sư tỉnh hẳn lại. Xa xa, ngôi chùa Linh Mục trầm lặng ẩn hiện sau hàng cau. Sư muốn được quỳ dưới chân thầy để cầu xin sám hối. Thầy cũng lo cho chùa, cho đạo mà đạo hạnh thầy cao ngất, còn ta thì bị cuốn lôi theo tham vọng nên đạo đức mỗi mòn. Rồi bỗng nhiên, Trí Thông nhớ lại từng chi tiết câu chuyện ngộ đạo của vị sơ tổ chùa Linh Mục ngày xưa:

"Tổ sư họ Cao, quán Phong Điền, Thuận Hóa. Thuở nhỏ, tổ đã không chịu dùng thịt cá, dù bị cha mẹ ép uống. Một hôm, theo mẹ lễ Phật, khóa lễ kéo

dài mà bà cụ cứ nán nã lo công quả trễ nãi, cậu bé buồn ngủ quá. Cậu bèn đến bàn Phật, gõ mấy tiếng chuông thật lớn. Bị trách mắng thì cậu bé đáp: "Con mê, nên phải nhờ chuông để cảnh tỉnh". Thiền sư Chí Thiện gặp được pháp khí, nên nhận làm đệ tử, và nhân câu chuyện gõ chuông, đã đặt pháp danh là Cảnh Chung. Cảnh Chung theo hầu thầy 10 năm, khi thầy liễu đạo, liền lên núi Đông Ngải, hang đá Thảng Lai, ẩn cư với pháp hiệu Vô Sự chân nhân, để chuyên tu thiền định. Chân nhân sống giản dị, hái cây trái và lá rừng làm thực phẩm. Chân nhân ngồi thiền liên tục hàng nửa tháng, khi xả thiền, các loài chim lạ vờn vũ quanh sư hát vang lưng như chào mừng đón nhận từ bi tâm của sư truyền cho. Những người thợ săn vô tình chứng kiến cảnh đó, hâm mộ, lạy xin chân nhân nhận làm đệ tử. Chân nhân bắt đầu giảng dạy họ Phật Pháp, rồi khuyên giải họ xa lánh nghiệp sát sanh hại vật. Danh tiếng của sư lan rộng dần, chẳng bao lâu, nhân dân các châu huyện gần xa, đều quy ngưỡng về sư.

Lúc bảy giờ, khi Nguyễn Uông vừa bị anh rể là Trịnh Kiêm ám hại, Nguyễn Hoàng vội vã cầu Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm diệp kế bảo toàn tánh mạng, được phán dạy: "Hoành sơn nhất đá, vạn đại dung thân". Hiểu ý, Nguyễn Hoàng âm thầm vận động xin về trấn thủ Thuận Hoá. Trước khi đi trấn nhậm, Nguyễn Hoàng lại bái kiến Trạng lần nữa để cầu cảm nang an dân trị nước. Lần này, Trạng Trình ngâm nga:

"Lòng vô sự, trăng in nước.

Của thảng lai, gió thổi hoa." (8)

Hai câu thơ mang phong thái thiền dùng làm sách kế an dân có phần khó hiểu, nhưng Nguyễn Hoàng ôm ấp như sấm ký, chờ đến phút linh ứng mà xử dụng.

Thuận Hoá và các vùng đất đai mới khai phá, lòng dân chưa định. Những kẻ tiền phong dựng nước phương nam, tính khí vốn ngang tàng khó uốn nắn. Họ khao khát tự do và vượt thoát khỏi sự ràng buộc của phép Vua luật nước. Và chẳng, dòng họ Nguyễn đối với dân cũng xa lạ, do đó, tâm nguyện thu phục nhân tâm của Nguyễn Hoàng gặp nhiều trở ngại. Chúa lo lắng cái tổ hành chánh địa phương, chăm sóc thương yêu dân, mà tình hình cũng không cải thiện. Vì vậy, Chúa thường rời dinh cơ tại Ái Tử, để giả dạng đi đó đây dò xét dân tình. Một hôm, Chúa đi hành dọc sông Lô Dung, lên đến khúc sông uốn cong như rồng lượn bao phủ một quả đồi xinh xinh, thì dừng lại trên đồi. Tại đây, Chúa gặp một bà cụ già mặc áo đỏ, phong thái trang

nhã thần tiên, tự xưng là Liễu Huệ công chúa, căn dặn: "Đây là huyết đất đã hội tụ đủ linh khí, nhưng phải xây dựng ngôi chùa, mời cho được Vô Sự chân nhân về trụ trì, thì sự nghiệp mới bền vững". Dứt lời, bà cụ biến mất. Lời dạy của bậc thần tiên, suy ra phù hợp với cảm nang Trạng Trình, khiến Chúa vô cùng phấn khởi. Chúa liền cho khởi công xây cất ngôi tự viện trên đồi Kim Long, đặt tên là LINH MỤ, Nghĩa là Cụ bà linh thiêng, rồi đích thân lên động Thảng Lai, núi Đông Ngãi, dùng lễ cầu hiền để thỉnh Vô Sự chân nhân về trụ trì.

Theo lời khuyên của chân nhân, dựa vào Phật giáo để liên kết nhân tâm tạo sức mạnh tinh thần dân tộc, Chúa thực thi kế sách nhân dân đến đâu, chùa chiền đến đó, nhiên hậu khi mọi việc ổn định, mới hình thành chính quyền địa phương. Từ đó, nhân tâm được thu phục lần lần, tạo nên khí thế hùng mạnh cho xứ đàng trong. Chúa Nguyễn Hoàng đối xử với chân nhân cực kỳ cung kính. Chúa thường đến chùa học đạo hoặc thỉnh ý chân nhân về những vấn đề hệ trọng, và thường thân mật gọi chân nhân là SƯ ÔNG LINH MỤ. Quân dân bắt chước, nhưng gọi trại đi thành Ôn Linh Mụ, chữ Ôn phát sinh từ đó.

Vô sự chân nhân, nguyên là một sơn tăng không thích ràng buộc bởi lễ nghi phiền phức. Từ ngày bắt đăc dĩ hạ sơn năm giêng mỗi đạo, để rồi bị mọi người, từ Chúa Thượng cho đến thứ dân cung kính suy tôn, là việc trái lòng. Do đó, chân nhân vẫn giữ nếp sống thanh đạm cũ, cũng như thời dụng biểu thiên quán cũ. Pháp môn thiền của chân nhân đặt căn bản trên kinh An ban thủ ý (9), nên rất giản dị: "Khi thở vào hành giả biết mình đang thở vào, khi thở ra hành giả biết mình thở ra", nói khác, khi nghe người tâng bốc hành giả biết mình đang nghe người tâng bốc, và chính vì vậy nên chân nhân luôn luôn tỉnh thức. Chiều chiều, chân nhân thường đi thiền hành một mình dọc theo bờ sông, những lúc đó, chân nhân không bị ngoại cảnh chi phối, nên cảm thấy thật thanh thoi, an lạc. Chân nhân bước từng bước thanh thản, đi để mà đi chớ không phải đi để mà tới (10), thích dừng thì dừng... Yên lặng trong tỉnh thức. Một hôm, chân nhân đi xa hơn thường lệ, dừng chân nhìn giòng sông. Nước trong, êm ả và nhẹ. Giòng sông này, thuở nhỏ chân nhân đã từng lặn hụp, giờ phút hồn nhiên đó rất tuyệt diệu. Bốn bề thanh vắng gọi chân nhân thú tắm sông. Chân nhân cởi đồ rồi thoải mái trằm mình trong nước mát. Giòng nước xoa nhẹ làn da như cuốn trôi đi hết bụi trần, bụi chừa bám trên người sư. Chân nhân khoan khoái thở thật sâu và hụp đầu xuống nước. Khi chân nhân ngoi đầu lên, thì có tiếng trẻ nít la to:

-Áy chết! Coi chừng ông trọc đầu nớ!

Bấy lâu nay tai của chân nhân bị bắt buộc phải nghe toàn là những lời cung kính hoa mỹ: Bẩm đại lão hòa thượng, Kính trình Ôn, Thỉnh nguyện, Thỉnh cầu, Chúng con đê đầu đánh lễ..., thật là nhàm chán. Nay chân nhân mới được gọi một cách hồn nhiên là ông trọc đầu, điều đó khiến chân nhân vô cùng sáng khoái. Chân nhân quay đầu nhìn lại. Té ra đó là hai chú tiểu, lén cắp xuống ra chôn văng về để đùa giỡn, mà lại còn lớn gan gọi Ôn là lão trọc đầu. Hai chú sợ điếng người, cuống quýt xá lia, miệng lắp bắp chẳng nên lời, suýt rơi tòm xuống nước. Chân nhân thương quá lên tiếng:

- Cái thằng ni lạ quá! Tao trọc đầu, mi gọi tao trọc đầu là đúng quá rồi! Có chi mô mà mi sợ hãi như rứa?

Chân nhân thốt lời đó trong một tâm trạng an lạc, không mảy may dính mắc ràng buộc gì với lễ nghi phiền phức của xã hội câu nệ. Và trong giây phút hồn nhiên đó, bỗng dung chân nhân hoát nhiên đại ngộ".

(Chư thiên sư, khi công phu viên mãn, thì đôi khi chỉ cần nghe tiếng chim hót, tiếng lá rơi...làm trợ duyên mà ngộ đạo. Sơ tổ Linh Mục, sau hơn 50 năm nghiêm trì tu tập, tâm đã rộng rang không trở ngại, nên nghe tiếng hồn nhiên của trẻ, mà đại ngộ cũng là việc bình thường)

Câu chuyện sơ tổ giúp sư Trí Thông định hướng cho nếp sống tu hành. Lòng đã chủ định nên sư bình thân trở về Kim Quang tự. Sư soạn thảo một bức thư dài viết cho bốn sư, Ôn Linh Mục. Trong thư, sư thú nhận rằng bấy lâu không nghiêm túc tu trì, thả lỏng tâm quay cuồng theo danh lợi hư hỏng mà không hay. May nhờ thiện tri thức nhắc nhở mới hồi tỉnh. Do đó, sư quyết định xin từ bỏ chức vị trụ trì Kim Quang tự, để theo hạnh khổ đầu đà hoàng hoá phương Nam, hầu xám hối lỗi lầm. Thứ đến sư thỉnh cầu bốn sư đứng ra đem pho tượng vàng thanh toán để lấy tiền cúng dường cho nạn nhân bão lụt. Ngoài ra, cũng xin bốn sư giải quyết những việc cần thiết trong đó có việc chọn lựa vị tân trụ trì cho Kim Quang tự. Viết xong, sư hướng về chùa Linh Mục, lạy từ tạ thầy rồi giao thư cho thị giả mang đi. Đoạn, sư âm thầm rời chùa, chỉ mang theo một bình bát, một tay nải đựng hai y hậu tầm thường, bộ kinh Lăng Nghiêm cùng vài món hành trang lật vạt của một du tăng khát sĩ.

Trước sự thay đổi nếp sống đột ngột, từ một vị trụ trì tôn kính lắm kẻ cung phụng, thành một khổ đầu đà lang bạt sư Trí Thông cũng gặp những khó khăn lúc đầu. Tuy nhiên, sự yếu đuối thể xác dễ dàng khuất phục bởi sức mạnh tinh thần, được củng cố bằng pháp môn hành trì buông bỏ, không dính

mắc như vị sơ tổ Linh Mục, nên sư cảm thấy an lạc. Niềm an lạc mà trước kia, khi bận rộn với ngôi vị trụ trì, sư không bao giờ hưởng được.

Sư thường chọn những con đường làng vắng vẻ, tránh qua lại khu phố ồn ào. Đi khoan thai từng bước: Đi để mà đi chứ không phải để mà tới, cũng như, tu để mà tu chứ không nhằm đắc đạo. Thở ra sư biết mình thở ra. Thở vào sư biết mình thở vào. Bước chân thanh thản, êm ái, trân quý đặt vững vàng trên mặt đất thương yêu, như đang đi trên tịnh độ. Sư ngủ ở đình, míu hoang, góc cay, mái hiên nhà..., và thọ thực thất thường tùy tâm hỷ cúng của đồng bào phật tử. Xóm làng nào thuận duyên, sư lưu lại đôi ngày hay vài tuần, tùy nghi giảng Pháp sống thực và đơn sơ. Sư đến với họ như người bạn đồng hành trên con đường tu tập hơn là vị thầy xa cách. Sư có thể ngồi đan thúng, dệt chiếu... hay đi mót lúa với đồng bào rồi tùy cơ giảng đạo. Sư cũng có thể làm vú em, chơi đùa hồn nhiên với trẻ con, để dạy chúng câu thơ, bài ca dao nhẹ nhàng đạo vị. Mà thật ra, sư cũng không nhất thiết phải mở lời. Sư hiện hữu của sư cạnh những người dân chất phác, nụ cười, dáng điệu, tư cách của sư... có cái gì gần gũi, âm áp khiến cho họ tự nhiên thương mến đạo.

Càng đi lần về phương Nam, hệ thống chùa chiền càng khiếm khuyết về phẩm lẫn lượng. Chùa chỉ tập trung tại Gia Định thành và vài thị trấn lớn, còn vùng xa xôi thì hầu như vắng bóng. Nhu cầu hoằng pháp đôi khi đòi hỏi sự dừng chân một thời gian dài, và nếu hợp duyên sư cũng đứng ra tạo dựng một ngôi chùa làng xinh xắn. Dân quê dốt nát, nên sư chỉ hướng dẫn họ giáo lý đơn giản và thực tiễn, như tam quy ngũ giới, tu tâm dưỡng tánh, tránh ác hành thiện mà thôi. Điều đó rất hợp với sư, vì từ lâu, khi hành hạnh khổ đầu đà, sư chỉ chuyên tâm quán niệm hơi thở, còn cái sở học bao la huyền đàm sư không còn nhớ đến nữa. Dĩ nhiên, sư cũng truyền cành công phu, nhưng đọc tụng kinh điển, sư tụng để mà tụng, để tự nhiên cho kinh thâm thấu trực nhận, chứ không dùng lý trí xét đoán, hay suy luận tìm hiểu như xưa nữa. Khi ngôi chùa thành lập đã có cơ sở vững chắc, sư đến các đại tông lâm, thỉnh một vị đạo đức tăng để giao ngôi chùa, hầu tiếp tục tâm nguyện một khổ đầu đà. Cứ thế mà trong thời gian hơn hai mươi năm, sư đã lần lượt tạo dựng được 9 ngôi chùa làng tại khắp vùng Vàm Cỏ và Tiền Giang.

Sư lại xuôi về miền Hậu Giang. Mùa thu năm Giáp Thìn, một trận lụt mà lúc khởi đầu có vẻ chỉ là chuyện ngập nước bình thường, lại biến thành tai họa thảm khốc. Nguyên hàng năm, vào mùa nước nổi, sông Cửu Long dâng cao tràn ngập ruộng đồng, đường xá, chợ búa. Dân chúng theo lệ, ở nhà sàn hay đắp nền nhà cao vừa phải, nước có dâng cao khỏi nền nhà chẳng nữa, thì

cũng chịu đựng vài ngày thì lại từ từ rút xuống. Nhưng đến năm Bính Thìn, nước dâng lên mãi đến độ bất ngờ, và vì không chuẩn bị nên có kẻ khi thấy nguy hiểm, muốn di tản thì đã muộn, đành đeo mái nhà chờ chết. Sư liền vận động những đàn ghe cấp cứu người sống sót đem về những giòng đất cao tạm trú. Riêng những xác thây ma trôi phập phều, sư cũng đích thân vớt về. Và vì lý do nước ngập không thể đào huyệt, sư kết bè làm một bãi tha ma nổi, chờ nước rút rồi mới chôn cất. Cứu lụt xong, sư lại lên đường. Một hôm, hành hóa tại trấn Kiên Giang, vô tình sư khám phá được một ngôi chùa lá hoang vắng nhỏ bé, nằm lẻ loi ở đầu xóm Vĩnh Hiệp. Trước cửa có treo biển đề " Vô Môn Tự", mà nét chữ nguệch ngoạc đã lu mờ. Chùa vắng người, nhưng cũng không đến nỗi lạnh lẽo. Có lẽ, tuy không có người ở thường trực, nhưng cũng có thiện tín đến chùa đốt nhang, lễ Phật. Tượng Phật bằng đất, đắp vụng về, vừa thiếu cân xứng, vừa làm gương mặt kém từ bi. Thật tiếc! Sư thầm nghĩ, rồi sư liền tưởng đến tượng Phật vàng Kim Quang Tự. Tượng Phật vàng như vết thương đã lành, mà sẹo vẫn còn, nên dù trên 24 năm qua, sư hành pháp buông bỏ, mà vẫn gợi nhớ khi vô tình thấy một pho tượng kém mỹ thuật. Như thường lệ, sư quán niệm câu kinh Kim Cang "Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai" để đối trị.(11)

Mây đen vần vũ từ lúc nào, mà mưa nặng hạt rơi ào ào trên mái lá. Mái chùa mục nát. Nước dột vài nơi. Trước mặt sư, một dòng nước to bỗng rơi thẳng xuống tượng Phật. Đất bị thấm nước rả dần đi. Chúng kiến cảnh tượng Phật bị hư hoại, bất giác, sư nhớ đến bài pháp của tổ Triệu Châu:

"Đừng để Phật đồng vào lò, đừng để Phật gỗ vào lửa, đừng để Phật đất vào nước. Phật thứ thiệt ngồi ở bên trong. Bỏ đề và niết bàn, Chân như và Phật tánh, tất cả là chiếc áo ngoài buộc siết thân thể. Chúng được coi như là phiền não..."

Sư bỗng nhiên lặng người, thân tâm biến mất, chỉ thấy trước mặt mình hiện hiện một khối duy nhất quang minh chiếu diệu lung linh tuyệt vời. Một thoáng sau kinh nghiệm đó sư bừng tỉnh lại nhìn tượng Phật thì thấy tượng đã trở thành một đồng đất khô nứt nẻ. Té ra một thoáng của cơn đại định, là đã mấy ngày trôi qua rồi.

Sư quyết định dừng lại nơi này. Hàng ngày sư đọc tụng kinh Lăng Nghiêm để kiểm chứng sở đắc mình, đồng thời, bắt đầu thăm nom săn sóc đám dân chài. Những kẻ sinh nhai về nghề biển, làm việc nhọc nhằn và thập phần nguy hiểm nhưng thu hoạch tương đối khá cao. Sau chuyến đi mười ngày

họ có thể nghỉ ngơi cả tháng. Đó là thời gian cờ bạc, rượu chè ... để rồi gây chuyện chửi bới, hục hặc nhau suốt năm. Giáo hóa họ đạo lý là việc khó khăn, đó cũng là nguyên nhân khiến vị sư kiến tạo ngôi chùa ngày trước đã thất vọng bỏ đi.

Tuy nhiên đạo đức của sư Trí Thông đã cảm hóa họ nhanh chóng. Thú cờ bạc, rượu chè bừa bãi giảm dần. Nhận thấy nghiệp sát sanh của họ quá nặng, sư khởi xưởng phong trào ăn chay tập thể. Nhà chùa nấu cơm chay sẵn rồi khuyến khích Phật tử quây quần ăn chung. Lúc đầu, sư tổ chức mỗi tháng một ngày, rồi tăng dần đến mười ngày. Số Phật tử tham gia ngày càng đông, nên sư cần những cái nồi thật to. Một khách thương hồ chuyên buôn bán nồi tại vùng Sóc Soài, đặt một chiếc nồi đặc biệt to như một cái lu, nhưng thấp hơn, để cúng dường cho sư. Nồi quá lớn, không có dịp sử dụng, nên sư để ở mái hiên trước chùa, hứng nước mưa. Trẻ con gọi chiếc nồi đó là "nồi Ông", và cũng có đứa gọi là "Ông nồi". Từ đó, dân chúng thích gọi chùa của sư là chùa Ông Nồi, cái tên nôm na dễ nhớ và gần gũi với họ.

Vào một đêm trăng tròn tháng chạp năm Mậu Thân, sau phần công phu, chú khu ô sa di (12) Quảng Hiền đã chuẩn bị giờ chỉ tịnh, thì có tiếng quân lính rầm rộ la hò bao vây khu xóm như đang lùng bắt kẻ trọng phạm.

Một người trẻ tuổi, hoảng hốt phóng chạy vào chùa, vừa thấy sư Trí Thông đã vội vàng quì xuống cầu xin cứu giúp. Sư bình tĩnh bảo khách nằm gọn trong chiếc "nồi ông", đây nắp lại. Sau đó, sư ngồi thiền như thường lệ. Toán lính tràn vào chùa lục soát, chỉ thấy một vị sư già ngồi thiền và một em bé nằm ngủ. Chùa trống trải không có nơi nào ẩn nấp, và cũng không thấy điều chi nghi ngờ, nên toán quân lính trở ra, lùng kiếm nơi khác.

Khi những tiếng la ó của quân lính nhỏ dần, sư Trí Thông, dờ nắp nồi lên, gọi nhỏ:

- Nguyễn công tử. Mọi việc đã yên ổn. Xin công tử an tâm bước ra.

- Nhà người...À ! Sư cũng biết ta sao?

- Dạ biết ! Ngài chính là Chúa Nguyễn Phúc...

Sư Trí Thông chưa nói hết câu thì mũi kiếm từ tay người khách trẻ đã đâm thẳng vào ngực sư. Sư ngã quy xuống, máu ra thành vòi. Người tuổi trẻ, thật ra, tâm địa không đến nỗi quá ác độc. Y chỉ có khuyết điểm là xem ngôi Vua quá trọng, nên hy sinh tính nghĩa. Vì ngài vàng ám ảnh nên đa nghi quá

đáng, thủ hạ trung thành như Đỗ Thành Nhơn mà vẫn đang tâm hạ độc thủ, hống chi sư chỉ là kẻ xa lạ. Đang cơn nguy khốn, Chúa lo sợ tông tích bị tiết lộ, nên hạ sát người bịt miệng như một phản ứng tự vệ mà thôi. Hành động xong, nhìn thấy vị sư già hấp hối, lòng Chúa hơi rung động, nên Chúa ngần ngại chưa vội chạy đi.

- Quảng Long! Quảng Long! Ta thật cảm ơn con đã thành toàn cho ta.

Đoạn sư ngoắt Chúa lại gần, cố gắng nói tiếp:

- Công tử hãy chạy về hướng biển, đến căn nhà tận cùng, tìm cho được đệ tử ta là Trần Trung để nhờ chở ra khơi thì mới mong thoát nạn.

Nghe lời chỉ dẫn, Chúa vui mừng gật đầu rồi chạy biển đi.

Chú tiểu thức giấc từ lâu, mục kích nội vụ run sợ im thin thít trên chõng tre, giờ mới lo ngại chạy đến bên thầy, khóc thút thít.

Sư nắm tay đệ tử, thương yêu dặn dò:

- Sanh tử là việc thường, có sao con lại khóc? Nghiệp quả trả xong, thầy rất an lòng đã thành toàn tâm nguyện.

Sư đã yếu lắm rồi, âm thanh nhỏ mà vẫn rõ ràng. Sư cố gắng móc túi lấy một phong thơ viết sẵn đưa đệ tử, nói tiếp:

- Con hãy tìm đến pháp huynh ta là sư cụ Vĩnh Tràng tại Định Tường để tiếp tục học đạo.

Chú Quảng Hiền thương thầy quá. Té ra thầy biết sẽ gặp tai kiếp, và đã chu đáo sắp xếp tương lai cho chú. Cảm động chú lại ồ lên khóc nức nở.

- Con nên cười lên và niệm chú vãng sanh với thầy nghen con !

Sư niệm chú vãng sanh. Tiếng của sư nhỏ dần, nhỏ dần rồi tắt hẳn, mà gương mặt tươi nhuận vẫn như còn phảng phất nụ cười.

Chúa Nguyễn được Trần Trung đưa đi lánh nạn tại các hòn đảo Lỗ Sơn, Củ Tron, Nghệ..., rồi sang Xiêm La cầu viện. Câu chuyện thoát hiểm được tô điểm lại, theo đó Chúa ản thân trồng trái sau một pho tượng tại ngôi chùa

nhỏ thộc trấn Kiên Giang, nhưng nhờ "chân mệnh đế vương", được Phật Trời phù hộ, nên giặc Tây Sơn lục tìm mãi vẫn không thấy. Câu chuyện biến thành huyền thoại được nhân dân miền Tây tin tưởng, nên mặc dầu, lực lượng của Chúa bị đánh tan rã nhiều lần, Chúa vẫn tái lập và phục hồi nhanh chóng. Không bao lâu, đến năm Nhâm Tuất Chúa khôi phục giang sơn, tự xưng là Vua, đổi tên nước là Đại Nam. Vua là người ân oán phân minh, nên một mặt đào mồ cuốc mả kẻ thù, và mặt khác ban bố lợi lộc chỗ có ân. Không nhớ đích xác ngôi chùa thoát hiểm, Vua ban sắc tứ cho tất cả các chùa thộc thị trấn Kiên Giang, và ra lệnh xuất công khổ tu bỏ những chùa này. Hai ngôi chùa Thập Phương và Tam Bảo (13), nhờ vậy, được sắc tứ và kiến thiết trở thành hai ngôi chùa cô kang trang nhất tại miền Tây.

Trong thời gian này, chùa Ông Nôi đã hư hoại nên không được hưởng ân Vua. Mãi đến mười năm sau, tỳ kheo Quảng Hiền tu học về, thương nhớ thầy nên tái dựng lại ngôi chùa cũ. Thầy cũng theo truyền thống của sư phụ, là nấu cơm chùa cho những đồng bào nghèo □n chùa", nên mặc dầu chiếc "Nôi Ông" đã bị hư nát, mà đến nay người dân vẫn quen gọi ngôi chùa là Chùa Ông Nôi, như 200 năm về trước.

Tháng 11, 1988

Huỳnh Trung Chánh

GHI CHÚ:

(1) Nguyên tác bài Đường thi của Thôi Hộ:

Khứ niên, kim nhật, thử môn trung

Giả ngoại, đào hoa tương ánh hồng

Nhân diện bất tri hà xứ khứ?

Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

Tạm dịch:

Tại đây, năm ấy, ngày này

Hoa đào, người đẹp hây hây má hồng

Hoa đào vẫn cột gió đông

Mà nay chẳng biết bóng hồng nơi nao?

(2) Thiên Ân tự do thiền sư Pháp Hoá, gốc Tiều Châu tạo dựng năm 1694 trên núi Thiên Ân, Quảng Ngãi. Hai vị tổ kế vị sư là tổ Khánh Vân và tổ Bảo Ân.

(3) Phú Xuân: Làng Phú Xuân tuộc huyện Hương Trà, Thuận Hoá, đã trở thành kinh đô của xứ đàng trong sau khi Chúa Nguyễn Phúc Trăn thiên phủ về năm 1687.

(4) Chùa Linh Mục do Chúa Nguyễn Hoàng ra lệnh xây dựng năm 1601 trên đồi Kim Long. Đến đời Minh Mạng, chùa được cải danh hiệu lại là THIÊN MỤ.

(5) Chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-65) là vị chúa nhân từ và mộ đạo. Ngài tự xưng là Từ Tế đạo nhân khi ban sắc tứ các chùa.

(6) Xứ đàng trong: Chỉ cho phần đất từ sông Gianh trở vào Nam trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh.

(7) Lô Dung: Tên xưa của sông Hương

(8) Phát xuất từ bài thơ "THẾ SỰ":

Chưa dễ ai là Phật Thích Ca

Mọi niềm nhân ngã, nhần thì qua

Lòng vô sự, trắng in nước,

Cửa thảng lai, gió thổi hoa.

Kìa khách xuân xanh khi trẻ

Mấy người đầu bạc tuổi già!

Thanh nhàn ấy, ắt là tiên khách

Được thú ta, đã có thú ta.

Nguyễn Bình Khiêm

(9) Kinh An ban thủ ý: Tức kinh Quán niệm hơi thở. Kinh đã được thầy Nhất Hạnh dịch và chú giải. (Lá Bối 1987)

(10) Phỏng theo Thiên Hành Yếu Chỉ của thầy Nhất Hạnh

(11) Việt dịch:

Nếu thấy ta bằng sắc tướng

Nghe ta bằng âm thanh

Người này đi đường tà

Không thấy được Như Lai

Trích Kinh Kim Cang (T.T.Thiền Hoa)

(12) Khu Ô Sa Di: Nghĩa đen là sa di đuổi quạ, tức là loại sa si tuổi từ 7 đến 13, chỉ có thể làm những việc vặt vãnh như xua đuổi quạ, chớ chưa đúng hợp ngôi vị sa di.

(13) Các ngôi "Sắc tứ Tam bảo tự" tại ấp Vĩnh Lạc, "Sắc tứ Thập Phương tự" tại ấp Vĩnh Thanh, và chùa Ông Nồi ấp Vĩnh Hiệp đều là những ngôi chùa xưa, và vẫn còn tồn tại thị xã Kiên Giang.

---o0o---

NGỘ

Sư Huệ Chiếu chăm rãi vun bón mớ phân chuồng cho mấy cây ăn trái còn tơ trước sân chùa. Sư bón phân trang nghiêm, long trọng như đang hành lễ, mà cũng dịu dàng nâng nui như một người mẹ hiền âu yếm mớm cơm cho bầy con nhỏ. Sư nhín một phần phân chuồng chia xẻ cho cây trôm già trước ngõ. Đúng ra, cây trôm không cần cũng không đáng được bón phân, nhưng sư, giống như bậc cha mẹ cưng con, vẫn bù đắp cho đứa trưởng thành như thời ấu thơ. Ngôi chùa, tục danh chùa cây TRÔM, vốn xây cất trên một gò đất đầy trôm. Giống trôm cung cấp hoa lợi rất khiêm tốn, mủ trôm tuy nên thuốc nhưng không mấy hấp dẫn, nên bị tiêu diệt lần lần. Cây trôm trước ngõ là cây trôm mà hai mươi năm trước đây khi tình cờ vân du đến giồng TÂN

HIỆP, thấy dân làng đang chuẩn bị hạ sát cây trôm cuối cùng, sư đã kịp thời ngăn cản. Thế rồi sư quyết định dừng lại ngôi chùa làng vắng vẻ để mai danh ẩn tích. Sư cũng chọn cho ngôi chùa danh hiệu LINH PHONG (1). Danh hiệu gợi lại hình ảnh lúc nhỏ cho sư duyên lành mà sư đã đón nhận được như một làn gió kỳ diệu rung chuyển toàn diện thân tâm sư, nhân chuyển hành hương Phú Quốc ngày trước.

Sư pháp danh Mật Hiệp, hiệu Trí Hải, tự Hưng Việt, đệ tử của thiên sư Quang Huệ, chùa Kim Chương (2), trấn Đông Phố, Gia Định thành. Ngày còn là một sa di, sư đã chứng kiến buổi lễ trang nghiêm, cảm động để suy tôn đồng cung Nguyễn Phúc Dương lên kế nghiệp Chúa hầu gầy dựng lại cơ đồ nhà Nguyễn. Buổi lễ do Hoà Nghĩa Đạo Lý tướng quân và bốn sư Quang Huệ chủ xướng ngay trong khuôn viên chùa. Hình ảnh đó khắc ghi sâu đậm vào tâm can sư, ảnh hưởng trọn vẹn sự nghiệp tu hành của sư. Sư chọn nếp sống dẫn thân phục vụ đạo pháp và dân tộc.

Mà dân tộc, với sư, đồng hoá với cơ nghiệp của giòng họ Nguyễn. Sư nổi gót sư phụ, kiên trì, tận tụy, trung thành với chúa Nguyễn. Chúa gặp bao nhiêu nỗi nguy nan, cơ đồ bị tan hoang mấy lượt tướng không bao giờ cứu vãn được, mà lòng sắc son, trung quân ái quốc của sư vẫn không hề suy giảm. Chúa Nguyễn A☐trời giạt đến chốn nào, sư cũng tìm cách để yểm trợ. Nhờ lớp áo tu hành, sư đi lại dễ dàng, quan sát được binh tình Tây Sơn, rồi báo cáo cho Chúa. Sư cũng phụ trách vận chuyển quân lương khi cần thiết. Ngoài ra, nhân việc du phương hoằng hóa, sư để sưu tầm những bậc tài trí thuyết phục họ về với Nguyễn Vương. Các vị tướng Nguyễn Huỳnh Đức, Võ Tánh, Nguyễn Văn Nghĩa..., đã được sư móc nối để về với nhà Nguyễn.

Đầu Xuân Đnh Tị, sư đã vất vả lặn lội đến Vạn Tượng, nước Xiêm La hầu gặp Chúa Nguyễn A☐ báo cáo về tình trạng suy yếu của Tây Sơn tại Gia Định. Nhờ đó, Chúa quyết định đem quân về nước. Thủy quân Chúa về đóng tại Ba Hòn, Hà Tiên, lập căn cứ tạm để liên lạc với các thuộc hạ vẫn còn nằm vùng tại miền Nam, để chuẩn bị phản công. Đoạn, Chúa cho thủy quân đưa gia quyến ra Phú Quốc tạm lánh, rồi đem quân về Long Xuyên, công khai tấn công binh lính Tây Sơn. Lúc đó, thực lực của Chúa Nguyễn rất yếu ớt. Sự phải ra sức khuyến dụ người đệ tử tên Nguyễn Văn Trương, một viên tướng Tây Sơn, mang 300 lính và 15 chiến thuyền về với Nguyễn Vương. Từ đó, lực lượng phục quốc lớn mạnh nhanh chóng. Chúa tấn chiếm Gia Định, rồi lần lần, đánh phá các tỉnh miền Trung. Chỉ trong vòng 5 năm,

tức năm Nhâm Tuất, Chúa Nguyễn A□ thống nhất sơn hà, tự xưng là Vua, lấy niên hiệu là Gia Long.

Tưởng nhớ lòng trung quân ái quốc của sư, vua triệu ra Phú Xuân. Trước mặt triều thần văn võ, Vua nhiệt liệt nhắc nhở thành tích của sư, rồi long trọng tấn phong người đạo hiệu Hưng Việt Quốc Sư, để đảm nhận trách vụ lãnh đạo tinh thần cho cả nước. Vinh dự đó khiến sư vừa hân hoan vừa cảm động, nguyện tận trung báo đáp hồng ân của hoàng thượng. Sau đó, Vua đã thảo luận tương đắc với sư về những vấn đề trọng đại liên quan đến sự thịnh trị của đất nước. Sư trình bày với hoàng thượng về viễn ảnh một tổ chức Phật giáo lớn mạnh, để phục vụ cho dân tộc và đạo pháp. Vua nhiệt liệt tán dương dự án của sư, rồi tự nguyện đề xướng chương trình xây cất một ngôi Quốc tự nguy nga tại Phú Xuân, sao cho xứng đáng với danh vị Quốc sư cao tột. Đoạn Vua thân mật ủy thác Quốc sư một công tác bí mật và tối quan trọng tại miền Nam. Nguyên Vua đã từng bị truy lùng phải lẩn trốn khắp hang cùng ngõ hẻm miền Nam. Vua đã thoát thân an toàn nhờ biết khai thác đức từ bi của giới tu hành, và cũng nhờ nắm vững được địa hình các hang động, hoang đảo thuộc miền duyên hải Vịnh Thái Lan. Vua canh cánh lo sợ dư đảng Tây Sơn sẽ xử dụng chính đường lối cũ của mình để lẩn trốn gây hậu họa mai sau. Do đó, Vua phái Quốc sư xuôi Nam, nhân danh hành hương các chùa chiền miền Nam để hình thành hệ thống tình báo trong giới tu hành hầu sớm phát hiện được kẻ địch trà trộn.

"Ở trong chẵn mới biết chẵn có rận", sư hiểu rất rõ tâm lý tu sĩ và tình hình Phật giáo đờ, nên đã tiến hành công tác bí mật dựa trên một phương pháp hoàn bị. Với thiếu số đạo đức cao tăng, sư dùng lễ kính thân cận tạo cơ hội đầu tư xa xôi. Đối với kẻ tham lam, thì sư công khai quăng tiền ra mua chuộc biến thành thứ tay sai đắc lực. Còn đối với những vị tu hành, tuy không đến nỗi tham tiền lộ liễu, nhưng lại ưa danh vị trong đạo, thì sư mang bằng sắc, chức tăng cang, hoà thượng như mời. Chiêu thức thâm độc này khiến cho nhiều vị tu hành thoát tục, bỗng lục đục tranh nhau chạy tục trần thô lỗ. Dĩ nhiên là món mời danh lợi đã được sư khéo léo che đậy dưới chánh nghĩa "tứ ân", nên giới tu hành đến với Quốc sư vì danh lợi, cũng có thể tự dối lòng là dẫn thân cho lý tưởng Phật đà.

Khi hành hương tại Chùa Thập Tháp Di Đà, phủ Qui Ninh, Bình Định, Quốc sư tình cờ khám phá được những hành vi nhũn lạt của viên tri phủ sở tại. Quốc sư vội phúc bẩm về triều, và viên tham quan liền bị thái hòi để điều tra. Sau đó, chuyến hành hương trầm lặng của sư bỗng huyền ảo và khởi sắc theo một chiều hướng mới. Giới quan lại, thoáng nghe hung tin của viên

tri phủ Qui Ninh đã run sợ rí tai nhau cần mật đề phòng. Họ theo dõi sự từng bước để nghiên cứu tỉ mỉ một kế hoạch đón tiếp sư, sao cho sư ngỡ là đã tai nghe mắt thấy sự thực và chỉ toàn là sự thực. Tất cả những địa điểm sư đến đều được chuẩn bị dàn cảnh, những nhân vật sư tiếp xúc phải được "đả thông" trước. Thế là, từ độ ấy, đến địa phương nào, sư chỉ được nghe dân chúng thi đua nhau ca tụng đức độ thanh liêm vì dân vì nước của giới quan lại sở tại. Quốc sư lại vui mừng khám phá thêm là giới quan lại chính là giới Phật tử thuần thành bậc nhất. Họ tranh nhau thỉnh cầu sư dạy đạo, rồi cả nhà xin được quy y với sư. Viên tri phủ Đông Phố lai tung "khô nhục kế" thâm sâu. Sau khi nghe thời pháp, viên quan ràn rụa nước mắt mừng rỡ được nghe chân lý tối thượng, đoạn quỳ lạy Quốc sư, xin từ quan để theo Quốc sư xuất gia đầu Phật. Lối trình diễn xuất thần đó khiến Quốc sư xúc động vô cùng. Sự thương yêu giảng dạy người đệ tử mới, là tu hành thì không nhất thiết phải xuất gia. Làm quan mà thương yêu chăm sóc dân là đã thực hành Phật đạo rồi. Không dám trái ý Quốc sư, tri phủ Đông Phố bắt buộc phải hi sinh tiếp tục làm quan tham ô như cũ. Quốc sư lại ghé ngôi tổ đình, mang về bằng sắc "Sắc tứ Kim Chương tự". Gặp lại huynh đệ, tuy tình cảm đậm đà thăm thiết, nhưng sư chỉ lưu lại hai ngày rồi ra đi. Có thể, vì sư thấy thiếu vắng những lời ca tụng xuất phát từ "đáy lòng thành thật" của nhóm đệ tử mới, và phần khác, vì sư cảm giác dường như chư huynh đệ tư tưởng xưa quá rồi, không theo kịp những tiến bộ vượt bậc của sư như đám đệ tử mới trung thành.

Trần Hà Tiên là địa điểm cuối cùng và quan trọng nhất của chuyến hành hương. Theo đúng chương trình vạch sẵn, Quốc sư được quan Chương vệ (4) thống lĩnh 5 vệ thủy quân miền duyên hải phương Nam hiệp cùng quan Trần Thủ Hà Tiên long trọng đón tiếp từ ranh giới huyện Kiên Giang, để dùng ghe hầu xuôi theo kinh đào về Ba Hòn (3), một vùng tập trung đa số núi đá vôi của Hà Tiên. Đá vôi có tính chất là dễ bị soi mòn bởi nước mưa, do đó, qua năm tháng, những núi đá vôi thường bị xẻ đứt để biến thành những hình thù kỳ dị hoặc cấu tạo nên những hang động thần bí, với vô số thạch nhũ dị dạng. Những hang động rộng rãi, xinh đẹp, nổi tiếng như Thạch Động ở thị trấn Hà Tiên, chùa Hang ở Bình Trị... đều được kiến lập thành chốn tu hành dập dìu khách hành hương lễ bái. Số lớn còn lại như núi Đá Dựng và nhóm núi vùng Ba Hòn, hang ngách ngang dọc chằng chịt, vắng người lui tới, là chốn ẩn thân lý tưởng của những phân tử trốn tránh ngoài vòng pháp luật. Thấu hiểu mối lo âu của nhà Vua, Quốc sư dừng lại Ba Hòn khá lâu để tìm hiểu dân tình. Nhận thấy núi đá vôi cần cỗi khó túc nếu

thiếu nguồn tiếp tế lương thực của dân xóm chài, nên Quốc sư kết nạp người trong giới cư sĩ. Ngoài ra, hai vị tu sĩ ngụ tại Chùa Hang và Chùa Khóm Tre đều là những vị đầy nhiệt tình đạo pháp, đã được sư nhận làm pháp đệ, nên chắc chắn sẽ phục vụ quân vương đắc lực. Nhân dịp này, Quốc sư cũng được viên Chương vệ đưa đi viếng hang Tiên, căn cứ bí mật của Vua trong thời gian chuẩn bị tổng phản công để chiếm Gia Định thành năm Đinh Tị. Núi Long A 龍窩 là ngọn núi đá vôi khá lớn toạ lạc cách Ba Hòn chừng 2 dặm về hướng Bắc. Hai phần của núi còn tựa vào đất liền, phần ba còn lại chồm xa ra ngoài biển. Núi cũng có những khóm cây thưa thớt mọc cần cỗi trên vài cụm đất nhỏ, phần còn lại bao phủ bởi loại đá rặng cưa tua tủa nhọn hoắt, không lối leo trèo. Con đường lên núi lại là con đường biển. Nước biển sâu, thuyền có thể vào sát chân hòn. Neo thuyền bên bên đá xâm xấp nước, khách liền thấy lẫn khuất sau vòm đá nhô ra, một hang sâu thăm thẳm. Mò mẫm bước vào hang, mắt vừa quen với bóng tối, khách bỗng khám phá trong ánh sáng mờ ảo, một thế giới thạch nhũ cả ngàn loại sai biệt về hình dáng lẫn màu sắc, nhưng đều mang tính chất diễm ảo thần tiên. Hang nở rộng dần thành động. Động hình nó. Từ trên chóp đỉnh cao ngất, ánh sáng dịu dịu tỏa nhẹ, làm phong cảnh thiên nhiên thêm huyền bí. Mọi cảnh vật: Vách đá vằn vện lồi lõm, hồ nước con con, thạch nhũ, viên sỏi lóng lánh, một đám rong rêu, tất cả đều phô bày nét đẹp đặc thù. Ngay như giọt nước thoát từ trái thạch nhũ no tròn, bỗng mừng tượng như một viên kim cương long lanh màu sắc. Trung tâm động rộng rãi đủ cho bày tôi Vua Gia Long quay quần họp mặt. Cạnh đó, một lò đúc đã từng được thiết lập để đúc tiền kẽm, dùng cho chi phí quân lương. Đó cũng là lý do, mà hang Long A 龍窩 cũng được gọi là hang Tiên. Thạch động còn có đường hang lên dần tới đỉnh, nhờ vậy, hang động nói chung, có sức chứa cả ngàn người, với ưu điểm là chòi canh trên đỉnh cao, có thể quan sát rộng rãi bốn phương trời.

Quốc sư được quan Chương Vệ hướng dẫn sang một ngách nhỏ, đi lên lối đến một động hẹp hình chữ nhật, như một gian phòng thiên nhiên. Phòng trống trải được hoá công thiết trí sẵn một chiếc giường đơn bằng đá nhẵn thín.

Thưa Quốc sư! Viên Chương Vệ lên tiếng, đây là nơi hoàng thượng ngủ nghỉ. Tìm được long sà này, bọn bày tôi ai nấy hân hoan tin tưởng Chúa thượng quả thật là bậc "Chính vì Vương" nên mới được Trời Phật an bài mọi việc. Nằm trên long sà, một hôm hoàng thượng nhìn lên vách đá kia, chợt thấy hình ảnh ngày quân ta chiến thắng rõ ràng hiển bày trước mặt. Trước

đó, thuộc hạ ai ai cũng nức lòng quyết tâm chiến đấu tiêu diệt quân thù. Vách đá đó, vì vậy, được mang tên là "Sấm ký nham".

Giai đoạn này Quốc sư đã nghe nhắc nhở mãi, nên không mấy ngạc nhiên. Sấm ký nham cũng không có gì đặc biệt, đó chỉ là một tảng đá rần ri hỗn tạp, lồi loom, nhiều vết nứt rạn, rong rêu, mốc meo, trong ánh sáng lờ mờ có thể biến thành hình ảnh sống động bởi người giàu óc tưởng tượng. Nhìn vách đá cũng giống như nhìn đám mây bông bành, để suy tưởng thành hình người hình thú. Quốc sư không tin thuyết huyền bí màu nhiệm, tuy nhiên, Quốc sư lại kích thích bởi ý định nằm nghỉ ngay tại địa điểm xưa Vua nằm, nên tỏ ý mệt mỏi cần phải nghỉ ngơi. Còn lại một mình, sư thoải mái nằm xuống. Cảm giác mát lạnh của giương đá truyền vào người sư, khiến sư khoan khoái và tươi tỉnh. Tình cờ sư hướng về sấm ký nham, rồi bỗng nhiên mắt sư như bị một hấp lực vô hình dán chặt vào đó. Những đường nét tạp nhạp bất động bỗng trở dậy nhảy múa, để kết hợp lẫn nhau thành những hình ảnh chớp chờn. Rồi sư bỗng thấy hình ảnh sư, với đầy đủ đường nét rõ rệt, đang lom khom dưới cội cây trôm. Sư mừng rú lên chờ đợi ngôi Quốc tự nguy nga sắp hiện ra, thì tên lính hầu cận của viên Chương Vệ bước vào phá rối:

Kính thưa Quốc sư! Quan Chương Vệ con kính mời Quốc sư thưởng thức trà!

Giả ảnh đột ngột tan biến, dù Quốc sư nhanh nhẹn khoát tay đuổi tên lính như "đuổi tà", nhưng vẫn không cứu vãn kịp. Sư cố gắng tập trung sức tưởng tượng nhìn mãi sấm ký nham mà cũng vô dụng, đành phải trở ra ngoài. Kính mời Quốc sư chén trà Long Tỉnh.

Dù đang bực bội, sư cũng niềm nở khen ngợi:

Trà Long Tỉnh pha bằng nước suối ngầm, quan Chương Vệ quả thật là bậc tao nhân sành sỏi.

Phái đoàn trở về thuyền để lên đường đi Phú Quốc. Phú Quốc là một hải đảo có diện tích rộng lớn, hội đủ điều kiện cho một lực lượng nổi dậy đồn trú lâu dài. Đất đai Phú Quốc phì nhiêu có thể trồng đủ loại ngũ cốc, nước ngọt khắp nơi, thú rừng thật nhiều, rừng cây danh mộc to lớn có thể dùng để đóng chiến thuyền rất thừa thãi. Dãy núi Cầu Sừng tức Cửu cửu Sơn, gồm 99 đỉnh cao sâu hiểm trở, một người lẫn trốn thì không quân đội nào truy tầm được. Trong những vùng có dân cư ngụ: Dương Đông, Cửa Cạn, Hàm Ninh, An Thới, chỉ riêng Dương Đông mới hình thành được chính quyền xã như vậy,

chỉ mới kiểm soát được một phần vạn diện tích toàn đảo. Chuyển đi hành hương Phú Quốc, vì vậy, có một tầm quan trọng đặc biệt.

Quốc sư được quan Chương Vệ mời ngự trên chiếc thuyền chỉ huy, đóng kiên cố và đầy đủ tiện nghi. Thuyền xuôi gió, sáu cánh buồm căng phồng, đưa thuyền lướt nhẹ nhàng trên sóng biển. Thuyền rời Ba Hòn, lần lượt xuyên qua mấy mươi hòn đảo duyên dáng quay quần nhau như họ hàng, nên được gọi tên chung là HÒN HỌ. Ưu tư với công tác, Quốc sư thầm nghĩ: "Đảo nhỏ, đất đai bằng phẳng, gần đất liền, không phải là môi trường lẫn trốn". Rồi có lẽ nhằm phô trương chiêu bài hành hương, Quốc sư hỏi tên lính hầu:

Chẳng hay trên các hải đảo này có tu sĩ không?

Thưa không.

Phong cảnh đẹp mà thiếu cao tăng thì đáng tiếc thật!

Dạ thưa Quốc sư cũng có cao tăng ạ! Dạ con được nghe ở Hòn Nghê, có người tu hành đắc đạo. người ta nói Ông đạt pháp đi mây về gió. Người ta nói Ông đạo nghe và nói chuyện với loài chim, loài cá. Người ta nói Ông đạo khi còn tu ở hòn Mấu, ngồi trên bãi cát thuyết pháp cho đá, đá cũng bò lên từng đàn sắp từng hàng thứ tự từ nhỏ đến lớn để nghe nữa. Người ta lại nói...

Nghe tên lính cứ lặp lại câu "người ta nói" hơi nhiều, mệt quá, nên Quốc sư khoát tay bảo yên lặng, rồi hỏi:

Có ai thực sự biết Ông đạo hay mọi người đều chỉ đồn nghe đãi mà thôi?

Dạ thưa! Dạ thưa! Chắc ai cũng nghe đồn đãi rồi kể lại mà thôi!

Hòn Nghê gì đó có gần với Phú Quốc không?

Dạ thưa Quốc sư! Đảo ấy trên đường đi, hiện rõ ở trước mặt chúng ta kia kìa!

Tên lính già chỉ hòn đảo xa tít mù khơi, hòn đảo có dáng dấp như một nắp vung đầy đặn, với cái núm ở trên. Dù đã ở trong tầm mắt, thuyền xuôi gió phóng nhanh, nhưng cũng phải mất hai ngày mới đến nơi. Nhìn diện tích hòn đảo khá rộng, phần Nam đảo sừng sững núi đá vôi đầy hang động nguy hiểm, Quốc sư thành linh quyết định ghé lại để hành hương. Thật ra, Quốc sư

khôn tin gì về huyền thoại đắc đạo của Ông thầy tu Hòn Nghệ, nhưng đảo nằm nửa đường đi Phú Quốc, một vị trí chiến lược, nên vị tu sĩ vô danh đó cần được móc nối.

Bãi cát cạn nên chiếc thuyền phải neo ở ngoài xa. Chiếc xuồng thúng tre nhẹ hững được thả xuống để đưa Quốc sư và phái đoàn tháp tùng vào bãi. Trên thúng Quốc sư đã thấy căn nhà cỏ nhỏ bé lụp xụp núp sau hàng dừa đơm trái. Một lão già mặt mũi nhăn nheo, tóc râu bạc trắng, vận bộ quần áo nâu củ mèm, rách nát, đang xăm xoi đám bấp lờ thơ. Lão già lù khù thoáng giựt mình, ngây ngô ngó sừng khách phương xa đột ngột xuất hiện. Người lính giãphóng nhanh đến bên lão, kính cẩn chào thật sâu và Ông lão cũng đáp lễ long trọng không kém.

Thưa Ông đạo! Hai vị đây là Quốc sư và Quan Chương Vệ thủy quân.

Danh vị Quốc sư, từ quan chí dân, vừa nghe qua đã gập đầu vái lạy, thế nhưng lão già ngây ngô chỉ gật đầu chiếu lệ mà thôi. Có lẽ lão già quê mùa dốt nát trọn đời chưa từng được nghe đại danh Quốc sư hay quan Chương Vệ, nhân vật cao cấp nhất lão tiếp xúc chỉ là hạng lính quèn, thảo nào, đối với lính thì kính nể còn đối với đại nhân vật thì lại dửng dưng. Vừa khó chịu vừa nản lòng, thấy không thể khai thác gì được lão già khờ khạo, nhưng Quốc sư cũng giả vờ hiếu kỳ vồn vã và thăm hỏi:

Chẳng hay lão tu theo pháp môn nào! Tu đã bao lâu rồi vậy?

Thưa Quốc sư ! Năm mươi năm trước con được một thầy đồ dạy niệm câu: "Nam VÔ Tịnh THỒ Giáo chủ A Di Đà Phật". Con cứ thế mà niệm liên tục, chớ không tu hành chi cả.

Nguyên chữ Vô () và chữ Thồ (), trong nhà Phật, tùy trường hợp phát âm là MÔ và ĐỘ thì mới đúng. Nho gia không hiểu lẽ đó, nên mới đọc câu niệm Phật sai lầm. Thấy kẻ tu hành dốt nát, bỏ mấy mươi năm làm việc vô dụng, Quốc sư rủ lòng thương, chỉ dạy:

Lão phải niệm như thế này mới đúng: " Nam mô tịnh độ giáo chủ A Di Đà Phật".

Dạ! Con xin đa tạ Quốc sư chỉ dạy.

Đoạn lão già khóm róm cúng dường sư nước dừa và thỉnh nguyện được cúng dường cơm trưa. Tuy khù khờ, nhưng lão nấu nướng nhanh nhẹn. Chỉ một

thoáng là đã dọn lên mấy món ăn ngon tuyệt: gỏi bắp chuối, mít non kho, canh chua củ hủ nhum... Hai ngày trên thuyền, dù sao cũng tù túng, nên được thoả mái "độ cơm", Quốc sư cũng dùng rất thật tình.

Ì ạch leo trở lên thuyền, Quốc sư đâm ra bực bội tên lính già nhiều chuyện làm sư phí phạm thời giờ vô ích. Viên Chương Vệ có vẻ cũng kém vui, nhưng chưa dám để lộ ra ngoài, chỉ dò dẫm:

Thưa Quốc sư! Ngài nhận thấy lão đạo này như thế nào?

A! ông đạo ấy... THỰC.... NGỘ...!!

Người miền Nam dùng chữ ngộ có nghĩa là ngộ nghĩnh dễ thương, mà cũng có thể là khùng khiêu, tầm bậy tầm bạ, không giống ai. Quốc sư dùng chữ thật khéo, chữ NGỘ không nặng nề thô lỗ làm giảm đức độ bậc chân tu đạo hạnh, nhưng khi được phát âm dài ra thì cũng diễn tả được ý chê bai khinh miệt trong lòng.

Thuyền lại lướt sóng. Câu chuyện bực mình về Ông đạo khùng cũng nguôi ngoai. Quốc sư ngồi trên mũi đón gió mát và dự định lần chuối niệm Phật. Xâu chuối bồ đề to tướng của Vua ban biến mất. Sư sực nhớ khi phải đi vệ sinh trên đảo, sư gởi tạm xâu chuối tại bàn thờ Phật, rồi quên lửng. Quốc sư bối rối không biết nên quyết định như thế nào? Thuyền đi khá xa, nếu quay lại ngược gió phải chạy giặc lờ giặc lờ (5) thì mất rất nhiều thì giờ. Còn chờ thuyền về ghé lại thì chẳng biết bảo vật có còn không?

Quốc sư bồn chồn nhìn về hướng hòn Nghê. Thành linh Quốc sư thấy lờ mờ hình dáng một người rời đảo thoan thoát đi trên biển cả. Sư dụi mắt, cúi tai để kiểm chứng mình đang tỉnh thức. Rõ ràng là Ông đạo đang bước trên nước giống như đi trên đất liền. Khoan thai mà nhanh như làn gió, lão già đã đi tới thuyền, bước lên đến bên Quốc sư trao xâu chuối bồ đề: Thưa Quốc sư, Ngài đã bỏ quên xâu chuối này.

Quốc sư như bị thôi miên cứng đờ, giờ mới cầm lấy xâu chuối, rồi ú ớ:

Dạ thưa Ngài! Ngài là bất thần thông cái thể. Xin Ngài từ bi cho con được sám hối tội ngã mạn của con.

Thần thông chi đâu thưa Quốc sư! Khi đi lão chỉ việc bước tới mà không khởi tâm phân biệt, đâu là đất, đâu là biển, đâu là trời mây, nên không bị ngăn ngại mà thôi!

Nói xong Ông lão bước theo một áng mây trôi đi mất.

Quốc sư lâu nay tuy tu hành mà tâm sôi sục phân biệt thiệt hơn, thành bại, nhục vinh....., nên tuy tu theo nẻo chánh, mà tâm lẫn khuất theo đường tà. Nay vừa nghe Ông lão đối đáp, bỗng cất tiếng thở than:

Ta vọng chấp lục trần mà dám múa may dạy bậc đại sĩ phân biệt mô vô, thô độ, thật đáng hổ thẹn! Tâm không phân biệt thì đâu là chỗ trụ, mà không chỗ trụ thì sao? (6)

Quốc sư quì xuống, hướng về Hòn Nghệ cung kính lễ 3 lạy. Khi Quốc sư đứng dậy, thì thấy viên Chương Vệ đứng bên cạnh, trở mắt ngạc nhiên, thưa hỏi:

Thưa Quốc sư ! ngài lễ Trời Phật hay thánh thần, sao không để con ra lệnh thiết lập bàn thờ cho long trọng?

Quốc sư hiểu Ông đạo xuất hiện để chỉ điểm riêng cho Quốc sư, chớ không lộ cho kẻ sơ cơ thấy thần thông mà làm lạc thành cứu cánh, nên người từ tốn đáp:

Thưa quan Chương Vệ! Tôi kính lễ ÔNG ĐẠO HÒN NGHỆ. O□ đạo là BẠC THỰC... NGỘ

Chữ Thực Ngộ lần này hoàn toàn có ý nghĩa khác, khi sư phát âm kéo dài lại diễn tả được lòng thành tâm quy ngưỡng của sư. Ngừng một lát, Quốc sư nói tiếp:

Thưa quan Chương Vệ. Chuyển hành hương đến đây là hoàn mãn. Quan Chương Vệ có thể hạ lệnh cho thuyền trở về đất liền được rồi.

Tháng 2/1989

Cước chú:

Linh Phong cổ tự, tọa lạc tại xã Tân Hiệp, quận Bến Tranh, Định Tường.

Kim Chương tự: do Đạt Bản thiền sư kiến lập năm 1755 với tên Thiên Trường tự. Về sau được đổi tên thành Kim Chương tự, nơi đông cung Nguyễn Phúc Dương được suy tôn kế nghiệp Chúa Nguyễn (1755).

Ba Hòn: Ba Hòn chỉ cho 3 hòn nhỏ mọc liên tiếp nhau tại ngã ba Hà Tiên Kiên Lương. Vùng Ba Hòn là vùng núi đá vôi mà Công ty Nhà Máy Xi măng Hà Tiên được thiết lập một lần với quận Kiên Lương.

Thủy quân triều Nguyễn có 15 vệ chia làm 3 doanh. Chỉ huy cấp doanh là Chưởng Vệ.

Thuyền buồm ngược gió phải lái theo đường gẫy (zigzag) một lượt lờ và một lượt lố.

Phật dạy: "Tu bồ đề! Các vị Đại Bồ Tát phải giữ tâm thanh tịnh, chớ nên sanh vọng tâm trụ chấp nơi sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần và pháp trần. Tóm lại, Bồ tát đừng khởi vọng tâm trụ chấp một nơi nào cả" (Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm).

Kinh Kim Cang lược giải (T. Thiện Hoa)

---o0o---

ĐÂU CHẴNG LÀ NHÀ

Gần gũi với bậc đạo đức cao tăng quả là có duyên phúc đặc biệt. Kinh nghiệm đó đã để với Trương Công Diệp, khi chàng sắp xa chùa, xa thầy để đi nhậm chức tỉnh xa. Đến từ giả thầy, Diệp không lặn xăn hỏi han như thường lệ, mà yên lặng quán sát để thu nhận tất cả hình ảnh thân yêu của bản sư vào tâm khảm. Thầy Thiện Hoa (*) có lẽ khám phá ngay sự khác lạ của người đệ tử, song thầy vẫn khoan thai rót trà mời chàng đôi ấm.

Diệp chợt nghĩ rằng chung trà từ giả phải được chàng thọ lãnh trong một sự tinh thức trọn vẹn. Vì vậy, chàng không buông lỏng tâm niệm, mà trang trọng nâng chung trà, ý thức giờ phút sống thực để uống trà một cách chững chạc. Trong không khí yên lặng âm cúng đó, Diệp cảm thấy như từ thân thể thầy tỏa ra niềm an lạc làm chàng bình an và hạnh phúc. Cái đạo đức vô hành này, trước đây, mỗi khi tiếp xúc với thầy chàng vẫn mừng tượng, nhưng lần này, nhờ yên lặng tinh thức chàng đã đón nhận trọn vẹn hơn. Thầy cũng chỉ rót nước uống trà bình thường, mà sao, trong cử chỉ đó tỏa ra chất liệu nhẹ nhàng mà trang trọng như một nghi lễ. Chính cái nghi lễ phát xuất tự nhiên đó đã tạo nên phong thái thiên vị cho chư thiên sư, mà kẻ phàm phu tục tử, dù có rập khuôn bắt chước, cũng chỉ lập lại các hình thức khô khan gò bó mà thôi.

Diệp lặng yên thưởng thức trà và chiêm ngưỡng phong thái của thầy, đến khi chợt khám phá rằng đã quá khuya mới đứng dậy cáo từ. Diệp ngần ngừ, nửa muốn thỉnh thầy một lời khuyên bảo cho nghề nghiệp, nửa muốn giữ cái không khí thiên trà nguyên vẹn, nên xá chào thầy thật thành kính mà thôi. Đưa Diệp ra cửa, vô tình thầy vỗ vai chàng dặn dò:

- Con à! Người Phật tử chỉ thấy lỗi mình chớ không thấy lỗi người. Cho nên, nếu phải phán xét người thì rất dè dặt, tự hỏi nếu mình ở trong hoàn cảnh của người thì sẽ hành động như thế nào?

Diệp là một thẩm phán trẻ phục vụ tại Toà Sơ Thẩm Sài Gòn. Diệp vốn có một năng khiếu đặc biệt phù hợp cho ngành thẩm phán. Một vụ án phức tạp, dù luật sư đôi bên có tung hỏa mù như thế nào, chàng cũng thấy ngay điểm căn bản cần tranh luận, và đưa ra những lý lẽ vững chắc viện dẫn lý do cho phán quyết. Điều khiển cuộc tranh luận cho phiên xử hình, Diệp cũng chững chạc đường hoàng, không lạc lối theo chi tiết thừa thải, mà khai thác đúng mức những điểm cần thiết sao cho các yếu tố cấu thành tội phạm, những điểm nghi vấn, gia trọng, giảm khinh đều được phân tích kỹ lưỡng, nhờ đó, việc xét xử trở nên vô tư minh bạch. Hăng say với chức vụ, yêu nghề, tự tin về khả năng và tư cách của mình, Diệp vô cùng hãnh diện. Chàng tự cho mình có thiên chức ban phát công lý cho người. Hành xử quyền này, Diệp đặt trọn vẹn niềm tin trên luật pháp công minh, rồi dùng thâm tín của mình để định án nhậm lệ tuyên xử "phẳng phẳng" dễ dàng, một cách vô tư lự, không màn nghĩ tới một lời tuyên bố "nhẹ hùi, dễ ợt" của mình lại là một biến cố trọng đại cho người trong cuộc.

Nhờ sớm thành công trong nghề, Diệp được thượng cấp bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Aùn Toà Hoà Giải Rộng Quyền Kiến Phong. Toà Hoà Giải Rộng Quyền là loại toà, về quyền hạn tương đương với Toà Sơ Thẩm, nhưng về nhân sự thì chỉ có một thẩm phán duy nhất giữ chức vụ Chánh Aùn, rồi kiêm nhiệm cả chức vụ Biện Lý và Dự Thẩm nữa. Loại Toà Aùn này, trên lý thuyết, trái với nguyên tắc phân quyền làm tổn thương đến quyền lợi bị cáo: Một thẩm phán vừa truy tố, điều tra rồi lại xét xử, dễ mang tiên kiến lúc sơ vấn nên mất vô tư. Mặc khác, tập trung quyền hành thì sanh lạm dụng, tha hay phạt tự do, mà có "nhám nhúa" cũng không mấy khó khăn.

Điều lạ lùng đối với Diệp, là tuy quyền hành được gia tăng, nhưng niềm tự tin, niềm hãnh diện về nghề nghiệp cứ giảm dần. Lời khuyên nhủ của bốn sư chàng vẫn tạc dạ không quên, do đó, khi xét xử vụ kiện hình sự nào, chàng thường tự đặt mình vào hoàn cảnh của bị cáo rồi mới phê phán hành vi của

họ. Từ đó, chàng khám phá rằng ngay cả những bị cáo "ác ôn" cũng chỉ là những kẻ tội nghiệp đáng thương, thậm chí, xét cho kỹ thì dường như không mấy ai thật sự đáng tội cả.

Trong một phiên toà, xử một vụ giả mạo khai sinh để trốn quân dịch, một tội rất thông thường trong thời chiến, bị cáo là những kẻ thật thà, nhút nhát, đáng thương. nhưng tội danh rõ ràng, nên Diệp chỉ thẩm vấn mấy mớ cho đúng thủ tục:

- Em bị truy tố, tại Kiến Phong ngày tháng năm. về tội giả mạo giấy khai sinh để trốn tránh thi hành nghĩa vụ quân dịch. Em trả lời sao?
- Dạ! Dạ!

Câu hỏi thì lòng vòng, mà bị cáo đang lúc sợ sệt bối rối, không biết phải trả lời sao cho đúng, nên bị cáo chỉ dạ rồi yên lặng. Diệp nhắc nhở:

- Em nhận tội hay không nhận tội?
- Dạ! Con nhận tội!

Hồ sơ giản dị, tội phạm rõ ràng và bị cáo cũng nhận tội, như vậy, Diệp đã có thể tuyên án phạt bị cáo 1 tháng tù là xong. Thế nhưng, hôm đó nhìn vẻ mặt học trò ngơ ngác của bị cáo, bỗng Diệp nảy sinh lòng lân mẫn. Chàng muốn buông một lời an ủi: "Sao em dại quá! Muốn trốn quân dịch thì có thể chạy theo các tổ chức tôn giáo, vào cảnh sát, vào cán bộ xây dựng nông thôn, hội viên xã ấp., còn khờ khạo sửa khai sinh thì dễ phát giác quá đi". Tuy nhiên, Diệp không thể công khai biểu lộ điều đó, nên ngập ngừng, rồi hỏi một câu lạc đề:

- Tại sao em lại phải cạo sửa khai sinh như vậy?
- Dạ! Tại con thi rớt!

Câu trả lời giản dị đó khiến Diệp giựt mình. Chàng nghĩ may mà mình thi đỗ liền tiếp nên mới được lên hương như ngày nay. Còn như nếu mình thi rớt như bị cáo thì sao? Gia đình mình thì nghèo chắc không mua nổi cấp bằng, mua giấy hoàn dịch vì lý do sức khoẻ. Có lẽ rồi mình cũng giả mạo khai sinh như nó. Nó hên thì nó ngồi chỗ của mình. Mình xui thì mình đứng ở dưới vành móng ngựa đó. Nhìn thằng bé đang gục đầu hổ thẹn, Diệp rất mong được vỗ về: "Em ơi! Trốn quân dịch thì chẳng có gì xấu hổ! Ai mà chẳng muốn trốn quân dịch. Chỉ khác ở điểm kẻ nhiều phương tiện, may mắn thì trốn quân dịch hợp pháp, còn kẻ dại khờ, kém may thì trốn quân dịch bất hợp pháp, vậy thôi".

Vụ án khác gây giao động không ít cho Diệp là trường hợp bé Nguyễn Văn Liên, 13 tuổi, can tội móc túi tại chợ Cao Lãnh. Em Liên là trẻ bụi đời, không cha mẹ, không nhà cửa, từng có 3 tiền án cũng về tội trộm, việc vào tù ra khám rất thường tình, nên em không lộ vẻ gì sợ sệt. Trường hợp này, nếu Diệp phạt Liên 3 tháng tù ở rồi quên phức đi thì cũng an ổn tâm thần. Nhưng Diệp đã có thói quen, tự đặt mình vào hoàn cảnh người khác rồi, nên chàng cứ suy tư lắm lắm. Cở tuổi đó, nếu mình ở trong hoàn cảnh không nhà cửa, không cha mẹ bà con nương tựa, thì làm cách nào mà sinh sống đây, có lẽ, đành phải trộm cắp vậy. Từ nhỏ, mình đã được cha mẹ, thầy học dạy bao điều đạo đức, lại thọ tam quy ngũ giới với bậc cao tăng, mà lòng tham lam của mình có giảm được bao nhiêu đâu? Vậy thì sao mình lại có thể trách một đứa trẻ con, vốn kém may mắn không được ai dạy dỗ, về tội tham lam trộm chút đỉnh tiền còm để sinh tồn sao? Mà ở đất nước này, trộm cắp cũng là việc bình thường quen thuộc của mọi người. Những Ông tai to mặt lớn, từ vị lãnh đạo cao nhất nước cho đến các vị chỉ huy tỉnh, quận đều là những tay ăn cắp thượng thặng, mà có ai dám lên án họ đâu? Thật mỉa mai khi Toà án, nhân danh công lý, để chỉ bắt nạt đám ăn cắp vặt, hồi lộ tép riu, chớ nào đụng được "sợi lông chân" của giới tham ô cá mập. Diệp cảm thấy thật xấu hổ, khi nhớ mình đã từng tin tưởng tuyệt đối vào cán cân công lý và hãnh diện về chức năng xử án của mình.

Diệp gục đầu, không dám nhìn bị cáo, tuyên án nho nhỏ:

"Xác nhận Nguyễn Văn Liên phạm tội trộm.

Truyền giao bị cáo cho Trung Tâm Giáo Hoá Thiếu Nhi Thủ Đức cho đến khi 18 tuổi"

Đó là phán quyết mà Diệp tin tưởng là hợp lý, vì chàng hi vọng bé Liên sẽ được dạy dỗ nên người và được huấn nghệ để có tương lai về sau.

Hàng tháng, hành xử chức vụ Biện Lý, Diệp vẫn thanh tra Trung Tâm Cải Huấn Tỉnh. Thông lệ Diệp chỉ viếng phòng giam thường phạm đã thành án và chánh trị phạm theo nguyên tắc thuộc quyền quản chế của Bộ Nội Vụ. Khám đường khá rộng, nhưng cũng không đủ sức chứa số tội nhân chánh trị ngày càng gia tăng, nên chi, đêm đêm tù nhân phải chen chúc nằm nghiêng sát vào nhau, - đôi khi còn phai co chân lại - để ngủ. Phòng giam kín mít, nóng bức, mồ hôi tù ướt đầm đọng thành vũng trên nền xi măng, không khí ngột ngạt hôi hám khiến cho đêm nào, cũng có người ngất xỉu. Theo luật, thì tù nhân thiếu nhi phải giam giữ riêng để tránh tiêm nhiễm thói hư tật xấu của

người lớn hoặc phòng ngừa việc trẻ con bị hành hạ, lạm dụng tình dục. Vì tình trạng thiếu phòng giam, nên thiếu nhi bắt buộc phải giam lẫn lộn với người lớn. Đó là mối bận tâm của Diệp, nên chàng lưu ý từng trường hợp thiếu nhi để giải quyết trả tự do thật nhanh. Do đó, dù bé Nguyễn Văn Liên nay là phạm nhân thành án, không còn thuộc quyền quản lý của cơ quan tư pháp, Diệp vẫn theo dõi việc chuyển giao em về trại giáo hóa. Từ đó, Diệp mới khám phá được sự thật phũ phàng tại Trại Giáo Hoá Thiếu Nhi ở trong tình trạng thặng dư nhân số từ lâu, nên không nhận thêm một thiếu nhi nào nữa. Bộ Nội Vụ im lìm không thông báo cho cơ quan tư pháp tình trạng thực tế, mà giải quyết âm thầm là tiếp tục giam giữ trong khám thường đối với trẻ em có bản án giáo hoá. Vô tình những bản án gởi đi giáo hoá đầy tình thương lại trở thành những bản án khắc nghiệt. Năm năm giáo hoá biến thành năm năm tù ở. Điều đó thật trái lòng chàng. Đó là sự phi lý và bất công mà Diệp đã làm vì chàng quá ngây thơ tin tưởng vào bộ luật thiếu nhi phạm pháp đầy nhân đạo. Can thiệp với Toà hành chánh tỉnh vô hiệu, Diệp thỉnh cầu Bộ Tư Pháp đặt vấn đề với Bộ Nội Vụ thì bị khiển trách đã dẫm chân lên quyền hành pháp. Diệp thỉnh kể các vị đàn anh trong nghề, nhưng ai cũng lắc đầu vô vọng trước nguyên tắc không thể xử lại việc đã xử rồi. Năn nỉ mãi, Diệp được vị Chương lý nhân từ, chấp nhận đưa nội vụ trở ra Toà, nếu như đưa bé được một cơ sở từ thiện bảo lãnh và có phúc trình của Trung Tâm Cải Huấn là bé Liên đã cải hối lỗi lầm. Thế là thủ tục được tiến hành khẩn cấp. Viện Chương lý, căn cứ vào sự kiện mới, nhân danh quyền lợi của trẻ vị thành niên, yêu cầu Toà Kiến Phong xét xử trong phòng thẩm nghị. Diệp mừng rỡ tuyên án phóng thích bé Liên, sau khi đã điều đình với thầy Chánh đại diện Phật giáo tỉnh nhận lãnh em về nuôi nấng dạy dỗ.

Kinh nghiệm vụ bé Liên khiến Diệp cẩn thận hơn khi thanh sát nhà giam. Chàng hỏi han săn sóc từng tội nhân, kể cả những người không do chàng giam giữ, nhờ đó, chàng khám phá trường hợp thương tâm của bé Cải. Bị cáo Nguyễn Thị A, bị truy tố về tội thiên dương, khi bị Toà giam giữ đã mang thai 8 tháng. Bé Cải được mẹ sanh ra trong tù, nên em đành sống kiếp tù tội bên mẹ gần 3 năm rồi. Vị Chánh án tiền nhiệm khi giam người đàn bà, không ngờ đã giam luôn đứa bé vô tội. Các viên chức thuộc Viện Chương lý cũng không ngờ điều đó, nên thủ tục con rùa tư pháp kéo dài 3 năm rồi, mà hồ sơ vẫn chưa đưa ra Toà đại hình xét xử. Ôu những nước văn minh, Toà án khi giam giữ cha mẹ, có nhiệm vụ phải tìm người bảo trợ cho trẻ nhỏ. Trẻ em Việt Nam không có may mắn đó. Diệp thật xót xa, khi nghĩ đến tuổi trẻ thơ ngây, thay vì được nuôi nấng trong bầu không khí lành mạnh, bé Cải phải chôn vùi trong bốn bức tường u ám, chỉ biết bầu bạn với lo âu, sợ hãi, bệnh hoạn, đói rách mà thôi.

Diệp lên viện Chương lý vận động đưa nội vụ ra phiên xử đại hình gần nhất.

Phiên xử đại hình hôm đó thu hút đông đảo đồng bào tham dự, một phần vì Toà Đại Hình long trọng với thành phần xử án hùng hậu, với tiểu đội lính chào kính uy nghiêm. Phần khác, vì vụ án thiên dương là vụ án gây xôn xao dư luận mấy năm về trước.

Diệp ngồi ghế Chánh thẩm, bên cạnh là hai vị thẩm phán phụ thẩm và bốn vị bồi thẩm nhân dân. Sau khi xác định lý lịch bị cáo, Toà tuyên bố xử kín vì liên hệ đến thuần phong mỹ tục. Bị cáo Nguyễn Thị A khai vợ chồng thị ăn ở với nhau được hai năm thì người chồng bắt đầu bỏ bê lang chạ với những người đàn bà khác. Tình trạng đó ngày càng tệ hơn, thị ghen tuông thì bị chồng chửi mắng đánh đập, do đó, thị nghĩ đến việc thiên chồng, để y vĩnh viễn là của riêng mình. Nghĩ sao làm vậy, chờ chồng ngủ thị dùng lưỡi lam cạo râu thật sắc, cắt phăng "của quý" chồng. Nạn nhân khai có bay bướm chút đỉnh, nhưng không ngờ nét ghen của vợ quá dữ. Thừa lúc y ngủ, người vợ cắt lia "của quý", y được lối xóm chở ngay đến bệnh viện chữa trị. Nhờ phái đoàn hợp tác y tế Hoa Kỳ lưu động đến Kiến Phong trong thời gian này may vá lại, mấy tháng sau thì y lành lặn bình thường. Sau đó, y thỉnh cầu Toà án cho ly dị với Nguyễn Thị A, rồi kết hôn với người đàn bà khác, nên không thể lo lắng gì được cho bé Cải.

Tội thiên dương nguyên là tội cố ý gây thương tích với trường hợp gia trọng là thiên bộ phận sinh dục nam giới. Tội cố ý gây thương tích thường chỉ là tội tiểu hình, hình phạt tương đối nhẹ. Nhưng với trường hợp gia trọng thiên dương thì hình phạt là khổ sai chung thân. Trong trường hợp này, dầu được khoan hồng tối đa thì hình phạt nhẹ nhất là 5 năm cấm cố. Vì vậy, khi ban hình nghị án, Diệp trình bày về hoàn cảnh đáng thương của bé Cải, để thuyết phục mọi người chỉ xác nhận tội cố ý gây thương tích thường và trả lời không đối với câu hỏi về trường hợp gia trọng. Nhờ vậy, Diệp có thể tuyên án vừa phải để mẹ con Nguyễn Thị A, được tự do ngay sau phiên xử.

Kết thúc phiên xử đại hình, Diệp cảm thấy mệt mỏi, nên lái xe đến chùa Tịnh Hội Phật Giáo, hi vọng tìm được phút giây an nhàn thoải mái. Sau phần lễ Phật, Diệp đàm đạo với thầy Chánh đại diện. Câu chuyện không chủ đề lần lần xoay quanh vụ án nóng hổi. Hình ảnh của một Hoạn Thư thời đại khiến Diệp liên tưởng đến câu truyền khẩu quen thuộc, nên hỏi thầy:

- Thưa thầy! Người ta nói: "Cao Lãnh có hai điều nổi tiếng: Thứ nhất đàn bà, thứ hai gà chọi", ý nghĩa như thế nào? Thưa thầy!

- Lời phê phán đó đã xuất hiện lâu đời, nhằm đề cao đức tính can trường chứ không chỉ cho tính dữ dằn hoặc ghen tuông. Nguyên gà nòi Cao Lãnh được nổi tiếng vì gan lì, chiến đấu đến chết chứ không thua chạy. Đàn bà Cao Lãnh vào thời người Pháp xua quân đánh chiếm ba tỉnh miền Tây, đã sát cánh với chồng chiến đấu chống xâm lăng trong đội quân của Thiên Hộ Võ Duy Dương. Khi Pháp đánh chiếm Cao Lãnh, nghĩa quân bị tan rã phải rút về Đồng Tháp. Trong hàng ngàn xác chết, người ta đếm được cả trăm nữ phái. Đàn bà Cao Lãnh đã nổi tiếng từ đó.
- Tinh thần bất khuất của người xưa đến nay con mới được biết, thật là đáng tiếc!
- Có việc này, cũng là việc người xưa mà tôi dự định trình bày với Ông Chánh án mấy lần, nhưng cứ ngần ngại.
- Xin thầy cứ tự nhiên.
- A! xưa có một người hành nghề ti tiện được tổ sư tôi cho cất một chòi lá cuối miếng đất chùa để cư trú. Một hôm, người ấy đến gặp tổ sư báo tin sắp lìa trần, nên xin tổ sư lo giúp những nguyện vọng đã ghi trong phong thơ lớn dán kín. Tổ sư tuy thấy người có thái độ kỳ lạ, nhưng vẫn nhận lời ủy thác, rồi dặn dò đệ tử luân phiên viếng thăm theo dõi. Chỉ hai ngày sau, thì sư phụ tôi khám phá được người ấy đã chết trong tư thế ngồi thiền, trong chiếc chòi lá. Lúc đó, mở phong bì ra, đọc thơ uỷ thác, thầy tổ mới biết người là một vị sư, sở học cao rộng, đội lốt cư sĩ hành nghề ti tiện để lập hạnh. Ngài để lại một số tiền lớn, trích một phần để hoả táng, phần lớn còn lại xin để tu bổ ngôi chùa. Ngoài ra, người xin tổ sư lưu truyền phong thơ còn lại, cho đến khi có vị thẩm phán họ Trương đến trấn nhậm tại Cao Lãnh thì xin trao lại dùm. Thuở đó, Cao Lãnh chỉ là quận của Sa Đéc, mà Sa Đéc cũng chưa lập được Toà án, nên mọi việc tranh tụng đều thuộc thẩm quyền của Toà Sơ Thẩm Vĩnh Long. Di vật của người xưa truyền đến đời tôi là ba đời, tôi cũng không tin tưởng thực hiện được. Không ngờ Cao Lãnh lại được biến cải thành tỉnh, rồi Toà án cũng được thành lập. Và bây giờ, Ông Chánh án lại đúng họ Trương. Nên theo đúng di chí của người xưa tôi xin trao lại phong thơ này cho Ông Chánh án.

Câu chuyện thật hoang đường khó tin, Diệp lịch sự, không biểu lộ vẻ nghi ngờ, nhưng cũng ngần ngại không cầm phong thơ, mà chỉ hỏi:

- Thưa thầy! Chữ nho ngoài phong bì ý nghĩa ra sao vậy thầy!
- Trương công Tường tuyệt bút - Thầy Chánh đại diện, vừa chỉ từng chữ, vừa đọc

Diệp kinh sợ đến rợn người. Ông cố chàng chính tên là Trương Công Tường, người đã đi làm cách mạng chống Pháp rồi bị mất tích, không ngờ người lại viết chúc thơ để lại cho mình. Diệp hấp tấp, mở phong thơ cô kính ra, xin thầy đọc và giải thích dùm nội dung di cảo.

Trương Công Tường là con thứ của cố lãnh binh Trương Công Định, vị lãnh tụ kháng chiến chống Pháp tại các vùng Tân An, Gò Công. Khi thân phụ bị tên Việt gian Huỳnh Công Tấn bội phản hướng dẫn bọn chó săn Pháp phục kích tử trận tại Chợ Gạo ngày 19.8.1864, thì Tường mới 18 tuổi, quá nhỏ bé không thể theo anh là Trương Công Huệ, lui quân về Tây Ninh tiếp tục chiến đấu. Tường được mẹ đưa đi lẫn trốn tại Rạch Kiến, rồi dời đến Gò Đen, mà vẫn bị bọn Huỳnh Công Tấn rình rập. Sau cùng, mẹ con phải di chuyển đến Ba Tri, nương náu với người bạn thân giao của thân phụ là cụ đồ Nguyễn Đình Chiểu. Theo học với cụ đồ gần 10 năm tuy văn tài đã vượt bực, nhưng Tường không hề nghĩ đến việc thi cử theo truyền thống xưa vẫn còn tổ chức tại Trung và Bắc kỳ để vinh thân phì gia. Chàng chỉ tâm niệm nối chí cha đem thân mạng của mình để trang trải cho đất nước. Tuy nhiên, Tường lại là người con chí hiếu vâng phục mẹ. Cụ bà thương con ngăn cấm con theo vết chân cách mạng hiểm nghèo. Do đó, Tường phải chọn nếp sống thôn dã phụng dưỡng mẹ. Rồi chàng cũng phải lập gia đình, để cho người mẹ già trọn đời khổ sở hi sinh cho chồng con, được yên lòng. Tuy nhiên, Tường vẫn ngấm ngấm chuẩn bị con đường cách mạng của mình. Chàng tự học chữ quốc ngữ, chữ Pháp để nâng cao trình độ hiểu biết, rồi liên lạc kết giao với những người đồng chí hướng. Đến năm 1893, cụ bà qua đời. Trong các nhân vật đến phúng điếu, có rất nhiều phần tử cách mạng, kể cả Trần Cao Vân, người bạn trẻ mới vừa ra tù, nên mật thám Pháp bắt đầu hoài nghi hoạt động của Tường. Sự kiện đó thúc đẩy Tường thoát ly để dán thân cho đại cuộc.

Cùng với Trần Cao Vân, Tường đã bốn ba từ Bắc chí Nam để kết nạp đồng chí, họp bàn kế hoạch khởi nghĩa. Lúc đầu, đối tượng chọn lựa đồng chí lẫn quần trong giới sĩ phu. Lần lần, Tường nhận chân rằng nho giáo suy đồi mất hẳn vai trò lãnh đạo quần chúng, vì kẻ đắc thời thì chỉ cút cung trung thành với mẫu quốc, kẻ thất thời thì cô đơn lạc lõng trước làn sóng tân học rợn rịp. Để tránh sự doom ngó của chánh quyền, những người yêu nước thường xử dụng chùa chiền như một quán trọ, một điểm hẹn vừa an toàn vừa miễn phí. Từ đó, những người yêu nước khám phá rằng chùa chiền vẫn giữ vững vai trò hướng dẫn tinh thần quần chúng, vì vậy, việc tổ chức kháng chiến chống

Pháp, nếu muốn gặt hái thành công nhất định phải được hậu thuẫn của giới tu sĩ Phật giáo.

Trần Cao Vân, thiếu thời tu tại chùa Cổ Lâm, làng An Định, Quảng Nam, từng liên hệ với các tổ đình miền Trung, nên được ủy nhiệm móc nối các tu sĩ yêu nước. Cuộc vận động tiến hành theo chiều hướng thuận lợi. Trong số tu sĩ được kết nạp có Võ Trứ, đệ tử của Hoà Thượng Đá Bạc, là người yêu nước nhiệt thành, lại có khả năng lãnh đạo, tổ chức, nên đã tạo dựng được một hậu thuẫn sâu rộng trong quần chúng Phú Yên. Trong một phiên họp cấp lãnh đạo tỉnh nhằm ngày rằm tháng bảy năm Đin Dậu (1897) tại chùa Từ Quang, núi Đá Trắng, Sông Cầu, một chương trình hành động đã được chuẩn phê cho một cuộc nổi dậy đồng loạt khắp Trung kỳ vào cuối năm 1899. Theo kế hoạch, Võ Trứ được ủy thác công tác xây dựng lực lượng dân quân hai tỉnh Bình Định và Phú Yên. Trần Cao Vân lãnh trách nhiệm Nam Ngãi và Trương Công Tường phụ trách từ Khánh Hoà trở về Nam. Võ Trứ phát triển tổ chức quá nhanh chóng. Cán bộ, dân quân kết nạp tương đối dễ dãi, do đó, đã lộ vài sơ hở khiến mật thám Pháp phát hiện vài manh mối để phát động chiến dịch truy lùng các phần tử cách mạng. Trong tình thế tấn thối lưỡng nan đó, cuối tháng 8 năm 1898, Võ Trứ đột ngột đơn phương quyết định đưa dân quân, dàn thành ba mặt tấn công vào tỉnh lỵ Phú Yên. Quyết định hấp tấp này, khiến dân quân các tỉnh lân cận bối rối vì không kịp chuẩn bị nên bất động, và do đó, cuộc nổi dậy tại Phú Yên trở nên đơn độc. Chỉ trong một thời gian ngắn, dân quân quả cảm nhưng ô hợp, đã bị toán lính tập tinh nhuệ đánh tan rã, và tàn sát thảm khốc. Các nhân vật lãnh đạo, trong đó có Võ Trứ và hoà thượng Từ Quang lần lượt bị bắt giữ. Để tránh tổ chức bị phá vỡ toàn diện, các cơ sở dân quân tỉnh lân cận quyết định tự giải tán. Các nhân vật lãnh đạo phân tán khắp nơi che dấu tung tích. Trần Cao Vân được đệ tử đưa lên miền Thượng du trốn trong động Bà Thiêng. Tường vội vã lánh về miền Nam, nhưng thấy khó thoát màn lưới mật thám bủa vây, và nhớ lời dặn dò của sư cụ Từ Quang, nên tìm đến am Linh Quang, núi Trà Cú, Phan Thiết để nương náu với pháp đệ của sư là sư Huệ Đạt.

Khi đã dần thân làm cách mạng, Tường đã chấp nhận cái chết nhẹ nhàng, nhưng tin tức vụ hành hình các nhân vật lãnh đạo "giặc thầy chùa", vẫn khiến cho Tường xúc động mãnh liệt. Tường lang thang đứng bên ghềnh đá cheo leo, lòng rói ren trăm mối. Tuyệt vọng vì tổ chức tan nát, ước mơ khởi nghĩa sụp đổ, thân trai đành nhục nhã trước cảnh ngoại bang xâm lược đất nước mà không làm gì được, tất cả điều đó khiến Tường mất hẳn ý chí sinh tồn, chàng muốn giao mình tự tử đền nợ nước như người xưa. Bỗng dung hình bóng khả kính của sư Từ Quang hiện về. Hoà thượng là bậc đạo đức cao

tăng, bao dung che chở cho các phần tử yêu nước nên bị anh em lợi dụng, biến ngôi chùa thành địa điểm hội họp, rồi đẩy đưa sư vào con đường nguy hiểm. Thật ra, sư chủ trương tranh đấu bất bạo động, và dĩ nhiên, không đồng tình với giải pháp khởi nghĩa vũ trang đẫm máu khó thực hiện. Sư khuyển lơn năn nỉ mãi, nhưng không ai nghe. Mặc dù ý kiến bất đồng, sư vẫn vui vẻ hết lòng hết sức đóng góp cho tổ chức, bởi vì "kẻ tu hành, đối với việc phải thì đem hết thân sức mình ra phục vụ, có chết cũng không từ nan. Tuy nhiên, làm mà không mong cầu, không hậu ý, không để tâm vọng động với thịnh suy, thành bại. Thành cũng không mừng vui kênh kiệu. Bại cũng không chán nản đau buồn". Tường bỗng bình tĩnh trở lại. Lời nói của sư ngày xưa, giờ đây Tường mới hiểu đó là lời dặn dò cho chàng trong bước đường cùng tuyệt vọng. Chàng đã hết lòng hết sức mình phục vụ cho đất nước là đủ. Việc thất bại không có gì đáng hổ thẹn, buồn phiền nữa. Nhìn lại bộ áo thầy tu, mà chàng đã tạm mặc từ ngày lên núi, tự nhiên Tường quyết định, dù tu bất đắc dĩ tạm thời, thì Tường cũng phải hành sao cho đảng hoàng, chững chạc, thì mới không có phụ lòng thương bao la của hoà thượng Từ Quang và sư Huệ Đạt.

Thế rồi Tường bắt đầu để tâm học Phật. Càng tìm hiểu, Tường càng thấy đạo Phật chất chứa tinh thần bình đẳng phá bỏ giai cấp, lại đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn muôn loài, thật là phù hợp với hoài bão cách mạng mà chàng ấp ủ. Huống chi, Phật giáo lại tạo dựng tinh thần hùng anh cho cả nước. Trong thời Phật giáo hưng thịnh Lý Trần, thì đất nước ta oai dũng phạt Tống, phá Nguyên, bình Chiêm. Khi Phật giáo suy đồi mà nho giáo hưng thịnh, thì nhân tâm mới ly tán, đất nước lằm thang. Từ đó, Tường lại mang hoài bão đem đạo Phật đi vào cuộc đời, xây dựng phục hưng Phật giáo tức là xây dựng và phục hưng đất nước.

Tường chánh thức thọ giới sa di, pháp danh Tâm Tịnh, rồi chỉ hai tháng sau thọ cụ túc giới. Nhờ saün có trình độ hán học uyên bác và tinh thần quyết tâm cầu học, chẳng bao lâu, TâmTịnh đã được thầy trao truyền trọn vẹn sở đắc Phật Pháp. Dù vậy, mỗi khi có vị tôn túc hoà thượng nào giảng dạy kinh luận, sư cụ Huệ Đạt thường gửi đệ tử đến theo học, nhờ vậy, TâmTịnh có dịp trao dồi thêm kiến thức Bát Nhã với Hoà Thượng Thập Tháp Bình Định, Duy Thức với hoà thượng Thiên Án Quảng Ngãi, Lăng Già với Hoà Thượng Pháp Ân Phú Yên. Tu tập hơn chín năm, tuổi ngoài 50, TâmTịnh nghĩ đã đến lúc xả thân phục vụ cho dân tộc và đạo pháp. Sư đề khởi dự án vận động một cao trào cách mạng giáo chế, giáo sản và giáo lý, theo đó, giáo hội thống nhất vững mạnh quản lý tài sản chung để đủ năng lực hoàn thành sứ mạng đào tạo tăng tài, hướng dẫn Phật tử tu học trên căn bản thực tiễn

xây dựng xã hội làm đẹp cuộc đời, đồng thời loại bỏ những hủ tục mê tín dị đoan ra khỏi cơ sở Phật giáo.

Để tiến hành ước mơ hoàng dương này, TâmTịnh chọn Phan Thiết làm thí điểm. Thầy tạm trú với pháp huynh Tâm Không tại Long Hoa tự, tỉnh lý Phan Thiết. Tâm Không, tuy mới hơn 40 tuổi, nhưng đã xuất gia trước TâmTịnh gần 10 năm, nên đã xây dựng được một uy thế khá vững tại đây. Tâm Không sốt sắng hướng dẫn TâmTịnh liên lạc các vị trụ trì trong tỉnh để trình bày viễn ảnh một tổ chức Phật giáo thống nhất. Đồng thời, TâmTịnh cũng bắt đầu đăng đường thuyết giảng Phật Pháp cho giới cư sĩ. Nhờ lối trình bày đạo Phật thực tiễn, xử dụng phương pháp nghiên cứu tân học, dễ hiểu, rõ ràng, hợp với khoa học. nên những bài pháp đã thành công rực rỡ. Phật tử trẻ tân học quy ngưỡng về sư đông đảo, tạo thành một phong trào học Phật hào hứng tại địa phương. Ảnh hưởng đó lan rộng mãi, làm giới người Pháp cũng hiếu kỳ tìm hiểu. Thoạt tiên, Ông Tây nhà giấy thép (2) đến quy y với sư, rồi Ông ta kéo theo Ông Kho Bạc và Ông Trường Tiền nữa. Trong khi ấy, việc vận động về một tổ chức giáo hội thống nhất trong giới tu sĩ lúc đầu phần khởi, nhưng ngày càng đình trệ do những nguyên nhân thâm kín khó mở lời. Nguyên TâmTịnh là mẫu người dẫn thân cho lý tưởng, trọn đời dâng hiến cho dân tộc và đạo pháp, nên làm tu sĩ nào bụng dạ cũng như mình. Thật ra, tuy các ngài lúc nào cũng đề cao thuyết vô thường, vô ngã, nhắc nhở đệ tử buông xả để khỏi đắm nhiễm cuộc sống giả tạm., nhưng tâm phần đông các Ngài lại bám riết vào cái chùa tư hữu, để bảo vệ "cái ta" thật lớn, xây dựng đám đệ tử riêng của ta thật trung thành., nên không mấy ai tán đồng đường lối cách mạng giáo sản. Còn việc mê tín dị đoan, tuy sai lệch giáo lý nhà Phật, nhưng lại là phương tiện hữu hiệu để kiếm tiền bỏ đi thật là bất tiện. Ngoài ra, sự kiện sư TâmTịnh bành trướng thế lực mạnh và nhanh quá lại sanh phản ứng bất lợi ngấm ngấm. Phật tử khắp nơi đổ dồn về quy y sư rồi lơ là với chùa cũ, khiến cho các vị tu sĩ bụng dạ hẹp hòi đâm ra ghen ghét. Gần đây, TâmTịnh nhận thấy dường như pháp huynh Tâm Không có điều chi là lạ mà xa lánh mình, nên dự định tìm pháp huynh để hàn huyên, đồng thời, cũng thử đề nghị pháp huynh gánh vác chức vụ thủ quỹ tạm cho Ban Vận Động Thống Nhất, hầu nhận giữ số tiền cúng dường khá to, mà trong các thời pháp, sư đã quyên góp được. Sư chưa kịp rời phòng, thì bỗng có người tín nữ tên Diệu Đức hấp tấp chạy vào chùa với vẻ khẩn trương, ràn rụa nước mắt, lập vấp tiếng được tiếng không:

- Nguy rồi thầy ơi! Người ta ở Chùa này, tố cáo với Ông Cò Mật thám rằng thầy chính thật tên là Trương Công Tường, một lãnh tụ của "giặc thầy chùa", giả dạng làm thầy tu để mưu đồ chánh trị chống Pháp.

Chồng con cho biết Ông Cò đã điện về Saigon và Phú Yên để điều tra lý lịch thầy. Chắc rồi sẽ có lệnh bắt thầy ngay hôm nay.

Chồng của tín nữ Diệu Đức là cánh tay mặt của viên Cò Mật thám nên đã cho tin rất chính xác. Tục danh của sư giữ bí mật, làm sao Mật thám biết được, nếu không bị tố giác từ kẻ thân tình.

Sư bình tĩnh mở tủ chọn vài vật tùy thân kèm theo một ít tiền dần túi, để chuẩn bị đi ngay. Gói bạc kết sù trong tủ, - có chăng là nguyên nhân khiến cho lòng người thay đổi chăng? - thì sư để lại. Sư đã phát nguyện cúng dường số tiền này cho công cuộc vận động thống nhất giáo hội, nên hi vọng, pháp huynh Tâm Không nghĩ lại, xử dụng tiền đúng theo hoài bão mà hai huynh đệ đã thao thức vạch ra.

Rồi sư lặng lẽ ra đi. Sư đón xe đi về hướng Phan Rang, nhưng vừa đến Mũi Né thì ghé lại, tìm người đệ tử thân tín để dùng thuyền đánh cá xuôi về Bà Rịa. Nhờ cẩn thận đánh lạc hướng bọn Pháp, sư lẩn trốn về Gia Định an toàn. Đoạn sư chọn ngôi chùa Hưng Long tại xóm Cây Quéo vắng vẻ để xin tá túc. Thời gian này, TâmTĩnh bị khủng hoảng tinh thần trầm trọng. Sư khổ đau bức rức đến mức điên loạn vì triển vọng rục rờ của công cuộc vận động chấn hưng Phật giáo đã bị phá hủy bởi kẻ gian hiểm, khiến cho sư vĩnh viễn không thể lộ diện để gánh vác bất cứ một trọng trách công khai nào cho dân tộc và đạo Pháp. Sư không muốn nhớ nghĩ tới mà tất cả những sự việc xưa đều hiện về để rồi thương yêu, vui buồn, hờn giận. thi nhau cấu xé tâm nào sư. Sư chán nản tu tập, ghét bỏ hạnh nguyện, phỉ báng tương lai mình. Thậm chí, sư định hoàn tục, nhưng hoàn tục để làm gì? Để trả thù chăng? Sư phân vân không hiểu cả chính mình?

Sống trong chùa lạ, để tránh bị hoài nghi, sù trong tâm sư hỗn loạn như một bãi chiến trường, sư cũng che giấu bằng cánh bận rộn đọc tụng kinh điển. Sư đọc tụng như một cái máy vô tri, bởi vì tâm của sư lúc nào cũng chỉ lẩn quẩn với quá khứ đau buồn hay phiêu lưu theo tương lai vô vọng mà thôi. Một hôm, nhân tụng một phẩm kinh nhỏ, nhan đề "Kinh người biết sống một mình" (3), sư có cảm giác gì khác lạ nên đọc lại lần nữa:

"Đừng tìm về quá khứ

Đừng tưởng tới tương lai

Quá khứ đã không còn

Tương lai thì chưa tới

Hãy quán chiếu sự sống

Trong giờ phút hiện tại

Kẻ thức giả an trú

Vững chãi và thanh thoi

Phải tinh tiến hôm nay

Bỗng ngày mai không kịp.

Sư tức khắc quán chiếu sự sống trong giờ phút hiện tại, và trong khoảnh khắc sư an trú được trong chánh niệm. Bao nhiêu mây mờ dẫn dắt về quá khứ và tương lai đều bị xoá tan, như khi mặt trời xuất hiện thì bóng tối liền biến mất. Sư bình tĩnh rút tỉa được những kinh nghiệm tu tập bản thân đặc giá. Thực tế là bao năm dài tu ẩn non cao, sư tự hào mình đã diệt được thất tình, không ngờ khi đối diện với bầy rập của xã hội, thì mới khám phá được rằng công phu hàm dưỡng của mình vẫn chưa thành tựu. Tham sân si trốn biệt trong hốc kẹt sâu thẳm, chỉ chờ đủ cơ duyên là đã hoành hành dữ dội. Té ra, "tu ở chợ" tuy ồn ào, dễ bị sa ngã, nhưng cũng giúp hành giả khảo sát được chính mình. Thảo nào, chư cô đức sau khi ngộ đạo, thường "thông tay vào chợ" độ đời để loại trừ vô minh vi tế còn sót lại. Nghịch duyên tại Phan Thiết biết đâu chẳng là điều may mắn, nhắc nhở mình tu tập, nếu không, say mê với thành công lớn lao, tham sân si sẽ có dịp tăng trưởng, thúc đẩy mình hành động tội bại mà cứ tưởng là độ đời.

Không thể công khai hoằng pháp, sư quyết tâm chọn con đường thiền định để đạt giác ngộ, nên bắt đầu đi tham lễ khắp các tự viện, bái yết chư tôn túc hoà thượng cầu pháp tham thiền. Sư được hoà thượng Tập Phước (Gia Định) dạy tham công án "Vô" (4) của tổ Triệu Châu. Sư theo đó chuyên cần tham cứu đêm ngày đã được 3 năm. Tuy nhiên, sư chỉ an lạc trong thiền duyệt mà không khởi nghi tình được. Cổ đức dạy: "Nghi lớn ngộ lớn. Nghi nhỏ ngộ nhỏ. Không nghi không ngộ". Nguyên Tâm Tịnh là bậc học cao hiểu rộng. Kinh điển nào sư cũng tinh thông. Ngữ lục nào sư cũng đọc qua. Công án nào sư chẳng từng nghiên cứu, suy luận, tìm hiểu. Sư đã nắm vững được lý như huyền, và dùng lý này như gươm báu đốn ngã tất cả công án không còn gì trở ngại. Điều đó chứng tỏ sư đã có kiến giải về công án, nhưng ngộ đạo thì chưa được.

Sư phân vân mong mỗi được chư tôn túc hoà thượng chỉ dạy chỗ bế tắc, nhưng hoà thượng Tập Phước đã qua đời. Sư bái kiến hoà thượng Tây Hưng (Sa Đéc) thì ngài dạy tham công án "Càn thì quyết" (5) tức "Que cút khô" của tổ Vân Môn. Sư dụng công thì cũng rơi vào tình trạng cũ. Trong thời gian này, TâmTịnh được thân cận với sư Chí Thành, người bạn trẻ hơn sư vài tuổi, nhưng qua phong thái an nhiên tự tại của Chí Thành, TâmTịnh thâm hiểu bạn mình đã có sở ngộ đặc biệt. Chí Thành khuyên TâmTịnh tham vấn sư phụ mình là hoà thượng Phi Lai tại Châu Đốc, để được dẫn dắt. Sư tu tập tại chùa Phi Lai hai năm trời ròng rã, công quả cực nhọc không kể xiết, mà tâm không hề thoái chuyển. Một hôm, sư lấy hết can đảm quỳ lạy hoà thượng để xin người chỉ giáo.

Hoà thượng Phi Lai yên lặng nhìn TâmTịnh thật lâu, đoạn phán hỏi:

- Tây Hưng dạy ngươi những gì?
- Dạ thưa! Ngài dạy con tham cứu công án "Càn thì quyết".

Hoà thượng bỗng nhiên nổi giận, người găm lên:

- Đồ mất dạy! Sao ngươi dám nói với ta chuyện dơ dáy đó. Thèm que cút khô thì cứ nhảy vào đóng phân mà ngủi.

Thái độ bất ngờ của hoà thượng làm TâmTịnh bối rối, chẳng biết làm sao cho phải. Đang chần chờ, thì hoà thượng đã xua đuổi quyết liệt:

- Cút mau đi! Thằng ngốc!

TâmTịnh thất vọng não nề. Hai năm thấp thỏm đợi chờ để đón nhận thái độ tàn nhẫn phủ phàng ngày hôm nay. Thầy làm lui lấy khăn gói ra đi.

Khi TâmTịnh vừa bước ra đến cổng, thì hoà thượng bỗng cất tiếng hét thật to:

- Buông xuống!

Tiếng hét đinh tai nhức óc khiến TâmTịnh bàng hoàng lơ lửng như chơi voi giữa vùng tối sáng hỗn tạp. Trong phút giây nghiêm trọng đó, tiềm thức tê liệt của sư vẫn gắng giong suy tư. Sư biết "Buông xuống đi" (6) là một công án của tổ Triệu Châu, và cũng là lời Phật dạy cho người bà la môn tên Móng Tay Đen (7). Tưởng gì chớ điệp khúc này thì TâmTịnh đã nghiên cứu tường tận và đã có saün sàng đáp số. Nghĩ đến đó thì TâmTịnh chợt tỉnh lại. Chàng

biết mình rõ đại đem cái suy tưởng phân biệt để đo lường cảnh giới giác ngộ là việc vô dụng. TâmTịnh nhìn lại hoà thượng, thì thấy hoà thượng lắc đầu tỏ vẻ thất vọng. Biết mình đã bỏ một cơ hội lớn không thể cứu vãn được, TâmTịnh quì lạy hoà thượng cảm tạ ơn chỉ giáo, rồi lui thủ đi trong thế lương âm đạm.

TâmTịnh đón chiếc tàu Nam Vang về Saigon. Ngồi trên tàu, vừa nhìn giòng sông Cửu Long êm ả, TâmTịnh vừa suy tư về tiếng hét của hoà thượng Phi Lai. Thầy tự hỏi mình còn đang mang nặng thứ gì mà chưa có thể buông xuống được đây? Thầy quan sát đạo hạnh của mình. Sư thông minh học rộng, lại hưởng trọn vẹn hào quang anh dũng của cha anh, nên từ thuở niên thiếu cho đến khi đi làm cách mạng, sư đã được mọi người quý mến, kính trọng. Khi sư đến Linh Quang tự ẩn thân cũng được hoà thượng Huệ Đạt đón tiếp như thượng khách. Rồi sau đó, khi sư thờ hoà thượng làm sư phụ, thì hoà thượng trước sau vẫn đối xử đặc biệt, hướng dẫn sư tu học như một người bạn hơn là rèn dạy đệ tử. Sư thiết thời vì không có thời gian làm chú tiểu khờ khạo để được thầy chăm sóc cho những bước đầu tu tập chập chững. Sư không bị rầy la, trách mắng, chịu trừng phạt. Sư cũng không hề chần trêu, gánh nước, chẻ củi, cuốc đất, nấu cơm, cũng không bị bắt buộc chuyên cần hai thời khoá công phu trong chùa như người khác. Sư đã thiếu hẳn phần tu phước tướng như hời hợt, nhưng lại có căn bản vững chắc ảnh hưởng suốt đời kẻ tu tập. Sư lại có khuyết điểm là thông minh tài giỏi quá. Sư nghiên cứu tìm hiểu toàn những giáo lý thượng thừa. Kinh, Luật, Luận nào sư cũng thông suốt, nên pháp tử của bất cứ bậc cao tăng nào cũng tâm thường: sư đã biết từ lâu rồi, hoặc cũng không thấy có gì mới lạ. Do đó, không có pháp gì được sư trân quý, nâng niu, ôm ấp ngày đêm mà tri hành, cho nên, dù tu suốt đời thì sư cũng chỉ là một học giả uyên bác, chớ không thể là một hành giả chân chính được. Chính kiến thức bao la của sư được củng cố bằng niềm tự hào sâu kín, đã biến thành một khối cứng ngắt để sư bám chặt vào đó, đâu có thêm nhận thêm điều gì nữa đâu là sự giác ngộ.

Hiểu được chính mình, sư liền tìm phương pháp điều trị. Tàu dừng lại chợ Cao Lãnh, nên sư cũng ghé chợ mua một bộ quần áo cũ, để giả trang thành một người dân nghèo tầm thường. Sư đến ngôi chùa làng Hoà An, tục danh Miếu Trời Sanh, để xin vị trụ trì cho tá túc ở miếng đất hoang sau chùa mà tu hành dưới lốt cư sĩ. Rồi sư lẩn quần tại làng Hoà An và Mỹ Trà để xin làm công lặt vặt kiếm sống đắp đổi qua ngày. Bây giờ thì không còn ai long trọng kính cẩn: "Bẩm thầy! Bẩm đại sư!" nữa. Người ta gọi sư là Chú Năm, anh Năm hay thằng Năm Tịnh. Thằng Năm Tịnh thật thà chân chất, bị người ta bóc lột, lường gạt, mắng nhiếc. cũng cười hềnh hếch, nên được gán cho bí

danh Năm Khờ. Năm Khờ len lỏi sống chung đụng với đủ hạng người mà lại lãnh hội được yếu lý thiên thâm trầm hơn thời làm một nhà sư khả kính.

Một hôm Năm Khờ đang cuốc đất làm mướn cho một gia chủ thuộc xã Mỹ Trà, thì thấy viên Hương Thân xấn xái đi lại.

- Ê! Năm Khờ! Lại biểu!
- Dạ thưa thầy Hương Thân có điều chi dạy bảo.
- Thằng Năm! Mày có chịu làm phu đồ thùng không? Có tiền khá lắm!

Nguyên người phu đồ thùng cầu tiêu cho các khu phố chợ Cao Lãnh bỏ đi mất, ban hội tề tìm người thay thế mãi mà chưa được. Nghề bần tiện hôi thúi bị người đời tẻ lạnh khinh khi, nên dù trả tiền nhiều mà chẳng ai ham. Chỉ một tuần lễ thiếu phu thùng mà cả chợ hôi thối bần thúi khiến Ông Tây Chủ Quận nổi giận gất âm lên. Hương Thân sực nhớ đến Năm Khờ để dụ nên mới tìm đến gạ gẫm.

TâmTịnh tuy quyết định chọn nếp sống kham khổ để lập hạnh, nhưng quả thật không ngờ có kẻ đề nghị mình hành nghề phu thùng. Sư ngần ngừ một chút, rồi quyết định đồng ý. Công việc hằng ngày của sư cũng dễ thôi. Xé trưa, chợ búa bắt đầu thưa thớt, sư khởi đầu làm việc. Sư đẩy xe ba gác thùng không đến từng dãy hẻm sau khu phố, đến từng cầu tiêu nhất thùng đầy phân ra, lau chùi cầu sạch sẽ, thay vào thùng không. Sư gán phân ra xe ba gác. Đầy xe thì sư đẩy về miếng đất công thổ làng đồ vào hầm ủ phân, rửa sạch thùng, rồi đi chuyên khác. Phố chợ Cao Lãnh lèo tèo, mà mỗi ngày sư chỉ đi phân nửa khu phố, nên cũng không quá mệt nhọc. Sư cũng dành một ít thời giờ, cắt về một mớ cỏ đem trộn trong hầm ủ phân, hầu phân chóng quai. Sớ phân này sư sẽ bán cho những người Tiều, mua về để trồng rau cải, dưa mướp. bán ở chợ Cao Lãnh. Chất cặn bã thúi tha này lại biến thành chất bổ cho cây trái thơm tho mà người người sẽ tiêu thụ. Đâu có thứ gì dơ dáy, thối tha mãi đâu?

TâmTịnh nhờ kinh nghiệm của tháng ngày làm công nên khi đồ thùng, dù có khó khăn cũng vượt qua dễ dàng. Thật ra, những ngày đầu hốt phân thúi tha, sư cũng khó chịu, nhưng sư chỉ cần tụng "Bát Nhã Tâm Kinh", quán ngũ uẩn không có tự tánh, và liền thấy không còn cực khổ nữa. Tương không các pháp cũng vậy, vốn không có tự tánh thì làm sao có như có sạch, có thơm có thúi.

Một hôm, trong khi gánh hai thùng phân đi về hồ ủ phân, sư vừa đi vừa theo dõi hơi thở, đặt từng bước chân nhẹ nhàng, ung dung sung sướng như đang

đi trên tịnh độ, sư bỗng nghe lời dạy của Đức Phật vang động: "Xá lợi Phất! Cõi nước của Phật đều hiện rõ trang nghiêm thanh tịnh. Như thế Xá lợi Phất! Nếu tâm người thanh tịnh, sẽ thấy cõi này công đức trang nghiêm". (9)

Trong giây phút đó, bỗng sư ngộ đạo. Sum la vạn tượng biến mất để hiển bày trọn vẹn khối quang minh chiếu diệu, trong suốt, trạm nhiên và vắng lặng. Khối quang minh đó vừa là cõi Cực Lạc đất đai bằng phẳng bằng bảy thứ báu, những hàng cây báu, cung điện lầu các châu báu, ao sen có 8 công đức, có chim ca lời pháp., và cũng là cõi ta bà gò nông, hầm hố, chông gai, như bản thúi tha này.

Sư bất giác cười vang rền khi thấy trường hợp ngộ đạo của mình tương tự với tổ Thanh Nguyên Duy Tín ngày xưa: "Khi sư chưa học thiền, thấy cứt là cứt. Khi dụng công hành thiền thì thấy cứt chẳng phải là cứt. Rồi nay khi đã thấy chân tâm mâu nhiệm, thì cứt cũng chỉ là cứt mà thôi". (10)

Và cũng bởi vì cứt chỉ là cứt, nên sư lại tiếp tục gánh phân đồ thùng để làm đẹp cuộc đời. Và cũng bởi vì chúng sanh phân biệt mùi cứt thúi, nên sư cũng nghe mùi thúi. Sư thoa dầu phụng trên tay chân một lớp dày, để mùi hôi thúi không bám chặt vào da, do đó, rửa ráy dễ sạch sẽ hơn.

Chẳng bao lâu, đến tháng chạp năm Bính Thìn (1916), TâmTịnh biết cơ duyên mình ở cõi Ta Bà sắp hoàn mãn, nên lưu lại chuyện đời mình, nhờ thầy Pháp Hoa Miếu Trời Sanh lưu truyền lại để chuyển giao cho người cháu cố, hầu tạo cho cháu chút duyên lành trên cơ đờng tu tâm dưỡng tánh.

Tiếng cười vang rền của ông lão gánh phân, tức nội tổ của chàng dường như vẫn còn âm hưởng đâu đây, khiến Diệp vừa xúc động vừa cảm phục cuộc đời liệt oanh của người. Giữ phong thơ di cáo như một báu vật, Diệp thề nguyện sẽ noi gương người mà sửa đổi tâm tính mình. Tuy nhiên, công danh sự nghiệp của Diệp rộng rãi thênh thang quá, chàng cứ mài miệt theo đuổi danh lợi không bao giờ thấy mỏi mệt, thành thử cũng không dành bao nhiêu thời giờ cho việc tu tập.

Diệp không ngờ chàng đã xây dựng lâu đài công danh trên cát. Nền Cộng Hoà nguy nga tưởng chừng vững chắc muôn đời, đến năm 1975, bỗng lung lay tận gốc. Vào những ngày cuối tháng 4, tình hình vô cùng hỗn loạn. Thấy một số sĩ quan chỉ huy quân đội đã lánh mặt ra nước ngoài, Diệp cũng vội vã cho gia đình di tản theo. Phần chàng, vốn tôn trọng kỷ luật, Diệp đành tuân

lệnh cấp chỉ huy cao cấp của ngành tư pháp, không rời nhiệm sở, thành ra, đến khi vị nguyên thủ tạm thời và cuối cùng của quốc gia tuyên bố đầu hàng thì đã quá muộn màng.

Diệp bàng hoàng nhận chân được cái hư ảo của lợi danh trên cuộc đời vô nghĩa bọt bèo. Chỉ mấy phút trước, chàng vẫn là vị thẩm phán uy quyền, và bây giờ, đã biến thành kẻ tội phạm. Tội nguy quyền nguy hiểm hơn cùi hủi, nên những kẻ trước kia cầu cạnh chàng, nay lảng tránh xa. Dù sao Diệp cũng là một Phật tử thuần thành, thấm nhuần giáo lý vô thường vô ngã, nên khi cuộc đời bị đảo lộn cũng không quá lo lắng bi ai. Diệp nghĩ: " Trên đời này đâu có gì bền vững. Thịnh rồi suy. Suy rồi thịnh. Tân chế độ rồi cũng sẽ không thoát được định luật đó". Diệp thấy rất rõ điều này, nhất là khi chàng nhận xét rằng, ngoài khả năng khoát lạt khoe khoang, giới cầm quyền bất tài, dốt nát chỉ biết xử dụng vũ lực để đàn áp hoặc thủ đoạn bịp bợm để lường gạt dân mà thôi.

Dù đã tập để xem thịnh suy nhẹ nhàng như giọt sương rơi đầu cành, (12) nhưng Diệp vẫn là một con người yếu hèn, nên cũng trải qua đôi lần xúc động. Diệp ngậm ngùi hay tin Trung Tá Trương Cuội, cựu quận trưởng Kiên An, Kiên Giang, đứa em nuôi của chàng đã chết. Người ta bắt Cuội đưa ra Toà án Nhân dân xét xử. Cuội bị bẻ răng, chặt ngón tay, ngón chân, trước khi lãnh phát đạn ân huệ. Chàng cũng bồi hồi khi đường Công Lý, nơi Pháp Đình Saigon toạ lạc đã đổi tên thành Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Không biết ai đã cảm cảnh thành thơ:

"Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý

"Đồng Khởi lên rồi, mất Tự Do" (13) Công Lý làm sao tồn tại khi mà tinh thần thượng tôn luật pháp bị thay thế bởi quan điểm hận thù giai cấp, và hành xử mù quáng bởi những đảng viên thiếu học, hẹp hòi và kỳ thị.

May mắn là chỉ trong vòng một tháng sau thì Diệp đi trình diện học tập cải tạo. Ôu tù, cũng là một điều hay vì Diệp khỏi thấy những điều trái tai gai mắt nữa mà nảy sanh lòng sân hận. Chấp nhận cái nghiệp tù của mình, Diệp cố gắng giữ tâm luôn luôn bình thản, nhẹ nhàng. Chàng tự an ủi, cho đây là cơ hội tốt tu tâm, dưỡng tánh, tránh xa cám dỗ của cuộc đời. Cứ coi nhà tù là ngôi chùa và mình ở chùa làm công quả, ăn uống kham khổ, vậy thôi.

Dĩ nhiên, Diệp vốn quen lịch sự nhỏ nhẹ với mọi người, mà trong bước đường tù tội bị những kẻ thô lỗ, ăn nói cục súc hách dịch, căm hờn sai khiến, chửi bới. thì việc giữ tâm bình thản cũng khó khăn. Lúc đầu, Diệp phải quán

cán binh cộng sản là những thiện tri thức hành hạ mình để nhắc nhở cuộc đời khổ đau kíp tinh tấu tu hành. Về sau, Diệp nghĩ rằng, những người anh em này vốn là những nông dân dốt nát, ngọng ngữ., vì chất phác nên dễ bị nhồi sọ bằng một thứ chủ nghĩa vô lương để khơi dậy sự hận thù và biến họ thành một thứ công cụ hi sinh xương máu cho đảng. Thật là tội nghiệp! Thật đáng thương!

Khô dịch lớn nhất đối với tù nhân không phải là lao động, mà giờ phút học tập chánh trị. Đó là lúc tù nhân lặng yên nghe xỉ vả về chế độ cũ, về tội ác Mỹ nguôi, và cũng nghe khoe khoang về đỉnh cao trí tuệ, về chủ nghĩa xã hội siêu việt. Nhục nhã ản nhẫn chịu đựng, nhưng mấy ai mà không điên cuồng tức tối trong lòng? Diệp đã phải cầu cứu đến "chung trà của thầy Thiện Hoa" thì tâm mới an vui hỉ xả. Thuở sanh thời có lần thầy dạy Diệp: "Thiền sư uống trà trong tỉnh thức, nên trang trọng chiêm ngưỡng sự sống màu nhiệm trải ra trước mắt mình. Thiền sư chiêm ngưỡng trà, chiêm ngưỡng cảnh vật, chiêm ngưỡng người. mà tràn đầy an lạc. Biết uống một chung trà thiền, thì có đủ khả năng uống ngụm nước bọt trong tỉnh thức để thương yêu chiêm ngưỡng người đối diện, mà không phân biệt người đó là ai". Diệp thực tập, nuốt nước bọt, tỉnh thức chiêm ngưỡng màu trời xanh, rừng cây rậm rạp, làn gió hiu hiu. để hưởng vài giây phút thoải mái khi học tập chánh trị; còn như, chiêm ngưỡng người cán bộ lên lớp mà an lạc, thì chắc phải còn lâu lắm. Diệp đã chia sẻ kinh nghiệm của mình cho vài người bạn thân và ai cũng thích thú. Sau đó, khi người nào mất chánh niệm, nghe chửi mắng mà lộ vẻ khấn trương, thì anh em chỉ cần nói nhỏ "trà thầy Thiện Hoa", tức khắc người kia mỉm cười tươi tỉnh lại.

Từ Long Thành, Diệp bị chuyển lên trại Sa Ác A (14), mang bí số TH6A, rồi được phân phối vào đội Rau Xanh. Con đường đi đến miếng đất khai hoang làm rẫy không quá xa, nhưng những ngày đầu chưa quen lao động, mà phải vật lộn với những cây to, rễ sâu, cành lá chằng chịt. tù nhân cũng mệt đừ. Chuyển về, trong khi cố lê lét chậm chạp từng bước, bỗng nhiên Diệp nhớ đến ngày còn thơ, trong chàng cũng bước chậm chậm như thế này, để kinh hành niệm Phật. Từ đó, đi lao động hay đi bất cứ nơi nào, Diệp cũng kinh hành niệm Phật. Diệp tập phối hợp câu niệm Phật, với bước chân và hơi thở. Nếu có thể đi chậm, Diệp thở vào, bước chân mặt và niệm "Di Đà Phật". Nếu phải bước nhanh, Diệp bước 6 bước cho "lục tự Di Đà", nhưng hơi thở thì cũng 1 lần thở vào, 1 lần thở ra mà thôi. Phương pháp này rất hợp với những người lớn tuổi, nên khi được Diệp rữ thực hành, cụ Lương đã góp ý: "Chẳng biết tôi có được vãng sanh về Tịnh độ hay không, nhưng tôi biết chắc một điều, là ngay bây giờ, khi đi kinh hành niệm Phật, tôi cảm thấy tâm

mình thanh tịnh". Diệp cũng tán đồng quan điểm này, vì chàng không còn thấy mệt mỏi trong ngày tháng tù đầy.

Khẩu phần hàng tháng của tù nhân là 15 kilo thực phẩm, mà phần lớn là bo bo, khoai sắn. Loại có chất đạm thiếu sót hẳn. Do đó, đói là chứng bệnh kinh niên hành hạ mọi người. Tù nhân, bạ gì ăn nấy: rau cải trời, rau sam, rau dền hoang. đều tốt, nhưng nếu ngàn năm một thuở mà bắt được ếch nhái, rắn rít, chuột. thì đó là đại tiệc. Thiếu ăn nên anh em tranh nhau kể lể về các loại thức ăn cho đỡ đói, đỡ thèm. Tần "con" là người kể chuyện ăn uống thần sầu nhất, anh có lối diễn tả đầy đủ chi tiết, gợi hình, gợi mùi vị. khiến cho người nghe nuốt nước miếng ừng ực. Tình trạng đói dai dẳng khiến cho nhiều người, bình thường đạo mạo, trở nên ươn hèn thiếu tư cách. Người ta có thể chửi bới, hận thù nhau chỉ vì một mẩu thịt vụn, một con tôm khô. Gia đình Diệp di tản, Diệp thuộc "diện mồ côi" không có thân nhân thăm nuôi nên thiếu thốn xác xơ. Tuy Diệp không đến nỗi bận tâm đến món ăn như người khác, nhưng thỉnh thoảng, những cơn thèm kinh khủng cũng ám ảnh chàng, làm chàng tự hổ thẹn trong lòng. Một hôm, trong lúc đi vệ sinh, cầu tiêu tại trại học tập cải tạo là loại cầu tiêu thùng, Diệp nhìn thấy dòi lúc nhúc cả nuôi đang hồ hởi tranh nhau cục phân của chàng, gọi cho chàng liên tưởng đến câu chuyện dòi đầy lý thú. Có vị A La Hán quán sát thấy đưa em mình, vì quá tham ăn uống mà phải đoạ lạc làm kiếp dòi vát vương, nên xử dụng thần thông để biến thành con dòi bạn, hầu tìm phương cứu độ. Dòi A La Hán khuyên nhủ bạn giảm tính hung hăng giành giật để có thể sinh về một cõi thù thắng. Trong khi đang hả hê nhờ bon chen được một vị trí cao cả nhất trong đồng phân, mà lại bị lãi nhãi vô duyên, chàng "Dòi Cao Cả" bực mình gây gổ: "Thôi đừng nói chuyện bá láp. Ôu đây đây vầy cao lương mỹ vị béo bổ thơm phức không đâu sánh bằng. Làm gì có cõi nào hạnh phúc, sung sướng hơn cõi này?". Câu chuyện đó khiến cho bệnh thèm ăn của Diệp biến mất. Chàng nghĩ thức ăn sai khác trên cõi ta bà này, tùy theo nghiệp lực của loài thọ lãnh mà cảm thấy ngon hay dở. Tất cả đều là giả hợp, là huyễn, đâu đáng gì để bận tâm. Thế rồi, Diệp quyết định trường chay để nuôi dưỡng hạt giống từ bi. Điều trở trêu, là khi nhu cầu ăn uống của Diệp giảm thiểu, thì gia đình của chàng tại Hoa Kỳ đã tìm ra được cách chuyển tiền về Việt Nam cho thân nhân thăm nuôi chàng thừa thải. Dư thừa thì Diệp san sẻ cho bè bạn, phần chàng thì Diệp chỉ cần chút muối mè để ăn với rau rừng là đầy đủ lắm rồi.

Thời gian đối với tù cải tạo dường như vô nghĩa. Không có bản án rõ rệt thành thử thân phận tù có thể vài năm, mà cũng có thể là mãi kiếp. Tù nhân cứ sống trong hi vọng phạm phòng, để chờ được trúng xổ số trong những đợt tha nhỏ giọt. Sau hơn 4 năm cải tạo, Tần không còn đủ nhẫn nại chờ đợi nên chuẩn bị kế hoạch y đào thoát. Gia đình Tần mua chuộc được một công an áo vàng lái xe Honda đậu cách nông trường không xa. Sau buổi ăn trưa, Tần giả vờ đi vệ sinh, chuồn ra điểm hẹn để được tên công an cung cấp bộ quần áo vàng, rồi đèo nhau bằng xe Honda về Saigon. Đến chiều khi Quản Giáo kiểm điểm nhân số khám phá ra vụ trốn tù, vội đánh keng báo động, thì đã quá trễ. Tuy rất nhiều bạn bè am tường âm mưu trốn tù, nhưng chỉ có Diệp và cụ Lương "lãnh đủ" tai hoạ, vì cả hai là bạn thân nhất, ăn uống chung, ngủ và lao động cạnh Tần. Sau khi bị cật vắn liên tiếp, Diệp và cụ Lương bị quản giáo tống sang Tổ phân tiêu, một tổ trừng giới nhằm trị những phần tử chống đối. Tổ có nhiệm vụ đến hầm ủ phân, lấy phân đem lên trộn với tro, mặt cưa hay cỏ mục, rồi cung cấp cho đội Rau Xanh. Cụ Lương lớn tuổi và gầy yếu, vừa bước gần hầm phân nặng mùi, là đã nôn mửa đến ngất người mà không kèm hãm được. Thương cụ, nên Diệp nhường cụ phụ trách việc lấy tro, mặt cưa và cỏ mục. Phần chàng, Diệp quyết "ăn thua đủ" với hầm phân. Tuy nhiên, dù có tụng "Bát nhã Tâm Kinh" liên hồi và quán chi thì quán, nhưng định lực của Diệp yếu ớt quá và hoàn toàn vô hiệu. Cút vẫn là cút. Thúi tha vẫn là thúi tha. Diệp ngao ngán muốn quăng thùng bỏ đi, rồi ra sao thì ra, nhưng cuối cùng cũng ráng nín thở bước xuống nấc thang thật nhanh, xúc đủ 2 thùng phân, chạy thục mạng ra một khoảng xa, tha hồ nôn mửa. Tuy vậy, chỉ vài ngày ghê tởm thì Diệp cũng quen dần, chàng chấp nhận nghiệp của mình bình thản và không thờ than.

Buổi sáng ngày trùng giới thứ năm, trên đường đi đến hầm ủ phân, Diệp thấy một cô bé tuổi chừng 12 tât tả đi về hướng của chàng. Chàng đoán cô bé là con của viên giám thị (15), mà nghe đồn gia đình họ mới vừa dọn về Sa Àuc.

- Chú ơi! Xin lỗi chú có phải tên là Trương Công Diệp không ạ!

Thầm khen đứa bé ngoan, Diệp dừng lại trả lời:

- Cháu tên là Cải. Hồi đó má cháu bị ở tù tại Cao Lãnh..

Diệp nhớ ngay người đàn bà thiên chông. Chàng đoán trong 3 năm tù tội gần gũi với tù chánh trị, bà ta đã được móc nối hoạt động cho họ, rồi cải giá với viên giám thị này.

- À! Chú nhớ ra rồi! Cháu tìm chú có việc chi không?
- Má cháu bảo gọi chú hủ chao này để ăn chay. Má cháu nói hồi xưa, chú gọi tương chao cho tù hà rằm hà! Chú cũn có gọi cháu sữa nữa!
- Chú rất cảm ơn má cháu, nhưng chú đã được tiếp tế đầy đủ rồi. Chú chỉ nhận lần này thôi nhé!

Diệp cầm lấy hủ chao rồi quay mặt đi thật nhanh. Chàng muốn dấu đi cảm xúc của mình. Diệp chợt cảm thấy buồn rười rượi. Sự hiện diện của đứa bé trạc tuổi đứa con đầu lòng, đã nhắc nhở Diệp cảnh biệt ly sầu thảm của mình. Tàn nay mãn nguyện rồi, phần chàng thì biết đến khi nào mới rời khỏi chốn này? Nỗi nhớ niềm thương dày vò khiến Diệp mệt mỏi và suy yếu hẳn ra, suýt khuỵu xuống. Diệp cố gắng bước từng bước xuống nấc thang trơn trượt. Đang lúc tinh thần dao động, Diệp mất thăng bằng chới với lệt xuống hầm phân. Diệp lún từ từ, cho đến khi ngập ngừng đến háng mới dừng lại được. Chung quanh chàng triệu triệu con dòi lúc nhúc, có con đã bò nhột nhật trên đùi chàng. Trong phút giây sửng sò đó, Diệp quên nhòm góm, quên mùi thúi nồng nực, để trở mắt nhìn bầy dòi lặn xăn trong thế giới riêng của chúng. Diệp tủi thân, thương niềm bất hạnh của mình, và thương lây số kiếp hẩm hiu của đàn dòi dơ bẩn. Tinh lân mẫn gợi Diệp ý nghĩ rằng mình lặn lội luân hồi a tăng kỳ kiếp, lẽ nào lại không từng ở chốn này? Diệp bỗng nhớ đến nội tổ và giáo lý "tâm tịnh thì cũng đã thoát ly khỏi sanh tử luân hồi. đâu chẳng phải là nhà? Đâu chẳng là tịnh độ? Hà hướng phải nhọc công mơ mộng đến nước nào? Đến thế giới nào? Trong tù hay ngoài tù?"

An nhiên và thanh thản, Diệp xúc hai thùng phân, gánh lên vai đi từng bước khinh an và hỷ lạc. Rồi Diệp mỉm cười, ngậm nga nho nhỏ:

Thênh thang nơi tù ngục

Ai nhốt được tâm ta?

Trong hầm phân Sa-Aùc,

Aùnh hiện bóng Lãng-Già.

Bồ đề và phiên nã,

Chẳng gần cũng chẳng xa.

Thân tâm hằng thanh tịnh

Tịnh độ cõi ta bà.

"Trong ba ngàn thế giới,

Đâu chẳng phải là nhà?" (16)

Tháng 4. 1989

GHI CHÚ:

- *Thầy Thiện Hoa: Thượng Toạ Thiện Hoa, Viện Trưởng Viện Hoá Đạo Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (1966-1973). Thầy là một tăng sĩ tài đức đã dâng hiến đời mình cho dân tộc và đạo pháp.
- **Giặc thầy chùa:** Cuộc khởi nghĩa năm 1898 tại Phú Yên, do Võ Trứ chủ xướng, với sự tham dự của Trần Cao Vân, bị bọn thực dân gọi là "giặc thầy chùa", vì số tăng sĩ Phật giáo tại Phú yên và Bình định tham gia thật đông.
- **Nhà giây thép:** Bưu điện; Kho bạc: Ngân khố; Trường Tiền: Công Chánh.
- **Kinh Người Biết Sống Một Minh:** tức Bhaddekaratta Sutta do thầy Nhất Hạnh dịch, Lá Bối xuất bản.
- **Công án "VÔ":** Một thầy tăng hỏi tổ Triệu Châu: "Con chó có Phật tính không?". Tổ đáp: "Vô"
- **Công án Càn thử quyết:** (tức Que cứt khô) Một thầy tăng hỏi tổ Vân Môn: "Phật là gì?". Tổ đáp: "Que cứt khô"
- **Công án Buông xuống đi:** Có một Ông tăng đến hỏi tổ Triệu Châu: "Không mang gì hết đến đây thì thế nào?" Tổ đáp: "Buông xuống đi". Ông tăng bạch lại: "Một vật chẳng mang theo thì buông xuống cái gì?" Châu nói: "Buông chẳng xuống thì dở lên đi"
- **Bà la môn Móng Tay Đen:** Một Thầy Bà la môn tên là Móng tay Đen mang đến cúng Phật hai cây bông nguyên cành rễ khổng lồ, thầy dùng phép thần thông nắm chặt mỗi tay một cây. Phật gọi tên, thầy liền dạ. Phật liền bảo: "Buông xuống đi". Thầy bà la môn bỏ cây hoa trái trước mặt Phật. Phật lại bảo buông xuống nữa. Thầy bỏ luôn cây hoa tay mặt. Phật lại bảo buông nữa. Thầy bà la môn bạch: "Tôi có gì nữa đâu mà buông bỏ. Phật muốn dạy gì?". Phật đáp: "Tôi không hề bảo thầy buông hết mấy cây hoa, tôi bảo thả bỏ là bỏ sáu căn sáu trần sáu thức. Khi thầy bỏ hết không còn gì để bỏ, đó là lúc thầy thoát ly tất cả ràng buộc của sanh tử luân hồi".
- **Bát Nhã Tâm Kinh:** Bồ tát Quán Tự Tại khi quán chiếu thâm sâu bát nhã ba la mật, bỗng soi thấy năm uẩn đều không có tự tánh. Thực chứng điều ấy xong, Ngài vượt thoát tất cả mọi khổ đau ách nạn. Nghe đây Xá Lợi

Từ. Sắc chẳng khác gì không. Không chẳng khác gì sắc. Sắc chính thực là không. Không chính thực là sắc. Còn lại bốn uẩn kia, cũng đều như vậy cả. Xá Lợi Tử nghe đây. Thế mọi pháp đều không. Không sanh cũng không diệt. Không nơ cũng không sạch. Không thêm cũng không bớt. Cho nên trong tánh không. Không có sắc thọ, tưởng, hành thức, cũng không có nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý. Không có sắc, thanh, hương vị, xúc, pháp. Không có 18 giới (từ nhãn đến ý thức). Không hề có vô minh, không có hết vô minh, cho đến không lão tử cũng không hết lão tử, không khổ, tập, diệt, đạo, không trí cũng không đắc...(bản dịch của T.Nhất Hạnh).

□ **Kinh duy ma cật**, bản dịch T.Huệ Hưng, phẩm Phật Quốc: Phật bảo: "Này Xá Lợi Phất! Cõi nước ta thường thanh tịnh như thế! Nhưng vì muốn độ những kẻ căn cơ hạ liệt, nên hiện ra cõi đầy nhơ nhớp xấu xa bất tịnh đó thôi. Vì như chư thiên đồng dùng một thứ bát bằng ngọc báu để ăn, nhưng tùy phước đức của mỗi vị mà sắc sớ có khác. Như thế, Xá Lợi Phất! Nếu tâm người thanh tịnh, sẽ thấy cõi này công đức trang nghiêm".

□ **Tô Thanh Nguyên Duy Tín** có lời tự thuật như sau: "Sãi tôi, ba mươi năm trước, khi chưa học thiền, thấy núi là núi, thấy nước là nước; Sau nhân theo bậc thiện tri thức chỉ cho chỗ vào, thấy núi chẳng phải núi, thấy nước chẳng phải nước. Rồi may thể nhập chốn yên vui tịch tĩnh y nhiên, thấy núi chỉ là núi, thấy nước chỉ là nước".

□ **Kinh Duy Ma Cật**, Phẩm Văn thù sư Lợi, bản dịch T. Huệ Hưng. Ông Duy ma Cật đáp: "Vì tất cả chúng sanh bệnh, nên tôi bệnh. Nếu tất cả chúng sanh không bệnh, thì bệnh tôi lành".

□ **Như giọt sương rơi đầu cành**: trích từ bài kệ của Vạn Hạnh thiền sư:

□ Nhậm vận thịnh suy vô bố úy

□ Thịnh suy như lộ thảo đầu phô

□ (Sá chi suy thịnh trên đời

□ Thịnh suy như hạt sương rơi trên đầu cành

□ bản dịch T.T.Mật Thể)

□ **Công Lý và Tự do** là tên đường cũ. Nam Kỳ Khởi Nghĩa và Đồng Khởi là tên đường mới.

□ **Sa Ác** là 1 Trung tâm lao động cải tạo toạ lạc tại Xuyên Mộc, tỉnh Đồng Nai. Sa Àc có 2 trại A và B.

□ **Giám thị** trong chế độ cộng sản tương đương với chức Giám đốc Trung tâm cải huấn.

□ **Hai câu thơ: "Trong ba ngàn thế giới**

□ **Đâu chẳng phải là nhà"** trích từ bài kệ của tổ Thường Chiếu (đời Lý):

□ Đạo bản vô nhan sắc

□ Tân tiên nhật nhật khoa

□ Đại thiên sa giới ngoại

- Hà xứ bất vi gia?
 - (Đạo vốn không nhan sắc
 - Mà ngày càng gấm hoa
 - Trong ba ngàn cõi ấy
 - Đâu chẳng phải là nhà?
- bản dịch của T.T. Nhất Hạnh)

---o0o---

CHÂN DUNG CỦA MẸ

Sau hiệp định Genève năm 1954 chia đôi đất nước, chánh quyền miền Nam ò ạt gởi cán bộ về nông thôn xây dựng hạ tầng cơ sở. Xã Thủy Liễu, một xã hẻo lánh, nghèo nàn, bùn lầy nước đọng sát biên giới tỉnh Chương Thiện, từ lâu chìm trong quên lãng, bỗng trở thành vị trí chiến lược. Vừa tốt nghiệp trường Quốc Gia Sư Phạm về trình diện Ty Tiểu Học Kiên Giang, Quân liền được "ưu ái" đề bait làm hiệu trưởng trường tiểu học tân lập tại xã Thủy Liễu. Thủy Liễu là loại cây sinh sôi ven bờ sông rạch miền Nam. Người dân gọi thủy liễu là cây bần, tên mộc mạc, nghèo hèn, lam lũ như cuộc đời của họ. Bần cũng xanh um và rữ bóng nên thơ như liễu. Liễu có thể ví như cô gái thị thành ẻo lả, trau chuốt và bần như một cô gái quê rắn chắc, mặn mà. Cho nên người Trung Hoa gọi bần là liễu nước – thủy liễu -, cũng hợp tình lý. Xã Thủy Liễu hoang vu nhiều bần, không ngờ lại được ban một địa danh duyên dáng khiến cho Quân bị hố nặng, khi mừng hóm chọn lựa nhiệm sở ở chốn khỉ ho cò gáy này. Ngược lại, hai người bạn đồng khóa của chàng, bị cử đi Tràm Chệt và Xẻo Rô, địa danh cục mịch lại không cách tỉnh l□ao xa.

Là dân thị thành háo động mà nay phải chôn chân ở chốn hoang vắng buồn tênh, Quân chán nản vô cùng. Ngày tháng quen dần, Quân lại thương cái quê mùa đặc sệt của Thủy Liễu, cái quê mùa chứa chan bao tình tự dân tộc của miền Nam. Dân quê thật thà, chơn chất, và đặc biệt hiếu khách. Ai cũng niềm nở tiếp đón Quân theo tinh thần trọng kính thầy học ngày xưa. Học trò thì siêng năng dễ dạy. Thầy phán một lời nhỏ nhẹ, đã răm rắp tuân theo. Thầy cần điều gì thì cả đám lẳng quăng tranh nhau phục vụ. Quân là ông thầy yêu nghề, thương trẻ..., nên trường học với chàng là một đại gia đình tràn ngập tình thương, giúp cho Quân vui niềm cô đơn ở xứ lạ quê người.

Nhà trường sẵn có phòng ốc riêng cho hiệu trưởng trú ngụ. Những buổi chiều gió mát, Quân thường ra sau nhà, theo dõi những chiếc thuyền xuôi ngược trên sông, thơ mộng như bức tranh thủy mặc. Cảnh tượng êm đềm đó,

thỉnh thoảng lại được chấm phá thêm bằng những câu hò trữ tình, trong vắt, lơ lửng khắp nẻo sông dài. Những câu hò đối đáp, đã có thời ngự trị miền Nam thanh bình, miền Nam của thi ca bình dân hồn nhiên sống động. Nền thi ca đó đã bị chiến tranh tàn phá lùi dần trong lãng quên. Vừa dứt tiếng súng, thì những chiếc máy đuôi tôm ồn ào đồng loạt với những máy thu thanh văn minh, tiện lợi, đã ngăn chặn sự hồi sinh của tiếng hát điệu hò. Quân tướng chàng chỉ có thể thưởng thức được điệu hò khuôn sáo cải lương trình diễn bởi các ca sĩ chuyên nghiệp, mà không ngờ, ở chốn quê mùa xa tít này, nơi mà máy đuôi tôm và máy thu thanh chưa thực sự hoành hành, những câu hò ngọt ngào, hồn nhiên vẫn còn bàng bạc khắp không gian.

Đang thả hồn theo mộng, thì thuyền của đoàn cán bộ nông thôn đến rước Quân đi dự tiệc ở đầu Vàm cặp bến. Quân lững thong chậm chạp, khiến Đức, viên đoàn trưởng cán bộ, sốt ruột giục:

Nhanh lên chứ ông "độc".

Rồi Đức lại hỏi người đệ tử quẩy mạnh mái chèo để theo kịp chiếc xuồng của cô gái đi trước. Đức trẻ tuổi, đẹp trai, hoạt bát và nhậu rượu cũng rất cừ. Làm việc tại thôn ấp, nhậu nhẹt đôi khi cũng là một ưu điểm. Cứ cụng ly với nhau, thì ai cũng là kẻ thân tình, và chuyện gì rồi cũng giải quyết êm thấm được cả. Chờ cho hai chiếc xuồng đi song song với nhau, Đức tăng hằng lấy giọng, rồi hướng sang người đẹp, cất giọng hò:

Hò ơ!... Nhìn em, má đỏ môi hồng...

Ồ, ơ... Mơ ngày hợp cẩu....ơ, ơ...

Mơ ngày hợp cẩu,...men lòng đã say...

Anh chàng Đức đã có hơi men, nên điệu hò câu thả sỗ sàng. Thông thường, người lịch sự hò đối đáp phải dè dặt xã giao thăm hỏi, khen ngợi nhẹ nhàng để dọ dẫm đối thủ. Nhiên hậu, tùy tình thế mà tấn công đứng đắn hay cợt nhã. Đức mở đầu bằng câu chọc ghẹo sàm sỡ ngay là một điều tối kỵ làm giảm tư cách, khiến Quân cũng hồ thẹn lây. Cô gái đang nhịp nhàng với mái chèo, cũng tỏ vẻ bối rối, nhưng rồi cũng bình tĩnh lại, cất tiếng hò đáp lễ:

Hò ơ!... Có chồng say, trong chay ngoài bội,...

Ồ, ơ... Ngó vô nhà..., ơ, ơ... Ngó vô nhà, như hội tầm xuân..., ơ, ơ...

Hò ơ!... hội tằm xuân, tung bùng náo nhiệt...(1)

Hò ơ,... Tánh em sợ ồn ào, ... ơ, ơ...

Tánh em sợ ồn ào, nên chẳng thiết chồng say!.

Bị người đẹp chê bai say sưa ồn ào như làm chay, như hát bội, Đức đau điếng tỉnh tọu, đã vậy, lại còn bị Phước, viên đoàn phó cảm ràm:

Anh làm mất mặt "bầu cua" quá! Để tôi hò thì mới xứng tay đối thủ. Phước là trưởng ban văn nghệ đoàn, tuy dáng dấp anh ta ròm rỏi như dân ghiền, mà giọng hát lại ngọt ngào điệu luyện, từng làm thổn thức bao trái tim thiếu nữ đương xuân. Phước nhập đề bằng tiếng hò ơ thật ấm:

Hò ơ!... hò!

Em phảng phất như là tiên nữ

Điệu hát câu hò tình tứ miên mang

Hò ơ!...

Lòng anh luống những mơ màng...

Tiên đồng ngọc nữ...

... anh với nàng nên duyên...

Phước có vẻ thích chí, tự tán thưởng mình bằng nụ cười chúm chím, rồi xoay qua Đức dạy đời:

Nghe rõ chưa Đức. Từng lời tán tỉnh ngọt ngào thì cá mới cắn câu. Chớ "a thần phù" thả dề trắng trợn như mây, thì bị hạ nhục nhẽ là phải rồi! Tiếng hò ơ đáp lễ nhanh nhẹn của cô gái, thanh âm nhu mì nhỏ nhẹ khiến Phước rạng rỡ chờ đợi.

Hò ơ !...

Hò ơ !...

Có chồng ghiền... như Ông tiên nho nhỏ

Ngó vô nhà...

ơ, ơ... ngó vô nhà, đèn đỏ đèn xanh...

Hò ơ !

Thân em là kẻ phàm trần...

ơ, ơ... dám đâu mơ mộng...

mơ mộng được gần tiên nâu.... (1)

Hình dáng ròm rôi như ghiền nặng, mà ham làm tiên, bị người đẹp bắt bí, chê là thứ tiên nâu, khiến Phước sượng sùng nín khe. Được thể, Đức móc họng trả thù:

Mây ghê lắm mà! Hò tiếp tục đi Phước!

Hừ! Hò "dê", dê không được thì thôi. Còn nước non gì nữa mà hò với hện!
Anh cán bộ loi chèo cho thuyền lùi lại, rồi phân bua với Quân:

Tui đã cho hai ảnh biết trước cái con Tư Thơm này độc lắm. Hò lơ mơ bị nó sửa lưng liền hà. Thế mà có ai tin tui đâu.

Quân thường theo dõi sinh hoạt trên sông để thả hồn theo những điệu hát câu hò trữ tình, nên không có lạ gì người đẹp. Nàng tuổi độ đôi mươi, duyên dáng, thùy mị, nổi tiếng là hoa khôi của Thủy Liễu. Gia đình nàng thuộc hạng khá giả, nhưng vì chiến tranh nên phải bỏ ruộng vườn di tản đến quận Giồng Riềng. Mẹ chết sớm, do đó, nàng chỉ học xong lớp bảy trường quận thì phải nghỉ, để bưng chài buôn bán giúp gia đình. Mới hồi cư không lâu, phải xây dựng nhà cửa, tu bổ lại ruộng vườn, để có thêm lợi tức, rồi nàng buôn bán gạo lẻ tại chợ Thủy Liễu. Thế rồi cứ hai ngày nàng lại chèo xuồng đến nhà máy tại đầu Vàm xay lúa, và do đó, Quân có cơ hội để thưởng thức những điệu hò thi vị trầm bổng, hàm ẩn những ý nghĩa thâm trầm của nàng. Quân đã âm thầm yêu, thầm xây mộng, nhưng bản tính nhà giáo hiền lành, kín đáo chàng vẫn chưa dám tỏ tình. Thật ra, Quân cũng phân vân không hiểu chàng đã thực sự yêu hay chỉ hời hợt đam mê giọng hát của nàng, và nếu kết hôn thì liệu chàng có thể sống yên vui hạnh phúc với một cô gái quê mùa, học vấn thấp kém hay không? Từ khi chứng kiến bọn Đức và Phước thi nhau trêu ghẹo Thơm, thì ngọn lửa tình yêu âm ỉ bỗng bùng lên mãnh liệt. Quân sôi sục ý muốn tỏ tình với nàng, nhưng nàng thường đi trên sông,

chàng dạy học trên bờ, thì khó mà tạo được cơ hội. Sau nhiều đêm trằn trọc, Quân đã tìm được phương thức và chuẩn bị kỹ lưỡng cho buổi gặp gỡ đặc biệt của chàng. Chọn đúng ngày Thơm theo thường lệ đi xay lúa, Quân lên tiếng nhờ học trò tìm phương tiện đưa chàng ra đầu Vàm để đón tàu đi về tỉnh □ Đúng như dự tính, trong đám học trò tình nguyện, có thằng Út, em ruột của Thơm. Và dĩ nhiên, thằng bé được hân hạnh để phục vụ thầy. Thế là Út chạy ù đi kêu réo chị chờ ông thầy quá giang. Tuy không làm điều gì ám muội, nhưng vì có âm mưu, nên Quân cũng thẹn thò, ngồi xa ở đầu xuồng. Lần đầu tiên được tự do ngắm nghía Thơm một cách gần gũi, Quân càng thấy nàng đẹp hẳn ra. Nàng không son phấn, nên có nét dịu dàng tự nhiên, má ửng hồng ánh nắng, trán điểm lấm tấm mồ hôi, lại khiến tăng thêm nét mặn mà, duyên dáng. Vừa đến khúc sông vắng, Quân rề lại gần Thơm, nói nho nhỏ vừa đủ nghe:

Cô Thơm ơi! Tôi không biết hò. Tôi chỉ có làm một bài thơ vụng về, mà đó là lòng thành thật của tôi. Xin đọc cô nghe nhé.

Dạ!

Quân ngâm thơ chậm và nhỏ, vì lo ngại có đứa học trò nào nghe lỏm thì "kẹt" cho ông thầy quá!

Anh muốn quì xuống, bên em

Van xin sám hối!

Tôi đã yêu! Tôi đã dám yêu em!

O □ Em là thân tiên tinh khiết vô biên,

Anh, tục tử vô duyên, bất tài kém đức.

Nghĩ phận mình, anh ngậm ngùi ray rức.

Anh thâm yêu, anh thao thức bang khuâng.

Thoáng ước mơ, tâm trí đã điên cuồng

Và vụng dại, ngây ngô, phục tùng, quy lụy.

Hương vị tình yêu, anh nếm: đắng cay, ngọt ngào, thâm thúy...

Như trôi chập chờn... trong mộng寐 liễu trai.

Anh âu lo, anh thấp thỏm từng ngày

Vì chẳng biết em đoái hoài hay hò hững?

Nói đi em! Nói thật đi em! Cho dù phải là lời phủ phàng tàn nhẫn!

Rằng kẻ si dại này, có đáng thương tưởng gì không?

Với tư cách thầy dạy của út, Quân đã đến nhà Thơm đôi lần. Tuy chưa hề trò chuyện, mà Thơm đã dành cho quân cảm tình sâu đậm. Trong cử chỉ khiêm tốn, điềm đạm Quân ẩn hiện nét quyến rũ đặc biệt mà những chàng trai thị thành hời hợt khác xa vắng. Thơm linh cảm Quân chú ý mình, nhưng quả thật, nàng không thể tưởng tượng được Quân đã yêu quý đậm đã như thơ chàng diễn tả. Thơm cảm động vô vàn, muốn thú thật rằng mình cũng yêu chàng không kém, nhưng nàng cảm thấy kỳ quá, mắc cỡ làm sao á! Còn nếu như "thưa rằng em nhỏ dại không biết gì? Cha mẹ đặt đâu em ngồi đó" thì vừa trái lòng, vừa phụ tấm chân tình của chàng. Thơm bối rối, buông chèo, xuống mất hướng đâm vào bờ, lủi dưới tàn cây bần rậm lá mà không hay biết. Ngập ngừng thật lâu, Thơm mới cất giọng hò nhỏ nhỏ đủ cho Quân nghe mà thôi:

Hò ơ ! dù nhân duyên quyền cha liệu lý

Cám ân chàng tình ý triền miên

Hò ơ !

Rụt rè bày tỏ tình riêng

Xả thân đèn đáp, truân chuyên chẳng sờn.

Đang bồn chồn chờ đợi, nghe nàng thổ lộ thâm tình, Quân mừng rỡ hỏi dồn dập:

Em thương anh thật tình? Em bằng lòng làm vợ anh phải không? Thơm cúi đầu e thẹn, má đỏ bừng, không đáp, nhưng Quân mừng rỡ như dầu nàng gật gật. Quân sung sướng nắm tay nàng hôn nhẹ, và cảm giác như toàn thân nàng rung động theo nhịp điệu bồng bồng của tim chàng. Quân thấy thương quá là thương. Tình thương bồng nổ như cơn giông bão,

lại được càn bần xum xoe che khuất, khiến Quân mất tự chủ, ôm chầm lấy Thom, đặt một nụ hôn dài.

Ở một thị xã nhỏ xíu, không có điều gì có thể giữ kín lâu dài được. Mọi tình của ông "độc" với cô thôn nữ, không bao lâu biến thành nguồn tin thời sự nóng hổi để cả làng có đề tài bàn bạc. Ôn ào nhất là hai cô giáo độc thân của trường. Họ vốn âm thầm mơ tưởng chàng hiệu trưởng khả ái, ngờ đâu lại bị cô gái quê mùa cướp mất, nên mặc tình trề, nhún, xiêng xéo, nhỏ to. Tình trạng lúc đó thúc đẩy Quân xin cưới Thom sớm hơn dự tính. Đám cưới nhà quê vui nhộn, nhờ cả làng cùng tham dự chia vui. Dường như ở làng này tính lòng vòng rồi thì ai cũng là bà con cô bác với nhau. Chàng rể làng Bần, được mọi người xúm nhau gọi là "dương tư", mà không hiểu liên hệ vai vế bên vợ thế nào để xưng hô, nên thật là lúng túng. Miếng vườn nhà Thom, với hàng dừa hàng cau đơm trái, xen lẫn vài cây vú sữa, xoài... cùng những bụi chuối xanh um, diện tích khá rộng, yên tĩnh và mát mẻ, là nơi lý tưởng cho hai vợ chồng son quần quít trong tuần trăng mật. Thỉnh thoảng, cả hai tung tăng dắt tay nhau trên cánh đồng ruộng lúa, bơi xuồng trên đầm sen thoảng hương nhè nhẹ, hay thả thuyền bông bênh trên sông, lững lờ trôi giạt quanh đám bần đầy kỷ niệm thuở ban đầu.

Vợ chồng Quân càng sống bên nhau lại càng quý trọng, thương nhau nhiều hơn nữa. Hạnh phúc tràn đầy của họ lại được tô thắm thêm bằng sự ra đời của đứa con gái đầu lòng xinh xắn. Quân khai sinh tên con là Thủy Liễu, tuy nhiên, có lần nựng con thương quá, bỗng nhiên Quân gọi con "Bần cung". Hai vợ chồng nhìn nhau, thấm ý mỉm cười. Thương con, người ta có tâm lý thích gọi con bằng những tên xấu xí, cục mịch, có khi thô lỗ nữa. Nhưng trong cái xấu xí, thô lỗ đó, dường như hàm ẩn tình thương yêu vô biên mà cha mẹ dành cho con. Chính vì vậy, vợ chồng Quân bỗng dung thích gọi tên con là Bần. Gọi tên con, nựng con, bằng tên "xấu háy" thì mới thấm thiết mới "đã nư".

Ngoài những giây phút tuyệt vời bên vợ con, Quân cũng tìm thấy nguồn vui vô tận trong nghiệp thầy giáo của mình. Tuy làm hiệu trưởng, nhưng do tình trạng khiếm khuyết giáo chức, Quân đã phải đảm nhận thêm việc giảng dạy lớp năm, Quân dạy học tận tâm. Chàng hứng thú chăm sóc từng đứa học trò và khéo léo hướng dẫn chúng học hành tiến bộ. Nhờ vậy, học sinh Thủy Liễu đã gặt hái thành quả vẻ vang trong kỳ thi tuyển vào trường trung học quận và tỉnh. Quân lại có hoài bão là nâng cao trình độ dân trí ở thôn quê, vì

chàng nghĩ rằng, bên cạnh sự dốt nát là sự nghèo đói, nghi kỵ hận thù... thế rồi Quân tự động mở những lớp bình dân giáo dục; hai vợ chồng đi từ đầu làng cuối xóm để khuyến khích, năn nỉ những kẻ mù chữ đi học. Nhờ thiện chí của chàng, chỉ trong vòng một năm, tình trạng dốt nát không còn nữa.

Đáp lại lòng tận tâm của Quân, dân làng, từ lớn tới nhỏ ai cũng thương mến chàng. tình thương này như sợi dây ràng buộc chàng với Thủy Liễu. Do đó, đầu sau hai năm phục vụ tại một xã hẻo lánh, chàng đã hội đủ điều kiện để xin hoán chuyển về tỉnh lỵ nhưng chàng đã ngần ngừ rồi chấp nhận ở lại.

Tháng chạp, đêm hai mươi lăm trời tối đen. Tự nhiên Quân trằn trọc khó ngủ. Nhìn vợ và con ngủ thật yên lành, tinh khiết, bỗng Quân cảm thấy lo sợ băng quơ. Mới hồi trưa, trong buổi tiệc thối nôi, sinh nhật đầu tiên của con gái, bác Chủ Tịch xã đã ân cần khuyên Quân nên đến đồn nghĩa quân ngủ cho an toàn. Có lẽ, lời khuyên này đã ám ảnh chàng và làm chàng mất ngủ. Tình hình an ninh miền quê chợt trở nên suy đồi mau chóng. Sau chiến dịch Đồng Khởi, những người tự xưng Cách Mạng đã đồng loạt dùng chính sách khủng bố, giết người bừa bãi. Tuy nhiên, Quân không hề nghĩ họ có thể nhẫn tâm tàn sát một thầy giáo không vũ khí như chàng.

Quân mơ hồ như có tiếng sột soạt xa xôi. Bé Bần thỉnh thoảng giật mình rồi khóc thét lên. Thơm ru con nhe nhẹ mà đứa bé vẫn còn thổn thức. Tiếng động nghe rõ dần, không khí nặng nề ngọt ngào. Thơm sợ hãi co rúc vào lòng chồng. Những bước chân đe dọa rõ ràng hướng về nhà chàng. tiếng đập cửa, rồi cửa bị đập tung ra. Bốn người mặc đồ đen lẫm lẫm bước vào nhà. Tên cầm khẩu súng AK.47 khoát tay bảo ba tên thuộc hạ cầm mã tấu:

Bắt thằng này.

Thơm ôm cứng chồng giành lại. Nàng khóc như mưa van nài thảm thiết:

Lạy chú Tám! Xin chú Tám làm ơn làm phúc tha chồng con!... Tên chỉ huy, cũng không phải người xa lạ, sẵn giọng:

Lệnh mấy anh lớn. Tao không có quyền. Mày câm miệng đi! Chộn rộn dằng nỗ súng thì tao bắn chồng mày chết liền đó!

Lời đe dọa đó khiến Thơm nín khe. Nàng cố gắng đè nén tiếng nức nở, rồi tuyệt vọng nhìn đám người sát nhân hùng hổ lôi kéo chồng ra đi.

Quân biết có nói dang ca với họ cũng vô ích. Chàng điềm đạm nhìn vợ, lắc đầu rồi dặn dò:

Ráng lo cho con Bần ăn học nhe em!

Sáng hôm sau, người ta tìm thấy xác chết của Quân với bản án tử hình về tội phản động. Điều chua xót là kẻ giết người, mấy tháng trước vẫn còn "dốt đặc cán mai", nhờ Quân tận tâm dạy chữ, nên nay đã đủ sức để ra uy với bản án tử hình nguệch ngoạc.

Tang ma chồng xong, Thơm bồng con và dắt thêm cậu em út, về tỉnh lỵ sinh sống. Ông trưởng Ty Tiểu Học thương Quân, nên có nhã ý tuyển dụng Thơm làm giáo viên áp tân sinh, nhưng nàng khước từ. Nàng chán ghét tội ác tại vùng sôi đầu, ngoài ra, cũng muốn bám tỉnh lỵ để tiện cho con học hành, đúng theo như lời ủy thác trời trần của chồng. Trợ cấp tử tuất 12 tháng lương, giúp Thơm có một số vốn nhỏ để sang một căn nhà lá sệt sạt tại xóm Bánh Tằm. Sau đó, gởi con cho người hàng xóm tốt bụng, Thơm bắt đầu bươn chải tìm phương kế sinh nhai. Thoạt tiên, Thơm lặn lội đến vùng Tắc Cậu mua sỉ về chợ Rạch Giá bán lẻ. Khóm Tắc Cậu phẩm chất tương đương khóm Bến Lức nên rất được khách hàng ưa chuộng, nhưng đi bỏ hàng cũng có lắm điều phiền phức. Thơm trẻ đẹp, thân gái đường xa, thường bị bọn trai, trong đó gồm cả những kẻ có thể lực địa phương, chọc ghẹo. Thơm chuyên qua nghề làm bánh mứt, nhưng hoa lợi không khá. Nàng lại xoay qua món bún cá, món ăn mà Quân hằng khen ngợi. Lần thử thời vận này lại có kết quả không ngờ. Thực khách đến lần đầu có thể vì hiếu kỳ hay vì chuộng cô bán hàng đẹp, nhưng khi đã ăn thử rồi, thì sẽ bao giờ quên được hương vị đặc biệt của món bún cá Kiên Giang. Thơm nắm được bí quyết bún cá, nhờ nàng khéo chọn lựa cá lóc đúng loại chắc thịt mà sơ lại không quá to dễ bị sảm và khô. Khi nấu cá vừa chín thì phải vớt ngay ra, để cá không bị rời rã và lạt lẽo. Nồi nước lèo thì Thơm dùng xương heo đậm thên ít sò huyết, nên chất ngọt ngào dịu và đậm đà. Chỉ cần nàng hướm cái vá, dạo một vòng thì mớ trứng cá vàng ửng xôn xao, mùi nước béo ngào ngạt tỏa lên, thì có thực khách nào có thể cầm lòng được.

Hoa lợi gánh bún cá ngày càng vững vàng, khá hơn lương bổng của giới quân nhân công chức chịu chạt vật với đồng lương cố định, khi vật giá leo thang mãi. Nhờ vật, lần hồi Thơm tạo được căn nhà tươm tất tại hẻm bác sĩ Nam, tiện đường cho con đến trường nữ tiểu học sau này. Dù sống ở chốn nào thì người thiếu phụ goá chồng vẫn bị cả đám trai trẻ tranh nhau theo đuổi, nhưng Thơm đứng đưng khép kín cõi lòng, vì thật ra, dưới mắt nàng

thì có ai xứng đáng bằng Quân đâu. Bao nhiêu tình thương Thơm dành hết cho cô con gái. Đáp lại, đứa bé cũng ngoan hiền, hiếu thảo, lúc nào cũng quấn quít bên mẹ như một cái đuôi mũm mĩm. Đi học, Bần chăm chỉ và thông minh, nên trong mấy năm tiểu học đã là một học sinh xuất sắc. Em thi đỗ vào trường trung học Nguyễn Trung Trực không khó, rồi tiếp tục học hành ngày một tiến bộ. Cô học trò trung học hiểu biết, nên cảm thấy mắc cỡ với cái tên "Bần" cục mịch. Cô làm nũng làm nịu yêu sách mẹ và câu quên hẳn tên Bần, và chỉ gọi tên cô là Thủy Liễu trước mặt mọi người. Dĩ nhiên, Thơm chịu con, nhưng thỉnh thoảng khi chỉ có hai mẹ con trong nhà, nàng cũng ôm ấp con trong lòng như thuở trước, để nựng nịu, hôn hít, rồi triu mến gọi "Bần! Bần" nho nhỏ.

Cuối niên học lớp 10, Liễu được thầy cô chọn để trao giải thưởng danh dự toàn trường. Đó là động lực thúc đẩy em cố gắng học nhiều hơn nữa. Học giỏi lại đẹp giống mẹ, thành thử đám con trai trong trường mặc sức trồng cây si, nhưng Liễu ngây thơ và biết vâng lời mẹ, nên chỉ lo học, mà không để tâm đến chuyện tình yêu vớ vẩn. Những ngày cận Tết, đám học trò lớn tòng ngồng lớp 11 càng ham chơi phá phách, khiến ông thầy cũng uể oải, bèn cho về sớm. Bọn Liễu, Hạnh, Lan tung tăng dẫn nhau về, vừa đến Ngân Hàng Việt Nam Thương Tín, sắp chia tay bỗng Hạnh liếng thoảng đề nghị:

Ê! Tụi mình đi ăn tất niên với nhau một bữa đi.

Hoan hô! Ý kiến đó hay lắm! Liễu lên tiếng.

Vậy thì mình đi ăn món bún cá dì Tư Thơm đi! Lan góp ý.

Từ lâu, Liễu có ý dẫu bạn bè về nghề nghiệp của mẹ. Em có mặc cảm là nghề buôn gánh bán bưng của mẹ, tuy cũng đủ sức nuôi con, nhưng không mấy sang trọng như cha mẹ bạn bè thuộc giới sĩ quan, công chức. Liễu vội bàn ra:

Nè mấy bồ! Tui đề nghị món cháo gà tại đình Nguyễn Trung Trực, hay cháo huyết bà Mười bên xe Hà Tiên!

Tui đồng ý với bồ Lan, Hạnh xen vô, món bún cá hấp dẫn hơn. Ăn cháo quê thấy mồ à!

Liễu ráng gân cổ cãi, nhưng hai cô bạn ỷ vào đa số, lời em qua cầu sông Kiên, ngồi quanh gánh bún cá. Lúc đó, mẹ Liễu bận bịu múc cháo cho khách hàng, chưa nhìn kỹ ba cô gái vừa đến, thì Lan nhanh nhẩu:

Dì cho tụi con ba tô bún cá đi!

Dì Tư nhìn lên thấy cô con gái cưng của mình với hai cô bạn. Liễu duyên dáng trội hơn hai bạn xa làm bà rất hãnh diện. Từ nhỏ, đi học về Liễu

thường chạy đến gánh bún cá, lặn xăn phụ giúp mẹ. Lớn lên phải bận bịu với bài vở, Liễu thưa đến dần, và mấy năm nay thì vắng hẳn. Trong những lúc buôn bán đầu tắt mặt tối, đôi khi dì Tư bỗng ước ao cô con gái đến thăm mình, thì hạnh phúc biết bao. Sự hiện diện của Liễu hôm nay làm dì Tư cực kỳ vui sướng. Dì mừng rơn hỏi Lan:

Hai cháu đây, có phải là bạn cùng lớp với Bần không?

Đang ngồi trên ghế, Liễu vụt biến sắc, đoạn không nói một lời, bỏ chạy biến đi. Hai cô bạn không hiểu biến cố gì cũng ráng đuổi theo mà không bắt kịp. Dì Tư vì mừng con, cảm động sanh ra lỡ lời, gọi cái tên cấm kị khiến con giận bỏ đi. Dì bức rức không an, nhưng bận bịu khách hàng, nên chỉ biết nhìn theo buồn rười rượi.

Liễu về nhà đóng kín cửa khóc râm rức. Em xấu hổ vô hạn nên muốn trốn tránh mọi người. Sự kiện bị bạn bè khám phá cái tên Bần cực mịch, hèn hạ, xấu xí, đối với Liễu là một điều nhục nhã ghê gớm không thể gột rửa được. Rồi đây, chúng bạn sẽ sàm si cho cả trường biết cái tên kỳ cục đó. Bọn con trai trồng cây si thường ca tụng em mãnh mai, tha thướt như Liễu, bây giờ, sẽ bêu môi chê em cực mịch, đen đúa như bần. Càng nghĩ, Liễu càng phiền mẹ, giận cha. Ông già đâu phải là hạng vô học mà sao lại có ý nghĩ quái gở gọi tên con là Bần. Buổi chiều, nghe bước chân mẹ về, Liễu te lên giường, trùm mền kín mít. Dì Tư rón rén ngồi kế bên con, vỗ mông con nhè nhẹ:

Má lờ có một chút xiu hà! Thôi đừng giận má nghe!

Má làm nhục con! Má hồng thương con! Liễu vùng vằn:

Thương!... thương nhiều mà!...

Con nghỉ học! Con hồng đi đâu hết! Con hồng gặp ai nữa hết!

Đừng nói bậy con! Ba muốn con học thành tài mà!

Cũng ông già nữa! Con ghét ông! Ông hết chuyện rồi nên mới đặt cái tên kỳ cục đó cho con!

Dì Tư im lặng bỏ ra sau bếp. Liễu hiểu rõ tính mẹ. Em có thể hành hạ mẹ thế nào cũng được, nhưng nếu động đến cha một tí thì mẹ phiền lòng ngay.

Trong thâm tâm của mẹ, chồng bà là tất nhất, là thần tượng tôn quý mà không ai có thể chỉ trích được.

Liễu được mẹ nuông chiều tới đa, nên gặp việc trái ý, phản ứng có phần quá trớn. Dù sao, Liễu cũng ngoan ngoãn nên khi vô tình làm mẹ phiền giận, em cảm thấy hối hận vô cùng. Liễu dự định xin lỗi mẹ, nhưng sợ mẹ thấy dễ dãi

rồi cứ gọi cái tên Bàn hoài, nên giữ nguyên bộ mặt phụng phịu chờ mẹ làm lành trước.

Do đó, nếu đi Tư buồn hiu yên lặng thì Liễu cứ chằm dằm hờn dỗi, chiến tranh lạnh cứ tiếp tục cho đến buổi ăn chiều, rồi đến giờ ngủ nghỉ mà cũng không thay đổi. Thật ra, tuy mặt mày Liễu phụng phịu mà hờn giận đã tan dần, giờ thì Liễu chỉ mong được mẹ vỗ về mà thôi. Vì vậy, Liễu đâm ra để ý đến mẹ từng li từng tí, việc mà lúc bình thường em không bao giờ nghĩ đến. Mẹ làm công việc không hờ tay. Vừa về là mẹ lặn xả ra rửa mớ nôi niêu, chén bát... gánh về, đoạn gấp rút dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ..., rồi lặn xả soạn buổi cơm chiều tươm tất, luôn luôn thay đổi món cho con ngon miệng. Cơm xong, mẹ liền nai lưng ra lo lắng cho gánh bún cá ngày mai. Công việc không đơn giản như Liễu tưởng. Ngoài việc đương đầu với mớ cá và cái nôi nước lèo to tướng, mẹ còn lay quay với bao nhiêu thứ linh kinh khác liên quan đến gia vị, rau cải, nước chấm..., thành thử, gần đến 12 giờ đêm mẹ mới đi ngủ. Do buổi cơm chiều hờn giận ăn uống qua loa, cơn đói còn cào thức tỉnh Liễu lúc bốn giờ rưỡi sáng. Mẹ đã thức tự bao giờ. Bà lặng lẽ đun nóng lại nôi nước lèo, thu dọn sắp xếp mọi thứ, rồi bưng bả quấy gánh ra đi cho kịp những thực khách mở hàng lúc 5 giờ sáng. Ôi! 16 năm trời rông rã, mẹ đã âm thầm làm lũi nhọc nhằn mà Liễu có biết gì đâu? Liễu sống bên mẹ như một thượng khách, để được cung phụng, để đòi quà, để vùi vãnh mà thôi. Thương mẹ quá, Liễu phóng xuống giường, mở cửa nhìn theo, nhưng sương mù buổi sáng đã che khuất bóng bà rồi.

Đang suy tư vớ vẩn về tình mẹ thì Thanh, bí danh Thanh xí xọn, đến động cửa kéo Liễu đi chùa Phổ Minh. Hai em rủ nhau đi nghe thuyết pháp hàng tuần, rồi quyết định xin dự lễ quy y được tổ chức vào lúc 2 giờ trưa, cho chừng 30 Phật tử. Trước khi chánh thức hành lễ, thầy giảng dạy về tam quy và ngũ giới. Sau đó, thầy ban cho mỗi người một pháp danh và nhắc nhở mọi người thành tâm khi phát nguyện. Pháp danh của Liễu là Diệu Hương, và của Thanh là Diệu Thiệt. Thanh có máu văn nghệ, làm năm ba bài thơ con cóc, là đã có năm ba bút hiệu rồi. Đến chùa quy y, Thanh cũng mơ tưởng một pháp danh có vẻ văn nghệ một chút, không ngờ lại lãnh cái tên tầm thường, nên bất mãn ra mặt.

Thưa thầy! Thanh xí xọn đột ngột cắt ngang lời thầy, pháp danh Diệu Thiệt xấu quá hà! Thầy đổi pháp danh cho con thành Diệu Mộng Điệp hoặc Diệu Mộng Tuyên nghe thầy!

Thầy mỉm cười dễ dãi:

Diệu Thiệt có thể hiểu vấn tất là chân thật nhiệm màu, ý nghĩa thâm sâu không đến nỗi xấu xí đâu con. Thật ra, danh xưng chỉ là phương tiện giả tạm để gọi nhau, tự nó không chuyên chở giá trị tốt xấu, dở hay chi cả. Một kẻ lưu manh giả dạng tu sĩ có thể tự tô điểm mình bằng danh xưng hoà thượng, thượng toạ... kèm với pháp hiệu cao siêu như đặc pháp, ngộ đạo..., thì một vị chân chánh Bồ tát lại cũng có thể đội lột thẳng tu, con tám vô danh tiểu tốt nào đó. Pháp danh cũng là hình tướng, mà phạm hình tướng đều là hư vọng. Tu hành nếu chấp chặt vào hình tướng thì lầm lạc tà đạo. Ngược lại, nếu biết xử dụng hình tướng làm phương tiện nhắc nhở tu dưỡng tâm thì Phật tự tâm dễ hiển lộ. Pháp danh, do đó, chỉ là phương tiện nhắc nhở Phật tử rằng mình đã quy y để không xao lãng việc tu tâm. Hiểu được điều đó, thì pháp danh tự nó đã đẹp. Nếu không, pháp danh chỉ là một chiêu bài quảng cáo vô dụng.

Liễu chợt hiểu giá trị con người thể hiện qua tâm tư hành động, chứ không tùy thuộc vào mớ âm thanh vô nghĩa. Bần không có gì là xấu, Liễu không có gì là đẹp. Thế mà tại sao mình lại khư khư bám víu vào cái giả tạm hời hợt để mè nheo làm khổ mẹ?

Lễ quy y vừa chấm dứt, Liễu đã vội vã phóng chạy về nhà. Mẹ đã về. Cửa chỉ khép hờ. Liễu rón rén nhìn qua khe cửa thấy mẹ đang lui cui trước bàn thờ ba với một mâm cơm thịnh soạn. "Giỗ ba mà mình quên", Liễu thầm nhủ. Mẹ đang thấp nhang bàn thờ rồi làm bầm khăn vái. Mẹ gầy gò. Mẹ ốm yếu quá. Mẹ đã gánh chịu bao nỗi cực nhọc, đắng cay mà có bao giờ mẹ hỏi môi đâu? Bỗng Liễu khám phá mẹ khóc: mẹ cố gắng đè nén tiếng nức nở, nhưng đôi bờ vai mẹ rung động. Ôi! Mười sáu năm qua mẹ luôn luôn tươi cười che dấu thương đau, để rồi, biết bao lần mẹ đã âm thầm khóc như ngày hôm nay. Không cảm lòng được nữa, Liễu phóng nhanh đến bên mẹ, chui tọt vào lòng khóc nức nở:

Má ơi! Con thương má lắm má biết không? Má đừng buồn, đừng giận con ghen má! Má gọi con là Bần đi! Con là Bần! Bần của má đây nè!

Liễu đỗ tú tài phần nhất hạng ưu và tin tưởng sẽ gặt hái được kết quả tương tự trong kỳ thi toàn phần sắp tới. Ngày xưa ba thường ao ước có một đứa con y sĩ phục vụ cho đồng bào nghèo nông thôn. Hiểu lòng mẹ, nên Liễu tự nguyện phải thực hiện ước mơ của cha, và do đó, em lại càng cố gắng học

hành. Những sự suy thoái đột ngột về quân sự tại miền Trung đe dọa nặng nề an nguy đất nước. Liễu không mấy quan tâm về tình hình chính trị, nên chỉ biết lo âu về một sự đình hoãn thi cử, uống công lao một năm học miệt mài. Vào tháng 4 năm 1975, tình hình quân sự tại Kiên Giang tuy không có gì nghiêm trọng, nhưng những tin đồn về viễn ảnh mất nước, cộng với sự chuẩn bị ra đi của những nhà tai mắt, đã tạo nên tâm lý hỗn loạn chưa từng thấy tại tỉnh. Trường Trung học đóng cửa, ngày thi đình hoãn, nên dì Tư quyết định đưa con ra Hòn Tre tạm trú với cậu Ú Ú Theo dì Tư, cậu Ú Ú Trung úy Hải Quân chỉ huy trưởng căn cứ hải thuyền xung phong tại Hòn Tre (2), sẽ bảo đảm cho Liễu một nơi ăn ở an toàn để Liễu vững tâm học bài, chuẩn bị sẵn sàng cho kỳ thi Tú tài trước sau cũng tổ chức lại. Liễu phản đối quyết liệt vì muốn kề cận bên mẹ, nhưng dì Tư nhất định không đổi ý.

Đời sống trên đảo rất trầm lặng và dường như biệt lập không hay biết gì đến không khí tang thương hãi hùng tại đất liền. Liễu tạm yên tâm học bài vì không phải xao xuyến bởi những tin đồn, lời bàn bạc âu lo. Tuy nhiên, Liễu lại nơm nớp nghĩ đến an nguy của mẹ. Em thường leo lên tảng đá cao ở cô Rùa nhìn về Rạch Giá mà nhớ mẹ khôn nguôi.

Sống ở Hòn Tre mới 4 ngày, trong khi Liễu vẫn chăm cùi học hành như thường lệ, tình hình căn cứ náo động hẳn lên. Cậu Ú Ú áp tấp tìm Liễu, hồn hên nói: "Mất nước rồi! Con theo cậu mau". Liễu soạn đồ đạc, rồi chạy bám theo cậu như một cái bóng leo lên chiếc hải thuyền đã đầy người. Cậu Ú Ú a lệnh cho chiếc thuyền nổ máy ra đi. Thấy thuyền đâm ra hướng biển khơi, chớ không quay về đất liền, Liễu hiểu ý cậu, em khóc ò lên:

Cậu ơi! Còn má con thì sao? Cậu cho con về với má con! Con phải về Rạch Giá! Con không bỏ má con được đâu!

Cậu út ôm Liễu và cũng khóc theo.

Cậu cũng khổ vô cùng. Cậu đâu muốn xa đất nước nhưng má con nhắc nhớ cái chết của ba con để khuyên cậu đưa con đi. Bà nói "Xa con mà biết con học thành tài, tuy nhớ mà vui vẻ tự hào, chớ gần nhau để thấy con thất học hoặc bị đọa đầy, thì bà sẽ khổ biết chừng nào".

Ngừng một lúc lâu, cậu ngậm ngùi kể tiếp:

Tội nghiệp má con! Bao nhiêu vàng bạc dành dụm, bà đều giao hết cho cậu để cậu lo lắng cho con. Cậu năn nỉ bà giữ chút đỉnh phòng thân, bà nằng nằng không chịu!

Liều khóc mùi mẫn và linh cảm rằng ở phương trời kia, mẹ cũng đang rung rúc khóc như mình.

Hai cậu cháu đến đảo Guam, sang Mỹ, rồi được bảo trợ đến San Francisco. Thời gian đầu định cư tuy gian khổ nhưng cả hai cũng vượt qua không mấy khó khăn. Cậu khởi đầu với nghề rửa chén nhà hàng, rồi lần hồi, nhờ kinh nghiệm sửa máy tàu, cũng tìm được nghề chuyên viên cơ khí. Liều mất một thời gian chuẩn bị, rồi cũng được nhận vào đại học U.C. Berkeley. Liều dự trù sau 4 năm cử nhân sinh vật học, sẽ thi tuyển vào ngành y khoa. Với khả năng và quyết tâm của mình, Liều tin tưởng em sẽ hoàn thành ước mơ của cha mẹ không gì trở ngại.

Điều lo lắng lớn lao nhất của Liều là bà mẹ thương yêu còn kẹt lại ở quê nhà. Những tin tức kinh khủng về chế độ xã hội chủ nghĩa, về biện pháp kiểm kẹp dã man, về nền kinh tế què quặt, nạn đói, nạn lạm phát phi mã... khiến Liều mất ăn mất ngủ. Liều đề nghị bảo lãnh mẹ theo chương trình ra đi trật tự (ODP), nhưng mẹ không đồng ý. Mẹ nhấn mạnh rằng mẹ chỉ muốn con chuyên tâm vào việc học mà thôi, gạt lại mọi chuyện khác cho đến ngày ra trường sẽ tính. Thương mẹ, Liều chỉ biết cố gắng học và thỉnh thoảng gửi tiền, gửi quà về. Tuy nhiên, tên người gửi phải là Cậu út, nếu không mẹ nghĩ Liều ham làm việc lơ là chuyện học hành, thì bà rầy lắm.

Trong khi chờ đợi, Liều vẫn âm thầm chuẩn bị hồ sơ bảo lãnh, và do đó, đã đệ đơn xin nhập quốc tịch Hoa Kỳ. Elizabeth Trần, tức Thanh xí xọn, làm việc tại Hội Thiện Nguyện IRS lập hồ sơ cho Liều, khuyên Liều nên theo thời thế đổi tên mới tiện cho việc hành nghề y sĩ, vả lại "tên mình đẹp hay ho mà người Mỹ gọi thì cũng thành xấu xí ngờ nghêch hết, vậy thì giữ cái tên Việt để làm gì". Liều không thích so đo lợi hại chi cả. Em thương mẹ, em thương cái tên mẹ đặt cho em. Tên Việt nam, đâu có bị gọi ngọng nghịu, Liều vẫn cảm thấy gần gũi với mình hơn cái tên Hoa Kỳ lạ hoắc. Liều còn năn nỉ bạn bè gọi mình là Bần nữa kia, nhưng đâu có ai gọi tên em thắm thiết, triu mến như mẹ ngày xưa.

Sau 8 năm dằng dằng đợi chờ, ngày Liều tốt nghiệp tiến sĩ y khoa cũng từ từ đến. Liều mừng rỡ viết thư khẩn cấp báo tin cho mẹ, đồng thời, nhắc nhở bà gấp rút gửi khai sanh, hôn thú và các chứng từ khác bổ túc hồ sơ bảo lãnh.

Nôn nóng trông ngóng hơn hai tháng trời, Liễu mới nhận được thư mẹ. Bà viết: "Con đã ban cho má niềm vui nhất đời. Bây giờ thì má yên tâm rồi, má đã bán nhà chuẩn bị về Thủy Liễu tạm trú tại miếng đất hương hỏa với cậu Hai, để sẵn sóc mồ mả cha con cho đến lúc lìa đời".

Đau khổ trước quyết định của mẹ, Liễu chỉ biết van nài cậu Út yểm trợ mình, bằng cách viết thư về Việt nam năn nỉ mẹ thay đổi ý.

Nghĩ đến nếp sống thiếu thốn, cơ cực tại thôn quê, Liễu bức rức không an nên khi thấy quảng cáo tổ chức lãnh quay video tape cho thân nhân tại Việt nam, Liễu vội vàng liên lạc thuê họ. Em muốn hiểu rõ hoàn cảnh sống tại quê nhà và nhất là tha thiết mong thấy được chân dung người mẹ mến yêu, sau 8 năm xa cách.

Ba tháng sau, Liễu nhận được gói hàng video tape mong đợi. Liễu mừng hóm mở máy ra xem.

Cuộn tape bắt đầu với hình ảnh chợ Rạch Giá buồn thảm. Cảnh buôn bán tấp nập tràn lan ra vỉa hè, xâm lấn đến những con đường quanh chợ không còn nữa. Nhà lồng thừa thớt. Khu phố lờ lói, cửa đóng im lìm. Dãy hàng ba đường Bạch Đằng bao nhiêu hàng gánh, nay chỉ còn 1 em bé gầy còm bên rổ khoai xơ xác. Sinh hoạt thoi thóp. Phố xá quạnh hiu. Thỉnh thoảng mới có vài người đi bộ hoặc đi xe đạp qua lại, gương mặt gầy gò ốm đói, dáng dấp thần thờ. Hình ảnh được tiếp nối với con đường loang lổ ổ gà, bùn xình lầy lội đưa về quận, rồi đến giòng sông Thủy Liễu đen ngòm, buồn thảm.

Vừa thấy miếng vườn của Ông Ngoại hiện ra, Liễu ngồi bật dậy chăm chú nhìn. Hình ảnh căn nhà 3 gian cũ kỹ hiện rõ dần. Cậu và vợ Hai ngượng ngập với bày con cháu vây quanh. Bỗng Liễu cảm thấy có điều bất ổn. Em tự hỏi: "U□□ Má đâu hồng thấy cà!". Hình ảnh nối tiếp với cảnh cậu Hai ngồi trên ghế rọi lớn ra. Cậu Hai lên tiếng: "Bần à!", rồi đột nhiên nước mắt cậu ràn rụa. Cậu nghẹn ngào kể lể:

Sau bao năm nhọc nhằn sinh kế, lại khóc chồng, nhớ con, cô Tư đã bị lao phổi trầm trọng, mà điều kiện thuốc thang gần như không có. Cô Tư đau diêm vì sợ con phân tâm chệnh mảng học hành. Về Thủy Liễu, cô Tư đã yếu lắm rồi, nhưng cô vui vẻ cho biết "Con tui thành tài rồi! Tui sẽ theo chồng tui chớ không sống nữa đâu!". Cậu rầy cô Tư không cho nói gở. Hàng ngày cô Tư quanh quẩn bên mả chồng. Cậu nghĩ tánh cô ấy thương chồng chí thiết, chồng chết bao năm rồi mà mối tình vẫn nồng nàn nóng hổi như xưa, nên cũng không quan tâm lắm. Mãi đến khi xấp nhỏ (3) nghe cô Tư thì thăm

bên mộ: Anh Quân ơi ! con Bần thành tài rồi. Sao anh còn chưa dẫn em theo! Đừng để em sống một mình, em khổ lắm anh ơi!", cậu hoảng hồn đòi đưa cô đi bác sĩ tâm trí nhưng cô phản đối kịch liệt. Rồi cô Tư chẳng màng ăn uống, sức khỏe kiệt quệ lần, hơn mười ngày sau thì lìa đời...

Liểu gục đầu khóc nức nở. Qua làn nước mắt nhoè nhạt, Liễu còn thấy người ta quay tới quay lui, đũa gộc cạnh hình ảnh phóng đại của hai ngôi mộ lè tè, quanh hiu dưới cội bần căn cỗi. Liễu đã yêu cầu họ thu thật rõ chân dung của mẹ cơ mà. Thì ra, chân dung của mẹ chỉ là một nắm mộ đất thê lương nằm bẹp dí ở một mảnh quê hương điêu tàn, rách nát, nơi mà dốt nát, độc tài đang đồng loã nhau hoành hành thống trị.

Tháng 6.1989

GHI CHÚ:

Những câu hò tự sáng tác đầu điều luyện cũng không được tán thưởng bằng những câu gợi hứng từ ca dao, tục ngữ, vè, thơ thông dụng (như thơ Lục Vân Tiên...), mà đương sự chỉ cần thêm bớt đôi chút cũng đủ giải bày tình ý. Các câu hò này cũng phát xuất từ những câu ca dao mĩa mai các loại ông chồng miền Nam:

Có chồng say trong chay ngoài bội

Ngó vô nhà, như hội tầm xuân...

Hay là: Có chồng ghien như ông tiên nho nhỏ

Ngó vô nhà đèn đỏ, đèn xanh...

Hoặc: Có chồng ghen như cục ghen đeo mắt chó,

Bè bạn đến nhà, tó hó tăng hăng...

Hòn Tre: Hòn đảo nhỏ cách thị xã Rạch Giá khoảng 20 cây số: từ thị xã nhìn ra biển thấy dáng hòn đảo giống như con rùa, nên còn được gọi là Hòn Rùa.

Sấp nhỏ: đám co cháu nhỏ tuổi.

---o0o---
Hết